



Người ký: Sở Y Tế
Email: syt@hagiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Hà Giang
Thời gian ký: 04.11.2019 16:31:52
+07:00

UBND TỈNH HÀ GIANG
SỞ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: *962* /QĐ-SYT

Hà Giang, ngày 01 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

Gói thầu số 05: Gói thầu vật tư y tế tiêu hao

**Thuộc Dự án: Cung ứng thuốc - vật tư y tế và hóa chất cho các cơ sở y tế
công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2019-2021**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 16 tháng 6 năm 2015 quy định chi tiết lập Hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa;

Căn cứ Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án “Cung ứng thuốc-vật tư y tế và hóa chất cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2019-2021”.

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-SYT ngày 08/10/2019 về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu Gói thầu số 05: Gói thầu vật tư y tế tiêu hao của Sở Y tế Hà Giang;

Xét Tờ trình số 21/TTr-ĐVMT ngày 18/10/2019 của Đơn vị mua thuốc tập trung - Sở Y tế về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc Dự án “Cung ứng thuốc-vật tư y tế và hóa chất cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2019-2021” và Báo cáo thẩm định số 21/BC-TTĐ ngày 21/10/2019 của Tổ thẩm định đấu thầu thuốc Sở Y tế về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu trúng thầu Gói thầu số 05: Gói thầu vật tư y tế tiêu hao;

Theo đề nghị của Trưởng đơn vị mua thuốc Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 05: Gói thầu vật tư y tế tiêu hao thuộc Dự án: Cung ứng thuốc - vật tư y tế và hóa chất cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2019-2021 như sau:

1. Danh mục, số lượng, đơn giá, tổng giá trị gói thầu:

- Số mặt hàng trúng thầu: **505** mặt hàng.

- Tổng giá trị: **114.052.210.456đ** (Một trăm mười bốn tỷ, không trăm năm mươi hai triệu, hai trăm mười ngàn, bốn trăm năm mươi sáu đồng).

- Danh sách nhà thầu và số lượng mặt hàng được lựa chọn trúng thầu:

STT	NTTT	Tên nhà thầu	Số MH trúng thầu	Tổng giá trị trúng thầu (VNĐ)
1.	G5.NT01	Công ty TNHH và hóa chất Hoàng Phương	242	20.337.023.250
2.	G5.NT02	Công ty TNHH Liên Hợp Dược Hà Giang	06	5.040.737.300
3.	G5.NT03	Công ty Cổ Phần TBYT Việt Nhật	02	5.256.750.000
4.	G5.NT04	Công ty TNHH TBYT Công Nghệ Mới	01	23.625.000
5.	G5.NT05	Công ty CP dược và trang thiết bị y tế Bình Minh	26	9.431.696.000
6.	G5.NT07	Công ty TNHH thương mại Trung Đức	01	300.000.000
7.	G5.NT08	Viện trang thiết bị và công trình y tế	07	441.882.000
8.	G5.NT09	Công ty TNHH Đông Bắc	19	18.363.432.654
9.	G5.NT10	Tổng công ty cổ phần y tế Danameco	25	2.698.257.108
10.	G5.NT13	Công ty TNHH thương mại Bách Quang	01	270.000.000
11.	G5.NT15	Công ty CP thương mại và dược phẩm Hoàng Lan	04	2.039.337.950
12.	G5.NT16	Liên danh Hoàng Giang - Tân Thành	14	2.464.957.908
13.	G5.NT17	Công ty TNHH - TBYT Thành Công	01	1.500.000.000
14.	G5.NT18	Công ty TNHH TBYT Medicent	17	1.987.816.928

STT	NTTT	Tên nhà thầu	Số MH trúng thầu	Tổng giá trị trúng thầu (VNĐ)
15.	G5.NT21	Công ty Cổ phần Meditronic	01	919.800.000
16.	G5.NT22	Công ty CPTBYT Thái Phú	21	5.672.936.500
17.	G5.NT25	Công ty TNHH đầu tư & Thương Mại An Lành	04	1.651.398.084
18.	G5.NT26	Công ty cổ phần thương mại dược vật tư y tế Hà Nội	02	35.200.000
19.	G5.NT28	Công ty TNHH UNITED PHARMA	03	447.382.000
20.	G5.NT30	Liên danh Công ty CP dược TBYT Hà Giang - Công ty CP dược VTYT Hải Dương	18	16.820.789.900
21.	G5.NT32	Công ty cổ phần thiết bị vật tư Hoàng Minh	30	2.245.656.285
22.	G5.NT33	Công ty TNHH y tế Bình Minh	33	1.891.956.000
23.	G5.NT35	Liên danh công ty CPDP Minh Châu và Công ty TNHH TBYT Hoàng Anh	27	14.211.575.589
		Tổng cộng: 23 nhà thầu	505	114.052.210.456

(có danh mục chi tiết, giá trúng thầu và phạm vi cung cấp từng mặt hàng trúng thầu của các nhà thầu kèm theo)

2. Giá trúng thầu: Giá trúng thầu nêu trên đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan để thực hiện gói thầu như chi phí vận chuyển, bảo quản, bảo hành thuốc, các dịch vụ liên quan và các loại thuế, phí theo quy định hiện hành.

3. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định của từng mặt hàng.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 27 tháng kể từ ngày 01/11/2019 đến hết 31/12/2021.

Điều 2. Giao cho Đơn vị mua thuốc tập trung – Sở Y tế có trách nhiệm thông báo kết quả Lựa chọn nhà thầu, ký kết thỏa thuận khung với nhà thầu trúng thầu nêu tại Điều 1 và thực hiện các nội dung khác theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Trưởng các phòng chức năng của Sở Y tế, Đơn vị mua thuốc tập trung, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các nhà thầu trúng thầu có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/C);
- Sở Tài chính;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- BHXH tỉnh;
- BGĐ Sở Y tế;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, NVD.



DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 962 /QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Công ty TNHH và hóa chất Hoàng Phương

GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
1	N03.01.070	Bơm kim tiêm nhựa 3 ml	100 cái/ hộp	TC EN ISO 13485:2016; ISO 14001: 2015;TCVN;GMP - FDA	Công ty Cổ Phần Tanaphar (Hiệu: Tanaphar)	Việt Nam	Cái	140.000	712	99.680.000
2	N03.01.070	Bơm kim tiêm nhựa 5 ml	100 cái/ hộp	TC EN ISO 13485:2016; ISO 14001: 2015;TCVN;GMP - FDA	Công ty Cổ Phần Tanaphar (Hiệu: Tanaphar)	Việt Nam	Cái	1.174.700	805	945.633.500
3	N03.01.070	Bơm kim tiêm nhựa 10 ml	100 cái/ hộp	TC EN ISO 13485:2016; ISO 14001: 2015;TCVN;GMP - FDA	Công ty Cổ Phần Tanaphar (Hiệu: Tanaphar)	Việt Nam	Cái	881.100	1.168	1.029.124.800
4	N03.01.070	Bơm kim tiêm nhựa 20 ml	100 cái/ hộp	TCVN, ISO 13485-2012; ISO 9001:2008	Công ty Cổ Phần Tanaphar (Hiệu: Vihankok)	Việt Nam	Cái	186.100	1.548	288.082.800
5	N03.01.070	Bơm kim tiêm nhựa 20 ml	25 cái/ hộp	EN ISO 13485:2016	Công ty Cổ Phần Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Cái	359.000	1.548	555.732.000
6	N03.01.070	Bơm kim tiêm nhựa 20 ml	25 cái/ hộp	ISO 13485:2012; ISO 9001:2008	Mediplast	Việt Nam	Chiếc	47.000	1.548	72.756.000
7	N03.01.070	Bơm kim tiêm nhựa 50 ml	25 chiếc/ hộp	EN ISO 13485:2016	Công ty Cổ Phần Tanaphar (Hiệu: Tanaphar)	Việt Nam	Cái	31.100	3.700	115.070.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
8	N03.01.070	Bơm tiêm nhựa 50 ml	25 chiếc/ hộp	TCVN, ISO 13485-2012; ISO 9001:2008	Công ty Cổ Phần Tanaphar (Hiệu: Vihankok)	Việt Nam	Chiếc	24.400	3.700	90.280.000
9	N03.01.070	Bơm tiêm nhựa 50 ml	25 chiếc/ hộp	ISO 13485:2012; ISO 9001:2008	Medioplast	Việt Nam	Chiếc	3.000	3.700	11.100.000
10	N03.01.010	Bơm nhựa cho ăn 50 ml	25 cái/ hộp	EN ISO 13485:2016	Công ty Cổ Phần Tanaphar (Hiệu: Vihankok)	Việt Nam	Cái	18.725	3.700	69.282.500
11	N03.01.010	Bơm nhựa cho ăn 50 ml	100 cái/ hộp	TCVN, ISO 13485-2012; ISO 9001:2008	Medioplast	Việt Nam	Cái	4.400	3.700	16.280.000
12	N03.01.010	Bơm nhựa cho ăn 50 ml	25 cái/ hộp	ISO 13485:2012; ISO 9001:2008	Medioplast	Việt Nam	Cái	5.000	3.700	18.500.000
13		Bơm tiêm nha khoa	1 Cái/ hộp	TCCE	Pakistan	Pakistan	Cái	5	119.000	595.000
14	N02.02.020	Băng dính vô trùng cổ định kim luồn size 53x80 mm	50 miếng / hộp	ISO 13485-2016 EN ISO 13485-2016	Urgo	Thái Lan	Miếng	1.000	9.450	9.450.000
15	N02.01.060	Băng rốn trẻ em	hộp 3 cái	ISO 13485-2003	Đông Pha	Việt Nam	Cái	13.900	1.280	17.792.000
16	N02.04.040	Xốp cầm máu	Hộp/6 miếng	ISO 13485	SMI	Bỉ	Miếng	460	29.800	13.708.000
17	N02.04.040	Xốp cầm máu	Hộp/10 miếng	ISO 13485	SMI	Bỉ	Miếng	360	67.800	24.408.000
18	N02.04.040	Miếng cầm máu mũi các loại, các cỡ	10 miếng/ Hộp	EN ISO 13485: 2012+AC:2012	Medtronic Xomed	Mỹ	Chiếc	940	132.000	124.080.000
19		Chỉ khâu phẫu thuật mắt số 9, 10	12 sợi/Hộp	EN ISO 13485 :2016	SMI	Bỉ	Sợi	444	128.200	56.920.800
20	N05.02.030	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene 2/0	12 sợi/Hộp	EN ISO 13485 :2016	SMI	Bỉ	Sợi	30	48.800	1.464.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
21	N05.02.030	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene 3/0	12 sợi/Hộp	ISO 13485	SMI	Bi	Sợi	400	42.780	17.112.000
22	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp số 1	12 sợi/Hộp	ISO 13485	SMI	Bi	Sợi	4.000	41.880	167.520.000
23	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp số 2/0	12 sợi/Hộp	ISO 13485	SMI	Bi	Sợi	1.180	39.800	46.964.000
24	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp số 3/0,4/0	12 sợi/Hộp	ISO 13485	SMI	Bi	Sợi	2.800	41.220	115.416.000
25	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 1	12 sợi/Hộp	ISO 13485	SMI	Bi	Sợi	1.000	41.880	41.880.000
26	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 4/0	12 sợi/Hộp	ISO 13485	SMI	Bi	Sợi	400	39.760	15.904.000
27	N05.02.040	Chỉ thép liền kim	Hộp/12 vi (Vi 4 sợi)	ISO 13485	SMI	Bi	Sợi	232	64.800	15.033.600
28	N05.02.040	Chỉ thép liền kim số 1	Hộp/12 vi (Vi 4 sợi)	ISO 13485	SMI	Bi	Sợi	48	64.800	3.110.400
29	N05.02.040	Chỉ thép liền kim số 4	Hộp/12 vi (Vi 4 sợi)	ISO 13485	SMI	Bi	Sợi	24	65.400	1.569.600
30	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 1	12 sợi/Hộp	ISO 13485	SMI	Bi	Sợi	1.000	44.680	44.680.000
31	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 2/0	12 sợi/Hộp	ISO 13485	SMI	Bi	Sợi	200	39.400	7.880.000
32	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp số 1	Hộp 12 sợi	ISO + CE	SMI	Bỉ	Sợi	4.000	44.680	178.720.000
33	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp số 2	Hộp 12 sợi	ISO + CE	SMI	Bỉ	Sợi	2.000	44.800	89.600.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
34	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp số 2/0	Hộp 12 sợi	ISO + CE	SMI	BỈ	Sợi	600	40.350	24.210.000
35	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp số 3/0	Hộp 12 sợi	ISO + CE	SMI	BỈ	Sợi	3.200	41.420	132.544.000
36	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp số 4/0	Hộp 12 sợi	ISO + CE	SMI	BỈ	Sợi	400	39.450	15.780.000
37	N05.02.040	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp Polyglycolic acid số 2/0 Rapid	Hộp 12 sợi	ISO + CE	SMI	BỈ	Sợi	2.000	49.780	99.560.000
38	N05.02.040	Chỉ Catgut Chrom số 0 (Chỉ Chromic số 0) - Kim tròn 1/2, kim 37mm	Hộp 12 sợi	ISO + CE	SMI	BỈ	Sợi	900	24.200	21.780.000
39	N05.02.040	Chỉ Catgut Chrom số 1 (Chỉ Chromic số 1) - Kim tròn 1/2, kim 40mm	Hộp 12 sợi	ISO + CE	SMI	BỈ	Sợi	2.320	24.880	57.721.600
40	N05.02.040	Chỉ Catgut Chrom số 2/0 (Chỉ Chromic số 2/0) - Kim tròn 1/2, kim 30mm	Hộp 12 sợi	ISO + CE	SMI	BỈ	Sợi	2.100	23.480	49.308.000
41	N05.02.040	Chỉ Catgut Chrom số 3/0 (Chỉ Chromic số 3/0) - Kim tròn 1/2, kim 26mm	Hộp 12 sợi	ISO + CE	SMI	BỈ	Sợi	1.420	22.840	32.432.800
42	N05.02.030	Chỉ lạnh cuộn 200m	1 cuộn/hộp	ISO 9001:2008	DMC	Pháp	Cuộn	392	148.000	58.016.000
43	N03.05.010	Dây truyền dịch Kim thường 23Gx1',21G x 1 1/2',22Gx 1 1/4'	Túi 1 bộ x 500 bộ/ kiện	Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 . TCVN 6591-4: 2008	Công ty Cổ Phần Tanaphar	Việt Nam	Bộ	127.100	4.680	594.828.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
44	N03.05.010	Dây truyền dịch cánh bướm	1 bộ/túi	ISO 9001, ISO 13485	Công ty Cổ Phần Tanaphar	Việt Nam	Bộ	65.300	4.100	267.730.000
45		Dây garo tiêm	1 bộ/túi	ISO 9001:2008	Cao su tháng 5	Việt Nam	Cái	17.926	1.880	33.700.880
46	N08.00.310	Mask khí dung NL+TE	Hộp/100 cái	TCCL: ISO 13485: 2003/NS-EN ISO 13845: 2012; EC	Suzhou Yudu	Trung Quốc	Cái	1.390	14.800	20.572.000
47	N08.00.310	Mask thở oxy Sơ sinh, NL+TE	Hộp/100 cái	TCCL: ISO 13485: 2003/NS-EN ISO 13845: 2012; EC	Suzhou Yudu	Trung Quốc	Cái	1.940	10.200	19.788.000
48	N08.00.310	Mask thở oxy Sơ sinh, NL+TE có túi dự trữ	Hộp/100 cái	TCCL: ISO 13485: 2003/NS-EN ISO 13845: 2012; EC	Suzhou Yudu	Trung Quốc	Cái	1.230	18.600	22.878.000
49	N08.00.310	Mask gây mê Size 1,2,3,4,5.	Hộp/100 cái	TCCL: ISO 13485: 2003/NS-EN ISO 13845: 2012; EC	Suzhou Yudu	Trung Quốc	Cái	1.022	32.000	32.704.000
50		Khẩu trang giấy 3 lớp đã tiệt trùng	50 cái/ hộp	ISO 13485-2003	Công ty Cổ Phần Tanaphar	Việt Nam	Cái	243.950	418	101.971.100
51	N03.07.080	Túi hậu môn nhân tạo (Kích cỡ Φ 45, Φ 60)	Hộp 100 túi; 25 cái/ túi; 24 hộp/ kiện.	ISO 13485: 2003	Công ty Cổ Phần Tanaphar	Việt Nam	Cái	2.300	2.280	5.244.000
52	N03.07.030	Túi máu ba 250ml, 350ml	4 túi/Bịch	Chứng chỉ ISO13485, CE, Giấy chứng nhận lưu hành tự do do bộ y tế Việt Nam cấp.	Terumo	Việt Nam	Túi	2.200	124.000	272.800.000
53	N03.07.030	Túi máu đơn	10 bộ/hộp	Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016, EC	Terumo	Việt Nam	Túi	5.545	49.800	276.141.000
54	N03.07.060	Túi nước tiểu	10 cái/túi	ISO: ISO 9001:2000	Sainty	Trung Quốc	Túi	12.440	4.400	54.736.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
55	N03.06.030	Găng tay khám bệnh các số	50 đôi/hộp	Chứng chỉ chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, Directive 93/42/EEC FDA	Nhãn hiệu :HP Glove-Hãng Top Glove	Malaysia	Đôi	1.220.000	996	1.215.120.000
56	N03.06.050	Găng tay phẫu thuật chưa tiệt trùng các số	50 đôi/hộp;	đạt TCVN ISO 9001:2008/ISO 9001:2008	Caosumina	Việt Nam	Đôi	850	2.980	2.533.000
57	N03.06.050	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số	50 đôi/hộp; 10 hộp/thùng	AQL: 1.5, GMP; EC, FDA, ISO 9001: 2008; ISO 13485:2012+AC:2012; ISO 14001:2004	Nhãn hiệu :HP Glove-Hãng Top Glove	Malaysia	Đôi	154.000	3.430	528.220.000
58	N07.01.500	Phim ảnh Sony	100 tờ/ hộp	CE No. Q2N 12 04 16583 007	Ceracarta (Hiệu: Sony)	Nhật Bản	Cuộn	245	134.000	32.830.000
59	N07.01.500	Phim X- quang các loại, các cỡ	100 tờ/ hộp		AGFA	Bi	Hộp	60	425.000	25.500.000
60	N07.01.500	Phim X- quang các loại, các cỡ	100 tờ/ hộp		AGFA	Bi	Hộp	120	1.147.000	137.640.000
61	N07.01.500	Phim XQ 35 x 35 cm	100 tờ/ hộp		AGFA	Bi	Hộp	20	1.198.000	23.960.000
62	N07.01.500	Phim Xquang 24x30	100 tờ/ hộp		AGFA	Bi	Hộp	20	748.000	14.960.000
63	N03.03.080	Kim lọc thận AVF16G	Bao 1 cái	Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Guangdong Baihe Medical Technology Co., Ltd	Trung Quốc	Cái	17.520	6.600	115.632.000
64		Bộ dây chạy thận	24 bộ/ thùng	ISO 13485: 2012 EC	Guangdong Baihe Medical Technology Co., Ltd	Trung Quốc	Bộ	20	54.000	1.080.000
65	N03.02.020	Kim bướm	100 cái/ hộp	ISO 9001: 2015, ISO 13485:2016 TCVN6591-4 :	Weifang Huaxing Medical Instruments Co.,Ltd	Trung Quốc	Cái	207.710	987	205.009.770

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
66	N03.03.010	Kim gây tê và chọc dò tủy sống các số G18 - G27	25 cái/hộp	CE, ISO 13485:2003, EN ISO 13485:2012, UNE- EN ISO 13485: 2013	Nipro	Nhật Bản	cái	5.050	19.840	100.192.000
67	N03.03.070	Kim gây tê răng	100 cái/Hộp	EC; ISO 13485:2012	Terumo	Nhật Bản	Cái	5.700	1.660	9.462.000
68	N03.03.140	Kim luồn dùng cho máy Laser nội mạch	50 cái/hộp	TCCE, ISO	Terumo	Philipin	Cái	20.100	11.980	240.798.000
69	N03.03.140	Kim quang dùng cho máy Laser nội mạch	50 cái/hộp	TCCE, ISO 13485:2003	Kangxing	Trung Quốc	Cái	17.300	26.800	463.640.000
70	N03.03.010	Kim chọc mạch số 16,18	50 cái/hộp	TCCE, ISO	Terumo	Philipin	Cái	450	11.980	5.391.000
71	N03.02.080	Kim nha khoa	100 cái/Hộp	TCCE, ISO	Terumo	Nhật Bản	Cái	4.500	1.660	7.470.000
72		Bộ gây tê ngoài màng cứng	Túi 1 cái	TCCE	Zhejiang Fert Medical Device	Trung Quốc	Cái	200	188.000	37.600.000
73		Ống nghiệm EDTA K2 HTM 2ml nắp xanh dương, mous thấp	2,400 ống/thùng	* Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016	CÔNG TY CP VẬT TƯ Y TẾ HỒNG THIỆN MỸ	Việt Nam	Ống	455.400	670	305.118.000
74		Ống nghiệm Serum hạt to HTM nắp đỏ	2,500 ống/thùng	* Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016	CÔNG TY CP VẬT TƯ Y TẾ HỒNG THIỆN MỸ	Việt Nam	Ống	4.400	838	3.687.200
75		Ống nghiệm Heparin Lithium HTM 2ml nắp đen, mous thấp.	2,400 ống/thùng	* Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016	CÔNG TY CP VẬT TƯ Y TẾ HỒNG THIỆN MỸ	Việt Nam	Ống	577.000	817	471.409.000
76		Ống nghiệm Citrate 3,8% HTM 2ml nắp xanh lá, mous thấp	2,400 ống/thùng	* Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016	CÔNG TY CP VẬT TƯ Y TẾ HỒNG THIỆN MỸ	Việt Nam	Ống	69.975	732	51.221.700
77		Ống nghiệm nhựa PS 5ml không nắp, không nhãn	500 ống/bịch	* Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016	CÔNG TY CP VẬT TƯ Y TẾ HỒNG THIỆN MỸ	Việt Nam	Ống	4.000	232	928.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
78		Ống nghiệm nhựa PS 5ml không nắp, có nhãn	500 ống/bịch	* Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016	CÔNG TY CP VẬT TƯ Y TẾ HỒNG THIỆN MỸ	Việt Nam	Ống	4.000	285	1.140.000
79		Ống nghiệm nhựa PS 5ml có nắp, có nhãn	500 ống/bịch	* Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016	CÔNG TY CP VẬT TƯ Y TẾ HỒNG THIỆN MỸ	Việt Nam	Ống	79.100	403	31.877.300
80		Lọ nhựa đựng mẫu PS tiệt trùng 50ml HTM nắp đỏ, có nhãn	lọ/bịch	* Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016	CÔNG TY CP VẬT TƯ Y TẾ HỒNG THIỆN MỸ	Việt Nam	Lọ	5.800	1.980	11.484.000
81		Đĩa Petri nhựa Ø90 HTM	500 Đĩa/Thùng	* Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016	CÔNG TY CP VẬT TƯ Y TẾ HỒNG THIỆN MỸ	Việt Nam	Chiếc	90.300	2.200	198.660.000
82	N07.05.020	Sonde Foley 2 nhánh trẻ em	Hộp/10 cái	TCCL: ISO 13485: 2003/NS-EN ISO 13845: 2012; EC	Suzhou Yudu	Trung Quốc	Cái	1.050	11.200	11.760.000
83	N07.05.020	Sonde Foley 3 nhánh	Hộp/10 cái	TCCL: ISO 13485: 2003/NS-EN ISO 13845: 2012; EC	Suzhou Yudu	Trung Quốc	Cái	320	18.400	5.888.000
84	N04.01.030	Ống đặt nội khí quản các số	Hộp/10 cái	TCCL: ISO 13485: 2003/NS-EN ISO 13845: 2012; EC	Suzhou Yudu	Trung Quốc	Cái	4.385	12.800	56.128.000
85	N04.01.030	Ống đặt nội khí quản có bóng số từ 2/0 đến 9/0	Hộp/10 cái	TCCL: ISO 13485: 2003/NS-EN ISO 13845: 2012; EC	Suzhou Yudu	Trung Quốc	Sợi	10.943	12.800	140.070.400
86	N04.01.030	Ống Nội khí quản lò xo có bóng chèn người lớn	10 cái/ hộp.	Tiêu chuẩn: FDA, EC, ISO 13485: 2012	Covidien	Ireland	Cái	40	1.157.000	46.280.000
87	N04.01.030	Ống Nội khí quản lò xo có bóng chèn dành cho nhi	10 cái/ hộp.	Tiêu chuẩn: FDA, EC, ISO 13485: 2012	Covidien	Ireland	Cái	30	1.874.000	56.220.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
88	N04.02.060	Dây hút nhót loại không kiểm soát	25 cái/ hộp	Tiêu chuẩn: FDA, EC, ISO 13485: 2012	Covidien	Thailand	Cái	1.300	16.950	22.035.000
89	N04.02.060	Thông Foley 3 nhánh	11 cái/ hộp.	Tiêu chuẩn: FDA, EC, ISO 13485: 2012	Covidien	Malaysia	Cái	280	96.600	27.048.000
90	N04.01.090	Sonde cho ăn dành cho nhi	25 cái/ hộp	Tiêu chuẩn: FDA, EC, ISO 13485: 2012	Covidien	Thailand	Cái	4.250	21.800	92.650.000
91		Thông dạ dày dài ngày	10 cái/ hộp.	Tiêu chuẩn: FDA, EC, ISO 13485: 2012	Covidien	Mexico	Cái	80	336.000	26.880.000
92		Ống nối dây máy thở không gấp góc	25 cái/ hộp	Tiêu chuẩn: FDA, EC, FSC, ISO 13485: 2012	Covidien	Italy	Cái	80	90.400	7.232.000
93		Đệm đỡ nhót làm mẫu xét nghiệm (Bộ lấy đệm phế quản)	1 cái/ túi	Tiêu chuẩn: EC, ISO 13485: 2012	Covidien	Mexico	Cái	30	109.900	3.297.000
94		Ống hút dịch đầu tròn	50 cái/ hộp	Tiêu chuẩn: EC, ISO 13485: 2012	Covidien	Mexico	Cái	110	39.200	4.312.000
95		Lọc khuẩn, lọc virus	25 cái/ hộp	Tiêu chuẩn: FDA, EC, FSC, ISO 13485: 2012	Covidien	Italy	Cái	200	21.800	4.360.000
96		Ống đông máu Natricitrat	100 cái/ hộp	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2003 * Có giấy phép lưu hành của Bộ Y Tế cấp.	An Phú	Việt Nam	Cái	71.000	609	43.239.000
97		Ống EDTA (Ống lưu máu kháng đông EDTA)	2400 cái/thùng	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2003 * Có giấy phép lưu hành của Bộ Y Tế cấp.	An Phú	Việt Nam	Cái	403.800	609	245.914.200
98		Ống nghiệm Heparin	100 ống/ hộp	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2003 * Có giấy phép lưu hành của Bộ Y Tế cấp.	An Phú	Việt Nam	Cái	358.800	745	267.306.000
99		Ống cầm phanh Inox loại trung	ống	ISO 9001:2008	Bình An	Việt Nam	Ống	225	32.000	7.200.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
100	N04.01.030	Ống đặt nội khí quản có bóng chèn size 7.0 và 7.5	10 cái/hộp	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; EC G2 17 04 99261 004	Hangzhou Jinlin (Kyoling)	Trung Quốc	Cái	200	14.600	2.920.000
101		Ống đo chức năng hô hấp	01 Ống	ISO 9001:2008	Hải Anh	Việt Nam	Ống	3.650	3.650	13.322.500
102	N04.02.060	Ống hút dịch	01cái/ gói	ISO 9001:2008	Hospitech	Malaysia	Cái	4.340	14.000	60.760.000
103	N04.02.060	Ống hút dùng 1 lần	01Cái/túi	ISO 9001:2008	Hospitech	Malaysia	Cái	150	14.000	2.100.000
104		Mô vịt nhựa	01Cái/túi	TCVN, GMP-FDA và ISO 13485:2003 hoặc tương đương.	Công ty Cổ Phần Tanaphar	Việt Nam	Cái	400	4.200	1.680.000
105	N07.05.020	Sonde Foley Catheter	01 cái/túi	CE No. Q1N 13 04 73283 015	AM Xiang - Jiang	Trung Quốc	Cái	2.200	11.400	25.080.000
106	N04.01.090	Sonde hậu môn	01 cái/túi	TCVN	Hoàng Sơn	Việt Nam	Cái	3.080	5.200	16.016.000
107	N07.05.020	Sonde Nelaton các số	20 cái/túi	Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2000	Sainty	Trung Quốc	Cái	19.420	4.100	79.622.000
108	N04.01.080	Sonde oxy 2 nhánh	01 cái/túi	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; EC G2 17 04 99261 004	AM Xiang - Jiang	Trung Quốc	Cái	3.040	4.480	13.619.200
109	N04.02.060	Dây hút dịch silicol 3,6m	01 cái/ túi	ISO 9001:2008	Hospitech	Malaysia	Cái	3.640	42.000	152.880.000
110		Giấy điện tim 12 cần	10 cuộn/hộp	ISO 9001: 2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive93/42/EEC	Dykam	Israel	Cuộn	40	55.800	2.232.000
111		Giấy điện tim 6 cần	10 cuộn/hộp	ISO 9001: 2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive93/42/EEC	Dykam	Israel	Tệp	4.114	29.800	122.597.200
112		Giấy điện tim 3 cần	10 cuộn/hộp	ISO 9001: 2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive93/42/EEC	Dykam	Israel	Cuộn	4.780	14.800	70.744.000
113		Giấy in máy huyết học	10 cuộn/hộp	ISO 9001: 2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive93/42/EEC	Dykam	Israel	Cuộn	1.792	8.680	15.554.560
114		Giấy in máy Moritor sản khoa	Cuộn	ISO 9001: 2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive93/42/EEC	Dykam	Israel	Cuộn	745	67.500	50.287.500

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
115		Giấy in máy nước tiểu	10 cuộn/hộp	ISO 9001: 2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive93/42/EEC	Dykam	Israel	Cuộn	4.432	8.700	38.558.400
116		Giấy in máy sinh hóa	10 cuộn/hộp	ISO 9001: 2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive93/42/EEC	Dykam	Israel	Cuộn	742	8.680	6.440.560
117		Giấy in siêu âm UPP-110S	10 cuộn/hộp	ISO9001:2008; ISO13485:2003+AC:2007; EC Directive 93/42/EEC	Ceracarta (Hiệu: Sony)	Nhật Bản	Cuộn	3.530	114.000	402.420.000
118		Giấy in siêu âm UPC-21L	03 tập/hộp	ISO9001:2008; ISO13485:2003+AC:2007; EC Directive	Ceracarta (Hiệu: Sony)	Nhật Bản	Tập	210	675.000	141.750.000
119	N08.00.250	Điện cực tim	100 cái/túi	Tiêu chuẩn FDA, ISO 13485: 2012.	Covidien	Canada	Cái	5.200	3.750	19.500.000
120	N08.00.250	Điện cực dán đo điện tim Sainty YD55	30 cái/túi	ISO 9001:2000	Sainty	Trung Quốc	Cái	1.800	1.480	2.664.000
121	N08.00.250	Dán điện tim	01 cái/túi	TCCE	Kendall	Áo	Cái	18.180	1.800	32.724.000
122	N08.00.250	Điện cực tim nền xốp	50 miếng/túi	CN chất lượng: ISO, FDA	3M	Canada	Miếng	900	3.980	3.582.000
123		Giấy in ảnh Sony Nhật	10 cuộn/hộp	ISO 9001: 2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive93/42/EEC	Ceracarta (Hiệu: Sony)	Nhật Bản	Cuộn	1.655	134.000	221.770.000
124	N04.04.010	Catheter chạy thận nhân tạo	1 cái/ hộp	TCCE	Shunmei	Trung Quốc	Cái	440	338.000	148.720.000
125	N04.01.010	Canyn mayo (nhựa)	1 cái/túi	ISO 13485:2003	Hsiner	Đài Loan	Cái	1.370	5.000	6.850.000
126	N04.01.020	Canyn mở khí quản bạc	1 cái/túi	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Prime	Pakistan	Cái	570	94.500	53.865.000
127	N04.04.010	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	01 cái/bao	Tiêu chuẩn: ISO 13485:2003/ NS-EN ISO 13485:2012/ ISO 9001:2008, EC	Guangdong Baihe Medical Technology Co., Ltd	Trung Quốc	Cái	554	312.000	172.848.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
128	N04.04.010	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	01 cái/bao	- Tiêu chuẩn: ISO 13485:2003/ NS-EN ISO 13485:2012/ ISO 9001:2008, EC	Guangdong Baihe Medical Technology Co., Ltd	Trung Quốc	Cái	54	348.000	18.792.000
129	N04.04.010	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	Hộp 10 cái	ISO 13485:2016/ NS-EN ISO 13485:2016, EC	Shunmei	Trung Quốc	Cái	503	188.000	94.564.000
130	N04.04.010	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Hộp 10 cái	ISO 13485:2016/ NS-EN ISO 13485:2016, EC	Shunmei	Trung Quốc	Cái	40	295.000	11.800.000
131	N04.04.010	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Hộp 10 cái	ISO 13485:2016/ NS-EN ISO 13485:2016, EC	Shunmei	Trung Quốc	Cái	60	348.000	20.880.000
132	N05.03.020	Dao 15 độ	01 cái/túi	ISO 9001 : 2008 ISO 13485 : 2003 CE / FDA	Shreeji	Ấn Độ	cái	1.480	132.000	195.360.000
133	N05.03.020	Dao 15 độ	01 cái/túi	Directive 93/42/EEC ISO 13485:2003 ISO 9001:2008 CO; CQ	Shreeji	Ấn Độ	Cái	200	128.000	25.600.000
134	N05.03.020	Dao 2,85 cm	01 cái/túi	ISO 9001 : 2008 ISO 13485 : 2003 CE / FDA	Shreeji	Ấn Độ	cái	1.320	248.000	327.360.000
135	N05.03.020	Dao 2,85 cm	01 cái/túi	EC, ISO 13485:2003	Shreeji	Ấn Độ	Cái	300	248.000	74.400.000
136	N05.03.020	Dao đường hầm	1 cái/túi	ISO 9001 : 2008 ISO 13485 : 2003 CE / FDA	Shreeji	Ấn Độ	cái	640	248.000	158.720.000
137	N05.03.020	Dao đường hầm	1 cái/túi	EC, ISO 13485:2003	Shreeji	Ấn Độ	Chiếc	240	242.000	58.080.000
138	N05.03.020	Dao lạng mỏng	1 cái/túi	EC, ISO 13485:2003	Shreeji	Ấn Độ	Chiếc	530	248.000	131.440.000
139	N05.03.080	Lưỡi dao mổ vô trùng các số	Hộp 100 cái	ISO 13485 + AC : 2012; ISO 9001 : 2008	Kehr	Ấn Độ	Cái	21.200	850	18.020.000
140	N05.03.040	Tay dao điện 3 giác cầm bằng thép không gỉ	túi 01 cái	ISO 9001:2008 AND ISO 13485:2003	Yueh Sheng Electronic Industrial Co.,Ltd	Đài Loan	Cái	6.895	38.200	263.389.000
141	N07.03.050	Chất nhuộm bao	Hộp		Ophtechinics	Ấn Độ	Hộp	580	186.000	107.880.000
142	N07.03.050	Thuốc nhuộm bao	Lọ vô trùng 1ml	DIN EN ISO 13485 : 2012	Ophtechinics	Ấn Độ	lọ	280	186.000	52.080.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
143		Chổi đánh bóng (sau khi lấy cao răng)	01Cái/túi	ISO 13485: 2003	TPC	Mỹ	Cái	600	3.600	2.160.000
144	N08.00.260	Kim nhổ răng số 8 hàm dưới	01Cái/túi	ISO 13485: 2003	Pakistan	Pakistan	Cái	10	88.000	880.000
145	N08.00.260	Kim nhổ răng số 8 hàm trên bên phải	01Cái/túi	ISO 13485: 2003	Pakistan	Pakistan	Cái	10	88.000	880.000
146	N08.00.260	Kim nhổ răng số 8 hàm trên bên trái	01Cái/túi	ISO 13485: 2003	Pakistan	Pakistan	Cái	10	88.000	880.000
147		Bẫy nhổ răng	01Cái/túi	ISO 13485: 2003	Pakistan	Pakistan	Cái	120	42.000	5.040.000
148		Mặt gương nha khoa	01 Cái/túi	ISO 13485: 2003	Pakistan	Pakistan	Cái	220	7.800	1.716.000
149	N08.00.330	Mũi khoan đường kính 1,5, dài 76	1 cái/hộp	ISO 13485: 2003	Mani	Nhật Bản	Cái	100	88.000	8.800.000
150	N08.00.330	Mũi khoan kim cương chóp ngược các cỡ	01 Cái/túi	ISO 13485: 2003	Pakistan	Pakistan	Cái	150	24.000	3.600.000
151		Giũa ống tùy màu đỏ	01 Cái/túi	ISO 13485: 2003	Mani	Trung Quốc	Cái	270	9.680	2.613.600
152	N03.03.030	Châm gai lấy tùy màu đỏ các cỡ	01 Cái/túi	ISO 13485: 2003	Mani	Việt Nam	Cái	370	9.200	3.404.000
153	N03.03.030	Châm gai lấy tùy màu trắng các cỡ	01 Cái/túi	ISO 13485: 2003	Mani	Việt Nam	Cái	920	9.100	8.372.000
154	N03.03.030	Châm gai lấy tùy màu vàng các cỡ	01 Cái/túi	ISO 13485: 2003	Mani	Việt Nam	Cái	900	9.100	8.190.000
155	N08.00.260	Kim nhổ chân răng cửa hàm trên	01 Cái/túi		Prime	Pakistan	Cái	10	88.000	880.000
156	N08.00.260	Kim nhổ chân răng cửa hàm dưới	01 Cái/túi		Prime	Pakistan	Cái	10	88.000	880.000
157	N08.00.260	Kim nhổ răng cửa hàm dưới	01 Cái/túi		Prime	Pakistan	Cái	10	88.000	880.000
158	N08.00.260	Kim nhổ răng cửa hàm trên	01 Cái/túi		Prime	Pakistan	Cái	10	88.000	880.000
159		Ống ngậm miệng bằng giấy to	Hộp 100 cái		Hải Anh	Việt Nam	Cái	200	4.680	936.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
160		Bộ five tạo hình ống tùy /FiveH/Five H	VI		Mani	Việt Nam	Vi	20	81.000	1.620.000
161		Bộ five tạo hình ống tùy /FiveK/Five K	VI		Mani	Việt Nam	Vi	20	81.000	1.620.000
162		bộ khám bệnh(khay gương, gấp , thám trâm)	VI		Mani	Việt Nam	Vi	120	62.000	7.440.000
163	N03.01.050	Bơm tiêm sắt 0.8mg/0.8mg	Cái		Pakistan	Pakistan	Cái	2	164.000	328.000
164		Côn giấy	12 cái/ Hộp		Diadent	Hàn Quốc	Cái	600	324	194.400
165		Cục cắn mở miệng cao su	01 cái/ túi		Việt Nam	Việt Nam	Cái	15	37.000	555.000
166		Đài đánh bóng cao su	01 cái/ túi		TPC	Mỹ	Cái	110	3.140	345.400
167		Đầu lấy cao	01 cái/ túi		TPC	Mỹ	Cái	60	854.000	51.240.000
168		Đèn cồn	Hộp 01 cái		Việt Nam	Việt Nam	Cái	9	35.000	315.000
169		Giấy cắt kẽ	Hộp 01		Densply	Mỹ	Túi	200	180.000	36.000.000
170		Giấy đánh chất hàn	Hộp 1 tập		GC	Nhật Bản	Tập	70	7.800	546.000
171		Keo Bonding	Lọ		Vivadent	Áo	Lọ	14	608.000	8.512.000
172		Hộp đựng mũi khoan	Hộp		Pakistan	Pakistan	Hộp	6	134.000	804.000
173		Mở miệng nhựa	Cái		Việt Nam	Việt Nam	Cái	12	34.000	408.000
174	N08.00.330	Mũi khoan hoàn thiện đuôi chuột	Cái		Mani	Việt Nam	Cái	300	24.000	7.200.000
175	N08.00.330	Mũi khoan ngọn lửa	Cái		Mani	Việt Nam	Cái	150	24.000	3.600.000
176	N08.00.330	Mũi khoan tròn	Cái		Mani	Việt Nam	Cái	200	24.000	4.800.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
177	N08.00.330	Mũi khoan trụ	Cái		Mani	Việt Nam	Cái	200	24.000	4.800.000
178	N08.00.330	Mũi trụ thuần đồ	Mũi		Mani	Việt Nam	Mũi	50	24.000	1.200.000
179		Que hàn nha khoa	Cây		Pakistan	Pakistan	Cây	30	25.000	750.000
180		Chỉ thị hóa học đa thông số (Hấp ướt), sử dụng bên trong gói dụng cụ 1243A	500miếng/gói, 2gói/thùng	CN chất lượng: ISO, FDA	3M	Mỹ	Gói	200	2.088.000	417.600.000
181		Chỉ thị hóa học đơn thông số (Hấp ướt), có keo Acrylate, sử dụng bên trong gói dụng cụ 1.5 cm x 20 cm (1250)	240miếng/hộp, 8hộp/thùng	CN chất lượng: ISO, FDA	3M	Mỹ	Hộp	196	817.000	160.132.000
182		Chỉ thị sinh học hấp khử trùng 1292	50 ống / hộp 4 hộp / thùng	CN chất lượng: ISO, FDA	3M	Mỹ	Ống	690	81.000	55.890.000
183		Băng chỉ thị hấp khô	48 cuộn/thùng	CN chất lượng: ISO, FDA	3M	Italia	Cuộn	226	817.000	184.642.000
184		Băng chỉ thị hấp ướt	24 cuộn/thùng	CN chất lượng: ISO, FDA	3M	Canada	Cuộn	1.624	162.000	263.088.000
185		Giấy thử sinh học	50 tờ/tệp	CN chất lượng: ISO, FDA	3M	Mỹ	Tệp	35	1.258.000	44.030.000
186		Sâu máy thở	250 cái / thùng	EN ISO 13485:2012; EN ISO 13485:2012/AC:2012; EC	Sainty	Trung Quốc	Cái	240	18.000	4.320.000
187		Filter lọc khuẩn máy thở gây mê	01Cái/túi	ISO 13485:2003	Nonchange	Đài Loan	Cái	3.640	23.680	86.195.200
188	N09.00.010	Bóng đèn hồng ngoại	1 cái/hộp	ISO 9001:2008	Osram	Thụy Sĩ	Cái	615	78.000	47.970.000
189	N08.00.190	Đầu côn vàng	1000 cái/túi	ISO 13485: 2003;	Operson	Trung Quốc	Cái	597.000	34	20.298.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
190		Giấy nylon ép túi đóng gói máy sắc thuốc	02 cuộn/hộp	ISO 9001: 2008	Hadimed	Trung Quốc	Cuộn	170	648.000	110.160.000
191		Bóng bóp oxy (Ambu bóp bóng)	01 bộ/hộp	ISO 13485:2003	Hsiner	Đài Loan	Bộ	163	148.000	24.124.000
192		Huyết áp đồng hồ	1 cái/hộp	ISO 13485: 2012 ; CE; ISO 13485: 2012+ AC: 2012	Tanaka Sangyo (Hiệu: ALPK2)	Nhật Bản	Cái	631	388.000	244.828.000
193		Ống nghe	Hộp 01 bộ	ISO 13485: 2012 ; CE; ISO 13485: 2012+ AC: 2012	Tanaka Sangyo (Hiệu: ALPK2)	Nhật Bản	Bộ	577	109.000	62.893.000
194		Nhiệt kế thủy ngân	1 cái/hộp	ISO 9001:2008	Dong-E E-Jiao E-Hua medical Equipment Co.,Ltd (Hiệu: ALPOK2)	Trung Quốc	Cái	12.690	10.500	133.245.000
195	N08.00.240	Đề lưỡi Inox	10 cái/hộp	ISO 9001:2008	Bình An	Việt Nam	Cái	1.320	2.980	3.933.600
196	N08.00.240	Đề lưỡi gỗ tiết trùng	100 cái/ Hộp	GMP-FDA,2014; EN ISO 13485:2016 ; ISO 9001:2015	Công ty Cổ phần Tanaphar	Trung Quốc	Cái	117.410	228	26.769.480
197		Cốc xúc miệng dùng 1 lần	01Cái/hộp	ISO 9001:2008	Denply	Đức	Cái	500	285	142.500
198		Panh thẳng có mẫu 16;18cm	Cái	ISO 9001:2008	Prime	Pakistan	Cái	475	24.000	11.400.000
199		Panh thẳng không có mẫu 16;18cm	Cái	ISO 9001:2008	Prime	Pakistan	Cái	535	24.000	12.840.000
200		Kéo thẳng nhọn 16; 18cm	Cái	ISO 9001:2008	Prime	Pakistan	Cái	425	24.000	10.200.000
201		Kéo thẳng tù 16; 18 cm	Cái	ISO 9001:2008	Prime	Pakistan	Cái	505	24.000	12.120.000
202	N08.00.260	Kẹp phẫu tích có mẫu 16cm	Cái	ISO 9001:2008	Prime	Pakistan	Cái	515	18.500	9.527.500

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
203	N08.00.260	Kẹp phẫu tích không có mẫu 16cm	Cái	ISO 9001:2008	Prime	Pakistan	Cái	535	18.500	9.897.500
204		Khay quả đậu Inox	Hộp/cái	ISO 9001:2008	Bình An	Việt Nam	Cái	414	32.000	13.248.000
205		Lam kính	72 cái/hộp	ISO 9001:2000	Sainty	Trung Quốc	Hộp	23.389	13.500	315.751.500
206		Lam kính mài	72 cái/hộp	ISO 9001:2000	Sainty	Trung Quốc	Hộp	11.048	17.800	196.654.400
207		Pipet nhựa 1 - 3 mm	500 cái/túi	ISO 9001:2008	Operson	Trung Quốc	Cái	2.100	280	588.000
208		Súng cắt trĩ	Hộp/cái	TCCE ISO 9001:2008 ISO 13485:2003	Công ty TNHH jiangsu brightness Medical Devices	Trung Quốc	Cái	52	3.280.000	170.560.000
209	N03.07.070	Túi đựng rác thải màu đen	0,1kg/ túi	TC 08-2010/ CTY-DA	Tân Lập	Việt Nam	Kg	1.732	58.200	100.802.400
210	N03.07.070	Túi đựng rác thải màu trắng	0,1kg/ túi	TC 08-2010/ CTY-DA	Tân Lập	Việt Nam	Kg	4.565	60.500	276.182.500
211	N03.07.070	Túi đựng rác thải màu vàng	01kg/túi	TC 08-2010/ CTY-DA	Tân Lập	Việt Nam	Kg	6.784	57.400	389.401.600
212	N03.07.070	Túi đựng rác thải màu xanh	01kg/túi	TC 08-2010/ CTY-DA	Tân Lập	Việt Nam	Kg	11.754	56.800	667.627.200
213		Hộp đựng kim tiêm y tế an toàn	100 cái/thùng	ISO 13485:2012; ISO 9001:2008	Medioplast	Việt nam	Cái	44.400	9.300	412.920.000
214		Dây garo cao su	Túi 10 cái		Cao su tháng 5	Việt Nam	Cái	3.640	10.000	36.400.000
215		Giấy đo độ quỳ PH	10 tập/ túi		Trung Quốc	Trung Quốc	Tập	50	9.200	460.000
216	N07.06.040	Kim cấy chỉ	01 cái/ túi	ISO13485	Zhenjiang Gaoguan Medical Appliances Co.,Ltd	Trung Quốc	cái	4.930	15.000	73.950.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
217		Túi ép phồng 250mm-400mm	Cuộn		3M	Thổ Nhĩ Kỳ	Cuộn	4	1.720.000	6.880.000
218	N03.07.030	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp 200mm	Cuộn		3M	Thổ Nhĩ Kỳ	Cuộn	12	1.510.000	18.120.000
219	N03.07.030	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp 300mm	Cuộn		3M	Thổ Nhĩ Kỳ	Cuộn	10	2.270.000	22.700.000
220		Bát Inox			Bình An	Việt Nam	Cái	50	31.000	1.550.000
221		Bát Inox nhỏ			Bình An	Việt Nam	Cái	30	31.000	930.000
222		Bộ lọc tiệt trùng cho bồn rửa tay		TCCE	Laboratoires Anios	Pháp	Bộ	20	6.950.000	139.000.000
223	N03.07.030	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp 150 mm x 70 m	Gói/Cuộn, 4 cuộn/thùng	TCCE	Cross Protection	Malaysia	Cuộn	12	680.000	8.160.000
224		Guita Wire màu đen		TCCE	Marflow	Thụy Sĩ	Cái	16	1.680.000	26.880.000
225		Guita Wire màu xanh		TCCE	Marflow	Thụy Sĩ	Cái	10	420.000	4.200.000
226		Bóng đèn 15V - 150W	1 cái/hộp	TCCE	Osram	Đức	Cái	20	208.000	4.160.000
227		Bóng đèn 24V - 250W		TCCE	Osram	Đức	Cái	40	195.000	7.800.000
228		Bóng đèn 24V -250W có chóa	1 cái/hộp	TCCE	Osram	Đức	Cái	20	268.000	5.360.000
229		Bóng đèn đặt nội khí quản		TCCE	Prime	Pakistan	Cái	60	34.000	2.040.000
230		Que tẩm bông vô trùng cán gỗ	100 cái/ túi	TCCE	Operson	Trung Quốc	Cái	20.000	1.068	21.360.000
231		Test kiểm tra nhanh độ sạch bát đĩa (tinh bột, dầu mỡ)	200 lần test/ hộp		Việt Nam	Việt Nam	Hộp	6	288.000	1.728.000
232		Test kiểm tra nhanh hàn the trong thực phẩm	50 test/ hộp		Việt Nam	Việt Nam	Hộp	6	465.000	2.790.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
233		Test kiểm tra thuốc trừ sâu	10 test/ hộp		Việt Nam	Việt Nam	Hộp	6	788.000	4.728.000
234		Túi sắc thuốc đông y			Việt Nam	Việt Nam	Chiếc	20	15.000	300.000
235		Thảm thảm	Cái	TCCE	Pakistan	Pakistan	Cái	40	21.000	840.000
236		Ống hút	100 cái/ túi	TCVN	Việt Nam	Việt Nam	Cái	3.400	588	1.999.200
237		Lentulo	4 cái/hộp	TCCE	Mỹ	Mỹ	Cái	26	22.400	582.400
238		Lá matrix	6 cái/ hộp	TCCE	Mỹ	Mỹ	Cái	100	2.380	238.000
239		Ốc tay khoan	10 cái/ hộp		Mỹ	Mỹ	Cái	16	348.000	5.568.000
240		Công đo Sample cup 1,5ml có nắp	500 cái/ túi		Operson	Trung Quốc	Cái	3.000	860	2.580.000
241	N04.01.050	Nong ống tùy màu đỏ	01 Cái/túi	ISO 13485: 2003	Mani	Trung Quốc	Cái	200	9.800	1.960.000
242		Giũa ống tùy màu xanh	01 Cái/túi	ISO 13485: 2003	Mani	Trung Quốc	Cái	100	8.800	880.000
Tổng cộng:		242 mặt hàng								20.337.023.250

(Kèm theo Quyết định số 962/QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

[illegible]

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
2	002.G5.2019	N03.01.070	Bơm kim tiêm nhựa 5 ml	100 cái/hộp	Thẩm định cấu tạo: - Xy lanh: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có vạch chia dung tích rõ ràng. - Pít tổng: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có khóa bẻ gãy để hủy chống sử dụng lại. - Giông: Nguyên liệu nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm, tạo độ kín khít giữa pít tổng với xy lanh, không gây độc, không ảnh hưởng sức khỏe. - Kim: Thép không gỉ, có độ cứng cơ khí, không bị cong vênh trong điều kiện bình thường, không bị oxy hóa; bề mặt kim tiêm nhẵn, bóng; đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh và không có gờ, có nắp chụp bảo vệ. Cỡ kim 26G x 1½", 26G x 5/8", 25G x 1½", 25G x 5/8", 23G x 1½", 23G x 5/8" và các cỡ khác theo yêu cầu. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (EO).	TC EN ISO 13485:2016; ISO 14001:2015;TC VN;GMP - FDA	07/2018 /BYT-TB-CT; 09/2018 /BYT-TB-CT	Công ty Cổ Phần Tanaphar (Hiệu: Tanaphar)	Việt Nam	Cái	1.174.700	805	945.633.500	330.000	4.700	100.000									62.000	50.000	40.000	84.000	39.000	50.000	105.000	162.000	60.000	30.000		3000

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số		
3	03.G5.2.019	N03.01.070	Bơm kim tiêm nhựa 10 ml	100 cái/hộp	Thẩm phân cấu tạo: - Xy lanh: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có vạch chia dung tích rõ ràng. - Pit tổng: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có khóa bẻ gãy để hủy chống sử dụng lại. - Giông: Nguyên liệu nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm, tạo độ kín khít giữa pit tổng với xy lanh, không gây độc, không ảnh hưởng sức khỏe. - Kim: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh trong điều kiện bình thường, không bị oxy hóa; bề mặt kim tiêm nhẵn, bóng; đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh và không có gờ, có nắp chụp bảo vệ. Cỡ kim 26G x 1¼", 26G x 5/8", 25G x 1¼", 25G x 5/8", 23G x 1¼", 23G x 5/8" và các cỡ khác theo yêu cầu. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (EO).	TC EN ISO 13485:2016; ISO 14001:2015; TC VN; GM P - FDA	07/2018 /BYT-TB-CT; 09/2018 /BYT-TB-CT	Công ty Cổ Phần Tanaphar (Hiệu: Tanaphar)	Việt Nam	Cái	881.100	1.168	1.029.124.800	330.000			25.000	500							60.000	20.000	40.000	90.000	30.000	50.000	85.000	20.600	60.000		70.000	

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trung thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quan Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số			
6	06.G5.2.019	N03.01.070	Bơm kim tiêm nhựa 20 ml	25 cái/hộp	Piston và xy lanh được làm bằng nhựa PP y tế, khử vô trùng bằng khí EO. Không độc, không gây sốt, dùng 1 lần, kim sắc lắp khít với bơm không rò, bơm có pit tông trơn và khít lắp được với máy bơm tiêm điện , gasket (gioăng) làm bằng chất liệu cao su Y tế, Silicon Y tế dùng bôi trơn được nhà sản xuất đăng ký với ban quản lý thuốc và thực phẩm Mỹ (FDA), bơm kim tiêm sản xuất trên dây chuyền đạt TC ISO , có giấy phép lưu hành của BYT. Hạn dùng > 36 tháng	ISO 13485:2012; ISO 9001:2008	43/2018 /BYT-TB-CT	Medioplast	Việt Nam	Chiếc	47.000	1.548	72.756.000																								
7	07.G5.2.019	N03.01.070	Bơm kim tiêm nhựa 50 ml	25 chiếc/hộp	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50ml, đốc xi lanh nhỏ lắp vừa kim tiêm các số. Pit tông có khóa bẻ gãy dễ hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP.	EN ISO 13485:2016	07/2018 /BYT-TB-CT; 09/2018 /BYT-TB-CT	Công ty Cổ Phần Tanaphar (Hiệu: Tanaphar)	Việt Nam	Cái	31.100	3.700	115.070.000	12.000											9.000	600	500				5.000			1.000	3.000		
8	08.G5.2.019	N03.01.070	Bơm tiêm nhựa 50 ml	25 chiếc/hộp	Thành phần cấu tạo: - Xy lanh: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có vạch chia dung tích rõ ràng, đốc nhỏ lắp vừa kim. - Pit tông: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có khóa bẻ gãy dễ hủy chống sử dụng lại. - Gioăng: Nguyên liệu nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm, tạo độ kín khít giữa pit tông với xy lanh, không gây độc, không ảnh hưởng sức khỏe. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	TCVN, ISO 13485:2012; ISO 9001:2008	07/2018 /BYT-TB-CT; 09/2018 /BYT-TB-CT	Công ty Cổ Phần Tanaphar (Hiệu: Vihankok)	Việt Nam	Chiếc	24.400	3.700	90.280.000											5.000	9.000			400		5.000					5.000		

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
9	09.G5.2.019	N03.01.070	Bơm tiêm nhựa 50 ml	25 chiếc/hộp	Piston và xy lanh được làm bằng nhựa PP y tế, khử vô trùng bằng khí EO. Không độc, không gây sốt, dùng 1 lần, kim sắc lắp khít với bơm không rò, bơm có pit tổng trơn và khít lắp được với máy bơm tiêm điện, gasket (gioăng) làm bằng chất liệu cao su Y tế, Silicon Y tế dùng bôi trơn được nhà sản xuất đăng ký với ban quản lý thuốc và thực phẩm Mỹ (FDA), bơm kim tiêm sản xuất trên dây truyền đạt TC ISO, có giấy phép lưu hành của BYT. Hạn dùng > 36 tháng	ISO 13485:2012; ISO 9001:2008	43/2018 /BYT-TB-CT	Mediplast	Việt Nam	Chiếc	3.000	3.700	11.100.000										1.000							2.000					
10	010.G5.2019	N03.01.010	Bơm nhựa cho ăn 50 ml	25 cái/hộp	Bơm tiêm nhựa 50ml, đốc xi lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP.	EN ISO 13485:2016	07/2018 /BYT-TB-CT; 09/2018 /BYT-TB-CT	Công ty Cổ Phần Tanaphar (Hiệu: Vihankok)	Việt Nam	Cái	18.725	3.700	69.282.500			350		75						2.000	8.000	600	800	1.000	3.500	1.000	400	1.000			
11	011.G5.2019	N03.01.010	Bơm nhựa cho ăn 50 ml	100 cái/hộp	Piston và xy lanh được làm bằng nhựa PP y tế, khử vô trùng bằng khí EO. Không độc, không gây sốt, dùng 1 lần, kim sắc lắp khít với bơm không rò, bơm có pit tổng trơn và khít, gasket (gioăng) làm bằng chất liệu cao su Y tế, Silicon Y tế dùng bôi trơn được nhà sản xuất đăng ký với ban quản lý thuốc và thực phẩm Mỹ (FDA), bơm kim tiêm sản xuất trên dây truyền đạt TC ISO, có giấy phép lưu hành của BYT. Hạn dùng > 36 tháng.	TCVN, ISO 13485-2012; ISO 9001:2008	43/2018 /BYT-TB-CT	Mediplast	Việt Nam	Cái	4.400	3.700	16.280.000				400						1.000				1.000		600	200			1.200		

[illegible]

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chai	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
18	018.G5.2019	N02.04.040	Miếng cầm máu mũi các loại, các cỡ	10 miếng/Hộp	Các loại, các cỡ	EN ISO 13485: 2012+A C:2012	12401-6-2018	Medtronic Xomed	Mỹ	Chiếc	940	132.000	124.080.000	400											20				250		20			250	
19	019.G5.2019		Chỉ khâu phẫu thuật mắt số 9, 10	12 sợi/Hộp	Đường kính kim 150µm Chiều dài vòng kim 6.2mm 3/8 đường tròn 2 kim hình thang Chiều dài chỉ : 30cm. Thành phần : Polyamide6.0or6.6 , kim phủ silicone, tiệt trùng EO hoặc tia gamma	EN ISO 13485 :2016	3792NK /BYT-TB-CT	SMI	Bi	Sợi	444	128.200	56.920.800	200	220								24												
20	020.G5.2019	N05.02.030	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene 2/0	12 sợi/Hộp	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene, dùng cho phẫu thuật mạch máu dài 90cm, kim tròn đầu tam giác vòng kim 25mm, 2 kim, độ cong của kim 1/2 vòng tròn, kim phủ silicone, tiệt trùng EO hoặc tia gamma. Tiêu chuẩn: EN ISO 13485 :2016	EN ISO 13485 :2016	3792NK /BYT-TB-CT	SMI	Bi	Sợi	30	48.800	1.464.000	30																					
21	021.G5.2019	N05.02.030	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene 3/0	12 sợi/Hộp	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene, dài 90cm, kim tròn đầu tròn, dài 25mm, 2 kim, độ cong của kim 1/2 vòng tròn, kim phủ silicone, tiệt trùng EO hoặc tia gamma.	ISO 13485	3792NK /BYT-TB-CT	SMI	Bi	Sợi	400	42.780	17.112.000	400																					

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quan Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
22	022.G5.2019	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp số 1	12 sợi/Hộp	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine910, số 1 dài 90cm kim 1/2C vòng kim 40mm Vỏ ngoài : Poly-glycolide-co-L-lactide and calcium stearate(<1%) , kim phủ silicone, tiết trùng EO	ISO 13485	3792NK /BYT-TB-CT	SMI	Bi	Sợi	4.000	41.880	167.520.000	3.000															1.000							
23	023.G5.2019	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp số 2/0	12 sợi/Hộp	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine910, số 2/0 dài 75cm kim 1/2C vòng kim 26mm Vỏ ngoài : Poly-glycolide-co-L-lactide and calcium stearate(<1%) , kim phủ silicone, tiết trùng EO	ISO 13485	3792NK /BYT-TB-CT	SMI	Bi	Sợi	1.180	39.800	46.964.000	1.000																	180					
24	024.G5.2019	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp số 3/0,4/0	12 sợi/Hộp	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine910, số 3/0, 4/0 dài 75cm kim 1/2C vòng kim 26mm(4/0 vòng kim 22mm) Vỏ ngoài : Poly-glycolide-co-L-lactide and calcium stearate(<1%) , kim phủ silicone, tiết trùng EO	ISO 13485	3792NK /BYT-TB-CT	SMI	Bi	Sợi	2.800	41.220	115.416.000	2.800																						

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quân Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
25	025.G5.2019	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 1	12 sợi/Hộp	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine910, số 1 dài 90cm kim 1/2C vòng kim 40mm Vỏ ngoài : Poly-glycolide-co-L-lactide and calcium stearate(<1%) , kim phủ silicone, tiết trùng EO	ISO 13485	3792NK /BYT-TB-CT	SMI	Bỉ	Sợi	1.000	41.880	41.880.000																	1.000						
26	026.G5.2019	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 4/0	12 sợi/Hộp	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine910, số 4/0 dài 75cm kim 1/2C vòng kim 17mm Vỏ ngoài : Poly-glycolide-co-L-lactide and calcium stearate(<1%) , kim phủ silicone, tiết trùng EO	ISO 13485	3792NK /BYT-TB-CT	SMI	Bỉ	Sợi	400	39.760	15.904.000															400								
27	027.G5.2019	N05.02.040	Chỉ thép liên kim	Hộp/12 vi (Vi 4 sợi)	Chỉ thép liên kim, số 1,2,3 4, dài 45cm, kim 1/2 . Thành phần : Iron, nickel and chromium alloy , kim phủ silicone, tiết trùng EO	ISO 13485	3792NK /BYT-TB-CT	SMI	Bỉ	Sợi	232	64.800	15.033.600	40										120							48				24	
28	028.G5.2019	N05.02.040	Chỉ thép liên kim số 1	Hộp/12 vi (Vi 4 sợi)	Chỉ thép liên kim, số 1,dài 45cm kim 1/2 kim tam giác, vòng kim 40mm. Thành phần : Iron, nickel and chromium alloy , kim phủ silicone, tiết trùng EO	ISO 13485	3792NK /BYT-TB-CT	SMI	Bỉ	Sợi	48	64.800	3.110.400																		48					

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
29	029.G5.2019	N05.02.040	Chỉ thép liên kim số 4	Hộp/12 vi (Vi 4 sợi)	Chỉ thép liên kim, số 4, dài 45cm kim 1/2 kim tam giác, vòng kim 48mm. Thành phần : Iron, nickel and chromium alloy , kim phủ silicone, tiệt trùng EO	ISO 13485	3792NK /BYT-TB-CT	SMI	Bi	Sợi	24	65.400	1.569.600																	24					
30	030.G5.2019	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 1	12 sợi/Hộp	Chỉ tan tổng hợp Polyglycolic acid, Polycaprolactone and calcium stearate (1%), số 1, dài 90cm, kim 1/2 kim tròn, vòng kim 40mm, kim phủ silicone, tiệt trùng EO hoặc tia gamma	ISO 13485	3792NK /BYT-TB-CT	SMI	Bi	Sợi	1.000	44.680	44.680.000																1.000						
31	031.G5.2019	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 2/0	12 sợi/Hộp	Chỉ tan tổng hợp Polyglycolic acid, Polycaprolactone and calcium stearate (1%), số 2/0, dài 75cm, kim 1/2 kim tròn, vòng kim 26mm, kim phủ silicone, tiệt trùng EO hoặc tia gamma	ISO 13485	3792NK /BYT-TB-CT	SMI	Bi	Sợi	200	39.400	7.880.000																200						

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quân Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
32	32.G5.2.019	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp số 1	Hộp 12 sợi	Kích thước dài 90cm, kim 40mm, tròn 1/2 C. loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ mất sức căng và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Chỉ tiêu tổng hợp đáp ứng tiêu chuẩn của chuyên khoa Dược phẩm Châu Âu và Mỹ. Chỉ có màu tím và khả năng gây dị ứng rất thấp.	ISO + CE	3792NK /BYT-TB-CT	SMI	BỈ	Sợi	4.000	44.680	178.720.000	2.000														2.000								
33	33.G5.2.019	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp số 2	Hộp 12 sợi	Kích thước 90cm, kim tròn 1/2C, kim 40mm. loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-oo-Lactide và Calcium stearate. Chỉ mất sức căng và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Chỉ tiêu tổng hợp đáp ứng tiêu chuẩn của chuyên khoa Dược phẩm Châu Âu và Mỹ. Chỉ có màu tím và khả năng gây dị ứng rất thấp.	ISO + CE	3792NK /BYT-TB-CT	SMI	BỈ	Sợi	2.000	44.800	89.600.000															2.000								

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đông Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quán Bả	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số			
34	34.G5.2.019	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp số 2/0	Hộp 12 sợi	Kích thước 75cm, kim 26mm, tròn 1/2C, loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ mất sức căng và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Chỉ tiêu tổng hợp đáp ứng tiêu chuẩn của chuyên khoa Dược phẩm Châu Âu và Mỹ. Chỉ có màu tím và khả năng gây dị ứng rất thấp.	ISO + CE	3792NK /BYT-TB-CT	SMI	BỈ	Sợi	600	40.350	24.210.000	600																							
35	35.G5.2.019	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp số 3/0	Hộp 12 sợi	Kích thước dài 75cm, kim 26mm, tròn 1/2 C, loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ mất sức căng và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Chỉ tiêu tổng hợp đáp ứng tiêu chuẩn của chuyên khoa Dược phẩm Châu Âu và Mỹ. Chỉ có màu tím và khả năng gây dị ứng rất thấp.	ISO + CE	3792NK /BYT-TB-CT	SMI	BỈ	Sợi	3.200	41.420	132.544.000	1.200														2.000									
36	36.G5.2.019	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp số 4/0	Hộp 12 sợi	Kích thước dài 75cm, kim tròn 1/2 C, kim 22 mm, loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ mất sức căng và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Chỉ tiêu tổng hợp đáp ứng tiêu chuẩn của chuyên khoa Dược phẩm Châu Âu và Mỹ. Chỉ có màu tím và khả năng gây dị ứng rất thấp.	ISO + CE	3792NK /BYT-TB-CT	SMI	BỈ	Sợi	400	39.450	15.780.000	400																							

Page 13

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y được cử truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
37	37.G5.2.019	N05.02.040	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp Polyglycolic acid số 2/0 Rapid	Hộp 12 sợi	Kích thước dài 90cm, kim tròn 1/2C, kim 36mm. Chỉ tiêu nhanh, chỉ số mất sức căng 50% sau 7 ngày cấy ghép và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 42 ngày. Thích hợp sử dụng để khâu cho các vùng mô mềm ở gần bề mặt da và niêm mạc, bao gồm trong phẫu thuật mắt, sản khoa, phụ khoa, tiết niệu, phẫu thuật và tạo hình và nhi khoa.	ISO + CE	3792NK/ BYT-TB-CT	SMI	Bỉ	Sợi	2.000	49.780	99.560.000	2.000																						
38	38.G5.2.019	N05.02.040	Chỉ Catgut Chrom số 0 (Chỉ Chromic số 0) - Kim tròn 1/2, kim 37mm	Hộp 12 sợi	Dài 75cm, kim tròn 1/2C, kim 37mm. Chỉ phẫu thuật da sợi bên xoắn có vẻ bề ngoài giống như chỉ đơn sợi. Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen tinh chế được lấy từ màng thanh dịch của bò. Chỉ tự tiêu do hiện tượng thực bào. Chỉ tự tiêu do hiện tượng thực bào. Chỉ số mất sức căng không 50% sau 14 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày. Khi sử dụng trong tổ chức mô dễ bị nhiễm trùng hoặc tổ chức mô có nhiều Proteolytic enzyme (VD như da dày, cổ tử cung, âm đạo) thì chỉ số tự tiêu nhanh hơn. Chỉ có màu nâu đen và khả năng gây dị ứng trung bình. Chỉ được sử dụng cho các vùng mô mềm thông thường và để khâu da, bao gồm trong phẫu thuật tổng hợp, mắt, da dày, phụ khoa, sản khoa, tiết niệu. Chỉ Catgut Chrom được chế tạo từ muối Chrom và collagen tinh chế được lấy từ màng thanh dịch của bò được chọn lọc kỹ từ các quốc gia được chứng nhận là không có dịch bò điên	ISO + CE	102601143410	SMI	Bỉ	Sợi	900	24.200	21.780.000																					300	600	

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cực dân số		
41	41.G5.2.019	N05.02.040	Chỉ Catgut Chrom số 3/0 (Chỉ Chromic số 3/0) - Kim tròn 1/2, kim 26mm	Hộp 12 sợi	Dài 75cm, kim tròn 1/2 C, kim 26mm. Chỉ phẫu thuật da sợi bền xoắn có vẻ bề ngoài giống như chỉ đơn sợi. Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen tinh chế được lấy từ màng thanh dịch của bò. Chỉ tự tiêu do hiện tượng thực bào. Chỉ tự tiêu do hiện tượng thực bào. Chỉ sẽ mất sức căng khoảng 50% sau 14 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày. Khi sử dụng trong tổ chức mô đã bị nhiễm trùng hoặc tổ chức mô có nhiều Proteolytic enzyme (VD như da dày, cổ tử cung, âm đạo) thì chỉ sẽ tự tiêu nhanh hơn. Chỉ có màu nâu đen và khả năng gây dị ứng trung bình. Chỉ được sử dụng cho các vùng mô mềm thông thường và để khâu da, bao gồm trong phẫu thuật tổng hợp, mắt, da dày, phụ khoa, sản khoa, tiết niệu. Chỉ Catgut Chrom được chế tạo từ muối Chrom và collagen tinh chế được lấy từ màng thanh dịch của bò được chọn lọc kỹ từ các quốc gia được chứng nhận là không có dịch bò điên	ISO + CE	102601143410	SMI	Bỉ	Sợi	1.420	22.840	32.432.800					1.000																		
42	42.G5.2.019	N05.02.030	Chỉ lạnh cuộn 200m	1 cuộn/hộp	200m	ISO 9001:2008		DMC	Pháp	Cuộn	392	148.000	58.016.000	40		10							100	30		10	60		80	42	20					

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chai	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
43	43.G5.2 019	N03.05 .010	Dây truyền dịch Kim thường 23Gx1',21G x 1 1/2',22Gx 1 1/4'	Túi 1 bộ x 500 bộ/ kiện	Van khóa điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn;Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích ≥ 8.5ml. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh , mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn ≥1550mm. Không chứa độc tố DEHP.	Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 . TCVN 6591-4: 2008	07/2018 /BYT-TB-CT; 09/2018 /BYT-TB-CT	Công ty Cổ Phần Tanaphar	Việt Nam	Bộ	127.100	4.680	594.828.000					6.500		1.000				2.000				20.000	30.000	1.000	11.000	2.000	53.000	600	
44	44.G5.2 019	N03.05 .010	Dây truyền dịch cánh bướm	1 bộ/túi	Có kết nối cao su để tiêm khi cần thiết. ☐ Có màng lọc dịch, đui khí bằng tay, khóa bằng tay khi hết dịch • Chiều dài của dây: 1800mm • Sử dụng kim thường G21x1½ inch (hoặc kim th-êng 22Gx1 inch, hoặc kim cánh bướm 23G). • Khử trùng bằng khí EO	ISO 9001, ISO 13485	07/2018 /BYT-TB-CT; 09/2018 /BYT-TB-CT	Công ty Cổ Phần Tanaphar	Việt Nam	Bộ	65.300	4.100	267.730.000		600											10.000	7.500			22.000	20.000	5.200			
45	45.G5.2 019		Dây garo tiêm	1 bộ/túi		ISO 9001:2008		Cao su tháng 5	Việt Nam	Cái	17.926	1.880	33.700.880	2.400	40	180		100		500	36	400	100	2.000	800	200	250		9.000	1.020	300	400	200		

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đông Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quân Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số
46	46.G5.2 019	N08.00 .310	Mask khí dung NL+TE	Hộp/10 0 cái	Mặt nạ có dây đeo. Bầu đựng thuốc từ 2ml -> 6ml. Tốc độ phun sương từ 0.60ml -> 0.70ml/phút. Giọt phun sương từ 0.010ml -> 0.014ml/giọt. Chất liệu tốt, không gây kích ứng. Phù hợp, dễ thao tác khi sử dụng và tương thích với các thủ thuật và thiết bị của các bệnh viện. Dùng kích cỡ theo yêu cầu.	TCCL: ISO 13485: 2003/NS -EN ISO 13845: 2012; EC	01NL- YU/170 000009/ PLTBY T	Suzhou Yudu	Trung Quốc	Cái	1.390	14.800	20.572.000			400							60	100	40	40	150	100		200		100	200	
47	47.G5.2 019	N08.00 .310	Mask thở oxy Sơ sinh, NL+TE	Hộp/10 0 cái	Chất liệu tốt, không gây kích ứng. Mặt nạ thở oxy có dây đeo, dây có chiều dài 2 mét. Vô trùng, đóng gói riêng đến từng đơn vị nhỏ nhất.	TCCL: ISO 13485: 2003/NS -EN ISO 13845: 2012; EC	03NL- YU/170 000009/ PLTBY T	Suzhou Yudu	Trung Quốc	Cái	1.940	10.200	19.788.000			200								100	100	40	250		500		450	100	200	

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
48	48.G5.2.019	N08.00.310	Mask thở oxy Sơ sinh, NL+TE có túi dự trữ	Hộp/100 cái	Mặt nạ có dây đeo. Bầu đựng thuốc từ 2ml -> 6ml. Tốc độ phun sương từ 0.60ml -> 0.70ml/phút. Giọt phun sương từ 0.010ml -> 0.014ml/giọt. Chất liệu tốt, không gây kích ứng. Phù hợp, dễ thao tác khi sử dụng và tương thích với các thủ thuật và thiết bị của các bệnh viện.Đúng kích cỡ theo yêu cầu.	TCCL: ISO 13485: 2003/NS-EN ISO 13845: 2012; EC	03NL-YU/170000009/PLTBYT	Suzhou Yudu	Trung Quốc	Cái	1.230	18.600	22.878.000		400								250	100		40		100		200	40	100			
49	49.G5.2.019	N08.00.310	Mask gây mê Size 1,2,3,4,5.	Hộp/100 cái	Chất liệu tốt, không gây kích ứng. Mask gây mê có đủ kích cỡ, Phù hợp, dễ thao tác khi sử dụng và tương thích với các thủ thuật và thiết bị của các bệnh viện.	TCCL: ISO 13485: 2003/NS-EN ISO 13845: 2012; EC	03NL-YU/170000009/PLTBYT	Suzhou Yudu	Trung Quốc	Cái	1.022	32.000	32.704.000	32	10									100			300			200	40	100	40		
50	50.G5.2.019		Khẩu trang giấy 3 lớp đã tiệt trùng	50 cái/hộp	Kích thước: 17,5 cm x 9,5cm x 3 lớp Chiều dài thanh tựa mũi: 8,5cm Chiều dài dây đeo: 18cm	ISO 13485-2003	08/2018/BYT-TB-CT; 180000509/PCB A-HN	Công ty Cổ Phần Tanaphar	Việt Nam	Cái	243.950	418	101.971.100		5.500		100.000	600				1.500		4.000		16.000	4.350			60.000	24.000	14.000	14.000		
51	51.G5.2.019	N03.07.080	Túi hậu môn nhân tạo (Kích cỡ Φ 45, Φ 60)	Hộp 100 túi; 25 cái/túi; 24 hộp/kiện.	Túi bằng PE nguyên chất Lớp giấy bảo vệ: giấy decal có keo dính Kích thước: 136 x 238 mm ± 10 Miếng túi: Φ 45mm, 60mm	ISO 13485: 2003	180000134/PCB A-HN	Công ty Cổ Phần Tanaphar	Việt Nam	Cái	2.300	2.280	5.244.000										40	450			1.000	700	20	10			80		

Page 20

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện
-----	-------------	---------------	--------------	-------------------	-----------------------------	---------------------	------------------	----------------	---------------	-------------	----------	----------------------	------------	------------------------	---------------	---------------------------	----------------------------	------------------------------	------------------------------	--------------------------	----------------------------	-------------------------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-----------

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
57	57.G5.2.019	N03.06.050	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số	50 đôi/hộp; 10 hộp/thùng	+ Độ rộng lòng bàn tay (mm): 76±3 (size XS), 84±3 (size S), 94±3 (size M), 105±3 (size L), 113±3 (size XL)	AQL: 1.5, GMP, EC, FDA, ISO 9001: 2008; ISO 13485:2012; ISO 14001:2004	08/170000106/P-CBPL-BYT	Nhãn hiệu: HP Glove-Hãng Top Glove	Malaysia	Đôi	154.000	3.430	528.220.000	23.000	9.000		20.000		4.000				12.000			14.000	1.000	20.000	35.000	12.000	4.000				
58	58.G5.2.019	N07.01.500	Phim ảnh Sony	100 tờ/hộp		CE No. Q2N 12 04 16583 007		Ceracarta (Hiệu: Sony)	Nhật Bản	Cuộn	245	134.000	32.830.000			20								225											
59	59.G5.2.019	N07.01.500	Phim X-quang các loại, các cỡ	100 tờ/hộp	Phim Xquang 24x30		2006/09/25/039	AGFA	Bi	Hộp	60	425.000	25.500.000																			60			
60	60.G5.2.019	N07.01.500	Phim X-quang các loại, các cỡ	100 tờ/hộp	Phim Xquang 30x40		2006/09/25/039	AGFA	Bi	Hộp	120	1.147.000	137.640.000																			120			
61	61.G5.2.019	N07.01.500	Phim XQ 35 x 35 cm	100 tờ/hộp			102546065422	AGFA	Bi	Hộp	20	1.198.000	23.960.000			20																			
62	62.G5.2.019	N07.01.500	Phim Xquang 24x30	100 tờ/hộp			102546065422	AGFA	Bi	Hộp	20	748.000	14.960.000																	20					
63	63.G5.2.019	N03.03.080	Kim lọc thận AVF16G	Bao 1 cái	- Kim có cánh định vị (cố định hoặc có thể xoay) - Mặt sau có lỗ backeye - Kim trắng Silicone - 16G[1.65X25mm] - Chiều dài dây gắn với kim : 300 (mm) - khử trùng bằng khí EO (Ethylene Oxide) lưu	Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	04.10/2019-170000117/PCB PL-BYT	Guangdong Baihe Medical Technology Co., Ltd	Trung Quốc	Cái	17.520	6.600	115.632.000	10.000										7.500					20						

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
64	64.G5.2.019		Bộ dây chạy thận	24 bộ/ thùng	Chất liệu nhựa y tế giảm tối đa ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Kích thước đoạn vuốt (Punmp segment) (ID x OD) mm: 8x12 Kích thước bầu lọc (Chamber) (OD) mm: 20 dùng được cho các máy: Gambro AK95, Nikkiso, Baxter, Nipro, Toray, JMS, B.Braun, Belco. Không chứa chất độc hại, không ảnh hưởng đến môi trường. Không tích tụ trong cơ thể	ISO 13485: 2012 EC	04.10/2019-17000017/PCB PL-BYT	Guangdong Baihe Medical Technology Co., Ltd	Trung Quốc	Bộ	20	54.000	1.080.000																20						
65	65.G5.2.019	N03.02.020	Kim bướm	100 cái/ hộp	Kim 2 Cánh Bướm G23,G25 kim làm bằng chất liệu crom và niken trắng silicol, sản phẩm tiệt trùng bằng khí EO bao bì có miếng giấy thoát khí 2x2 cm, dây nối có đường kính trong 1.13mm đường kính ngoài 2.62 mm.	ISO 9001: 2015, ISO 13485:2016 TCVN6591-4 :		Weifang Huaxing Medical Instruments Co.,Ltd	Trung Quốc	Cái	207.710	987	205.009.770					2.500			210			45.000		800			35.000	600			30.000	93.600	

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
66	66.G5.2.019	N03.03.010	Kim gây tê và chọc dò tủy sống các số G18 - G27	25 cái/hộp	Kim chọc dò tủy sống được thiết kế nhỏ gọn giúp giảm nguy cơ tổn thương tủy sống. Chuôi kim mờ cho ánh sáng đi qua giúp xác định dịch não tủy dễ dàng hơn. Đầu kim dạng Quincke có khe nhỏ có mặt vát giúp định hướng khi tiến hành thủ thuật.	CE,ISO 13485:2003, EN ISO 13485:2012, UNE-EN ISO 13485:2013	20181404-ADJVI NA/170000008/PCBPL-BYT	Nipro	Nhật Bản	cái	5.050	19.840	100.192.000	1.000									600				350	2.000	500				200	400	
67	67.G5.2.019	N03.03.070	Kim gây tê răng	100 cái/Hộp		EC; ISO 13485:2012		Terumo	Nhật Bản	Cái	5.700	1.660	9.462.000										1.000						3.500	1.000			200		
68	68.G5.2.019	N03.03.140	Kim luồn dùng cho máy Laser nội mạch	50 cái/hộp	Chất liệu Catheter ETFE, tiết trùng bằng công nghệ chùm điện từ (EB)	TCCE, ISO		Terumo	Philip in	Cái	20.100	11.980	240.798.000	12.000			4.000										400	2.000	800				900		
69	69.G5.2.019	N03.03.140	Kim quang dùng cho máy Laser nội mạch	50 cái/hộp		TCCE, ISO 13485:2003		Kangxing	Trung Quốc	Cái	17.300	26.800	463.640.000	6.000			4.000	900						200			400	5.000	800						
70	70.G5.2.019	N03.03.010	Kim chọc mạch số 16,18	50 cái/hộp	Cathete làm bằng chất liệu ETFE(Ethylen Tetra Fluor Ethylen) trong suốt, nhìn được dòng máu trong lòng kim	TCCE, ISO		Terumo	Philip in	Cái	450	11.980	5.391.000															450							
71	71.G5.2.019	N03.02.080	Kim nha khoa	100 cái/Hộp	Kim sắc nhọn, sử dụng cho Nha Khoa	TCCE, ISO		Terumo	Nhật Bản	Cái	4.500	1.660	7.470.000	3.000														1.500							
72	72.G5.2.019		Bộ gây tê ngoài màng cứng	Túi 1 cái		TCCE		Zhejiang Fert Medical Device	Trung Quốc	Cái	200	188.000	37.600.000	200																					

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y được có truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện Đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số
73	73.G5.2.019		Ông nghiệm EDTA K2 HTM 2ml nắp xanh dương, mous thấp	2,400 ống/thù ng	* Kích thước 12x75mm. Nắp xanh dương. * Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetet ra Acid (EDTA) dùng kháng đông cho 2ml. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế	* Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016	170001939/PCB A-HCM	CÔNG TY CP VẬT TƯ Y TÊ HÔNG THIÊN MỸ	Việt Nam	Ông	455.400	670	305.118.000	160.000	8.000		40.000					6.000		30.000		38.000	12.000			50.000	400	46.000		65.000	
74	74.G5.2.019		Ông nghiệm Serum hạt to HTM nắp đỏ	2,500 ống/thù ng	* Kích thước 12x75 mm. Nắp màu đỏ. * Giúp tiến trình đông máu diễn tiến nhanh chỉ từ 3 - 5 phút. * Dùng tách huyết thanh sử dụng trong xét nghiệm sinh hóa, miễn dịch. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016	* Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016	170001939/PCB A-HCM	CÔNG TY CP VẬT TƯ Y TÊ HÔNG THIÊN MỸ	Việt Nam	Ông	4.400	838	3.687.200																4.000	400					

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
75	75.G5.2 019		Ông nghiệm Heparin Lithium HTM 2ml nắp đen, mous thấp.	2,400 ống/thù ng	* Kích thước 12x75mm. Nắp màu đen. * Dùng xét nghiệm Ion đồ Na⁺, K⁺, Ca²⁺, Cl⁻... trừ Li⁺. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH₃ và định lượng Alcohol trong máu. * Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparin Lithium. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế *Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016	* Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016	1700019 39/PCB A-HCM	CÔNG TY CP VẬT TƯ Y TẾ HỒNG THIÊN MỸ	Việt Nam	Ông	577.000	817	471.409.000	160.000	7.500								10.000			8.000	38.000	11.000	80.000	90.000	76.000	54.000		42.500	
76	76.G5.2 019		Ông nghiệm Citrate 3,8% HTM 2ml nắp xanh lá, mous thấp	2,400 ống/thù ng	* Kích thước 12x75mm. Nắp màu xanh lá cây. * Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate 3.8%. * Dùng xét nghiệm liên quan đến yếu tố đông máu và tốc độ lắng máu. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế Đạt Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	* Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016	1700019 39/PCB A-HCM	CÔNG TY CP VẬT TƯ Y TẾ HỒNG THIÊN MỸ	Việt Nam	Ông	69.975	732	51.221.700	25.000									2.000	10.000	4.875	10.000			8.000				10.100		

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
79	79.G5.2.019		Ống nghiệm nhựa PS 5ml có nắp, có nhãn	500 ống/bịch	* Thể tích 5ml. kích thước ống nghiệm 12x75mm (cho thể tích 5ml) * Ống nghiệm được làm bằng nhựa PS tinh khiết trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong. * Nắp dạng ấn trong 2 tầng màu trắng đục có nhãn dán trên ống để ghi chú thông tin. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016	* Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016	170001939/PCB A-HCM	CÔNG TY CP VẬT TƯ Y TẾ HỒNG THIÊN MỸ	Việt Nam	Ống	79.100	403	31.877.300	4.000	7.500	4.300	2.500	12.000	2.800	8.000	25.000	9.000	4.000													

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
80	80.G5.2 019		Lọ nhựa đựng mẫu PS tiết trùng 50ml HTM nắp đỏ, có nhãn	lọ/bịch	* Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ, dung tích 50ml. * Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong. * Tiệt trùng bằng tia Gamma. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016	* Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016	1700019 38/PCB A-HCM	CÔNG TY CP VẬT TƯ Y TẾ HỒNG THIÊN MỸ	Việt Nam	Lọ	5.800	1.980	11.484.000	3.400																2.000				400	
81	81.G5.2 019		Đĩa Petri nhựa Ø90 HTM	500 Đĩa/Thùng	* Đĩa được làm bằng nhựa PS tinh khiết trung tính không phản ứng với hóa chất chứa bên trong, đường kính 90mm và chiều cao 15mm. * Được tiệt trùng bằng tia Gamma. * Đóng Gói theo Quy Cách 10 cái/Túi PE * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016;	* Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016	1700019 38/PCB A-HCM	CÔNG TY CP VẬT TƯ Y TẾ HỒNG THIÊN MỸ	Việt Nam	Chiếc	90.300	2.200	198.660.000	90.000																300					

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quân Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
82	82.G5.2.019	N07.05.020	Sonde Foley 2 nhánh trẻ em	Hộp/10 cái	Dây có chiều dài 40cm. Chất liệu cao su, độ cong thích hợp. Trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da, không dễ vỡ, đứt gãy. Tiệt trùng bằng khí E.O, Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. Size số 6 đến 30; có bóng 3-5ml; 5 -15ml; 15 -30ml.	TCCL: ISO 13485: 2003/NS-EN ISO 13845: 2012; EC	02NL-YU/170 000009/PLTBY T	Suzhou Yudu	Trung Quốc	Cái	1.050	11.200	11.760.000														350							200	150	
83	83.G5.2.019	N07.05.020	Sonde Foley 3 nhánh	Hộp/10 cái	Dây có chiều dài 40cm. Chất liệu cao su, độ cong thích hợp. Trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da, không dễ vỡ, đứt gãy. Tiệt trùng bằng khí E.O, Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. Size số 16 đến 24;	TCCL: ISO 13485: 2003/NS-EN ISO 13845: 2012; EC	02NL-YU/170 000009/PLTBY T	Suzhou Yudu	Trung Quốc	Cái	320	18.400	5.888.000	300																	20					

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quân Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
84	84.G5.2.019	N04.01.030	Ống đặt nội khí quản các số	Hộp/10 cái	Đúng kích cỡ theo yêu cầu. Không bóng và có cán quang, ống có đầu nổi tiêu chuẩn 15mm. Chất liệu nhựa tốt mềm dẻo, trơn láng , không dễ gãy vỡ, không kích ứng da. Đầu ống nhẵn, mềm mại, không gây chấn thương niêm mạc khi đặt. Bóng mềm, không dễ vỡ, thân ống có độ cong thích hợp, có vạch chia độ dài 1cm . Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất.	TCCL: ISO 13485: 2003/NS-EN ISO 13845: 2012; EC	01NL-YU/170 000009/PLTBY T	Suzhou Yudu	Trung Quốc	Cái	4.385	12.800	56.128.000										170		1.565		500			550	1.000		200	400	

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số	
85	85.G5.2.019	N04.01.030	Ông đặt nội khí quản có bóng số từ 2/0 đến 9/0	Hộp/10 cái	Đúng kích cỡ theo yêu cầu. Có bóng và có cán quang, ông có đầu nổi tiêu chuẩn 15mm. Chất liệu nhựa tốt mềm dẻo, trơn láng, không dễ gãy vỡ, không kích ứng da. Đầu ông nhẵn, mềm mại, không gây chấn thương niêm mạc khi đặt. Bóng mềm, không dễ vỡ, thân ông có độ cong thích hợp, có vạch chia độ dài 1cm. Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất.	TCCL: ISO 13485: 2003/NS-EN ISO 13845: 2012; EC	02NL-YU/170 000009/PLTBY T	Suzhou Yudu	Trung Quốc	Sợi	10.943	12.800	140.070.400	6.000	40										503	550	500	2.000				850	200	300	
86	86.G5.2.019	N04.01.030	Ông Nội khí quản lò xo có bóng chèn người lớn	10 cái/ hộp.	Các cỡ 5.0, 5.5, 6.0, 6.5, 7.0, 7.5, 8.0, 8.5, Fr, thân ông có vòng xoắn kim loại chạy dọc thân ông, thành ông trơn nhẵn, độ cong thích hợp, có 2 vạch đánh dấu trên bóng giúp đặt ông đúng vị trí. Bóng thể tích lớn áp lực nhỏ.	Tiêu chuẩn: FDA, EC, ISO 13485: 2012	DE0003 490	Covidien	Ireland	Cái	40	1.157.000	46.280.000	40																					

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
87	87.G5.2.019	N04.01.030	Ông Nội khí quản lò xo có bóng chèn dành cho nhi	10 cái/ hộp.	Cỡ 3.5, 3.0, 4.0, 4.5 Fr. Thân ống có vòng xoắn kim loại chạy dọc thân ống, thành ống trơn nhẵn, độ cong thích hợp, có 2 vach đánh dấu trên bóng. Bóng thể tích lớn áp lực nhỏ. Tiêu chuẩn: FDA, EC, ISO 13485: 2012	Tiêu chuẩn: FDA, EC, ISO 13485: 2012	DE0003490	Covidien	Ireland	Cái	30	1.874.000	56.220.000	30																					
88	88.G5.2.019	N04.02.060	Dây hút nhót loại không kiểm soát	25 cái/ hộp	Các số 5, 6, 8, 10, 12, 14, 16 Chất liệu nhựa y tế PVC mềm dẻo dễ nhìn. Bề mặt được thiết kế đặc biệt (Tạo nhám) trở lực thấp, chống dính vào thành ống, chịu được áp lực cao và không bị bẹp khi hút . Ống dài 50 cm, có 2 mắt phụ. Đóng gói 25 cái/ hộp. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO 13485: 2012	Tiêu chuẩn: FDA, EC, ISO 13485: 2012	37/MED1217/170000154/PCBPL-BYT	Covidien	Thailand	Cái	1.300	16.950	22.035.000																300	1.000					

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y được cử truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quán Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
89	89.G5.2.019	N04.02.060	Thông Foley 3 nhánh	11 cái/hộp.	Thẻ tích bóng 30cc. Các số 16 - 24. Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ silicon giảm kích ứng, thành ống dây chống gãy gấp, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt, Bóng cân đối có 3 nhánh, chất liệu không có chất DEHP. Đóng gói 1 cái/ túi nilon. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO 13485: 2012.	Tiêu chuẩn: FDA, EC, ISO 13485: 2012	DE0003 417	Covidien	Malaysia	Cái	280	96.600	27.048.000													80				200					
90	90.G5.2.019	N04.01.090	Sonde cho ăn dành cho nhi	25 cái/hộp	Các số 5; 6; 8; 10, dài 50cm, vạch đánh dấu tại 20, 30 cm, có 2 mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn có đường cán quang chạy dọc thân ống. Chất liệu PVC mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đóng gói 25 cái/hộp. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO 13485: 2012.	Tiêu chuẩn: FDA, EC, ISO 13485: 2012	DE0001 681	Covidien	Thailand	Cái	4.250	21.800	92.650.000										400	1.000	200	600	150	200	800	800			100		

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số		
91	91.G5.2 019		Thông dạ dày dài ngày	10 cái/ hộp.	Chất liệu Polyurethane đảm bảo ống mềm trơn nhẵn, có thể lưu ống 30 ngày. Có công nối chữ Y giúp bơm dịch, thuốc mà không cần phải ngừng cho ăn.Ống mềm hơn khi vào cơ thể, tạo cảm giác thoải mái dễ chịu cho bệnh nhân Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO 13485: 2012.	Tiêu chuẩn: FDA, EC, ISO 13485: 2012	DE0003442	Covidien	Mexico	Cái	80	336.000	26.880.000																80							
92	92.G5.2 019		Ống nối dây máy thở không gấp góc	25 cái/ hộp	Đóng gói vô trùng từng cái. Có thể co giãn chiều dài từ 4cm đến 13cm. Tiêu chuẩn: FDA, EC, FSC, ISO 13485: 2012	Tiêu chuẩn: FDA, EC, FSC, ISO 13485: 2012	DE0010285	Covidien	Italy	Cái	80	90.400	7.232.000														80									
93	93.G5.2 019		Đựng đờm nhớt làm mẫu xét nghiệm (Bộ lấy đờm phế quản)	1 cái/ túi	Một đầu nối vào máy hút, một đầu nối với Sonde hút giúp việc hút dịch dễ dàng. Dung tích 40ml, sau khi hút dịch có nắp đậy kín để đem đi xét nghiệm Tiêu chuẩn: EC, ISO 13485: 2012	Tiêu chuẩn: EC, ISO 13485: 2012	72115180	Covidien	Mexico	Cái	30	109.900	3.297.000																30							

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quân Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
94	94.G5.2 019		Ông hút dịch đầu tròn	50 cái/ hộp	Chất liệu nhựa Vinyl dễ uốn, không gãy gấp, có lòng trong vỏ cứng mịn. Có sẵn Tip Trôi tùy chọn giúp cài thiện kiểm soát hút. Tiêu chuẩn: EC, ISO 13485: 2012	Tiêu chuẩn: EC, ISO 13485: 2012	DE0034 07	Covidien	Mexico	Cái	110	39.200	4.312.000																	110						
95	95.G5.2 019		Lọc khuẩn, lọc virus	25 cái/ hộp	Lọc vi khuẩn, virus 99,99 %, trọng lượng 19g, diện tích bề mặt 23 cm2, cổng nối tiêu chuẩn ISO 22M/15F, 22F/15M, thể tích nén ISO 9360 - 37ml. Trờ kháng (ISO 9360) 30L/phút - 0,7cm H2O. 60L/phút - 2,1cm H2O, 90L/phút - 3,6cm H2O. Tiêu chuẩn: FDA, EC, FSC, ISO 13485: 2012	Tiêu chuẩn: FDA, EC, FSC, ISO 13485: 2012	DE0001 840	Covidien	Italy	Cái	200	21.800	4.360.000																	200						
96	96.G5.2 019		Ông đông máu Natricitrat	100 cái/hộp	Được làm bằng nhựa y tế PP mới 100%	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2003 * Có giấy phép lưu hành của Bộ Y Tế cấp.	80/2016 /BYT-TB-CT	An Phú	Việt Nam	Cái	71.000	609	43.239.000	25.000									6.000			35.000		3.000			2.000					

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số	
97	97.G5.2.019		Ống EDTA (Ống lưu máu kháng đông EDTA)	2400 cái/thùng	Được làm bằng nhựa y tế PP mới 100%, nắp màu xanh dương. Được bơm hóa chất chống đông EDTA	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2003 * Có giấy phép lưu hành của Bộ Y Tế cấp.	80/2016 /BYT-TB-CT	An Phú	Việt Nam	Cái	403.800	609	245.914.200	160.000	3.800	18.000		7.200			3.800	5.000	20.000		80.000					96.000			10.000		
98	98.G5.2.019		Ống nghiệm Heparin	100 ống/hộp	Được làm bằng nhựa y tế PP mới 100%, nắp màu đen, Được bơm hóa chất Heparin	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2003 * Có giấy phép lưu hành của Bộ Y Tế cấp.	80/2016 /BYT-TB-CT	An Phú	Việt Nam	Cái	358.800	745	267.306.000	160.000	3.800	16.000		9.500			500	10.000	16.000	50.000	3.000					80.000			10.000		
99	99.G5.2.019		Ống cầm phanh Inox loại trung	ống		ISO 9001:2008		Bình An	Việt Nam	Ống	225	32.000	7.200.000		20	40											25				40		100		
100	100.G5.2019	N04.01.030	Ống đặt nội khí quản có bóng chèn size 7.0 và 7.5	10 cái/hộp	Chất liệu nhựa y tế, đã tiệt trùng, không gây dị ứng.	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; EC G2 17 04 99261 004		Hangzhou Jinlin (Kyoling)	Trung Quốc	Cái	200	14.600	2.920.000																				200		
101	101.G5.2019		Ống đo chức năng hô hấp	01 Ống		ISO 9001:2008	0102011898	Hải Anh	Việt Nam	Ống	3.650	3.650	13.322.500	3.000		400									250										
102	102.G5.2019	N04.02.060	Ống hút dịch	01cái/gói		ISO 9001:2008		Hospitech	Malaysia	Cái	4.340	14.000	60.760.000			100								3.000						1.000	40	200			
103	103.G5.2019	N04.02.060	Ống hút dùng 1 lần	01Cái/túi		ISO 9001:2008		Hospitech	Malaysia	Cái	150	14.000	2.100.000														150								

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quan Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số			
104	104.G5.2019		Mỏ vịt nhựa	01Cái/túi		TCVN, GMP-FDA và ISO 13485:2003 hoặc tương đương.		Công ty Cổ Phần Tanaphar	Việt Nam	Cái	400	4.200	1.680.000																								
105	105.G5.2019	N07.05.020	Sonde Foley Catheter	01 cái/túi		CE No. Q1N 13 04 73283 015		AM Xiang - Jiang	Trung Quốc	Cái	2.200	11.400	25.080.000											2.000											200		
106	106.G5.2019	N04.01.090	Sonde hậu môn	01 cái/túi		TCVN	64/2015 /BYT-TB-Ct	Hoàng Sơn	Việt Nam	Cái	3.080	5.200	16.016.000	200		20								2.000	350												
107	107.G5.2019	N07.05.020	Sonde Nelaton các số	20 cái/túi	Chất liệu cao su y tế. Mềm, dễ sử dụng.	Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2000	1700013 61/PCB A-HN	Sainty	Trung Quốc	Cái	19.420	4.100	79.622.000	1.000		90	80						650	2.000	2.000	1.250	1.450			7.400	2.100	180	320	900			
108	108.G5.2019	N04.01.080	Sonde oxy 2 nhánh	01 cái/túi	Chất liệu nhựa y tế, đã tiệt trùng, không gây dị ứng.	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; EC G2 17 04 99261 004		AM Xiang - Jiang	Trung Quốc	Cái	3.040	4.480	13.619.200			140							600												2.300		
109	109.G5.2019	N04.02.060	Dây hút dịch silicol 3,6m	01 cái/túi	Chất liệu nhựa trong. Chịu được áp lực cao của máy hút, kích cỡ 3,6 m/cuộn Tiêu chuẩn ISO 9001:2008 , EN ISO 13485:2012.	ISO 9001:2008	1800015 30/PCB A-HN	Hospitech	Malaysia	Cái	3.640	42.000	152.880.000	800		40								1.000			550		200	150	200				700		
110	110.G5.2019		Giấy điện tim 12 cần	10 cuộn/hộp	Sử dụng cho các loại máy điện tim 12 cần Đạt tiêu chuẩn : ISO 9001: 2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive93/42/EEC	ISO 9001: 2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive93/42/EEC		Dykam	Israel	Cuộn	40	55.800	2.232.000	20	20																						

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quán Bả	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
111	111.G5.2019		Giấy điện tim 6 cần	10 cuộn/hộp	Sử dụng cho các loại máy điện tim 6 cần. Mã 110-2-140. Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001:2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive93/42/EEC	ISO 9001:2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive93/42/EEC		Dykam	Israel	Tệp	4.114	29.800	122.597.200	2.000		20	700	40			14	20	40			180	700			400					
112	112.G5.2019		Giấy điện tim 3 cần	10 cuộn/hộp	Sử dụng cho các loại máy điện tim 3 cần. Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001:2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive93/42/EEC	ISO 9001:2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive93/42/EEC		Dykam	Israel	Cuộn	4.780	14.800	70.744.000	60	90	90		40						200	250	700			400	1.460	400	110	80	900	
113	113.G5.2019		Giấy in máy huyết học	10 cuộn/hộp	Dạng cuộn, sử dụng cho máy huyết học. Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001:2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive93/42/EEC	ISO 9001:2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive93/42/EEC		Dykam	Israel	Cuộn	1.792	8.680	15.554.560		40	20						400		50	100	20			200	842		80	40		
114	114.G5.2019		Giấy in máy Moritor sản khoa	Cuộn	Sử dụng cho các loại máy theo dõi sản khoa. Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001:2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive93/42/EEC	ISO 9001:2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive93/42/EEC		Dykam	Israel	Cuộn	745	67.500	50.287.500	320									10	50				100	200		25		40		
115	115.G5.2019		Giấy in máy nước tiểu	10 cuộn/hộp	Dạng cuộn, sử dụng cho máy in nước tiểu. Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001:2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive93/42/EEC	ISO 9001:2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive93/42/EEC		Dykam	Israel	Cuộn	4.432	8.700	38.558.400		40	20					40	40		50	100	20		1.000	1.800	1.042		80	200		

Page 40

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số	
116	116.G5.2019		Giấy in máy sinh hóa	10 cuộn/hộp	Dạng cuộn, sử dụng cho máy sinh hóa .Đạt tiêu chuẩn : ISO 9001:2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive93/42/EEC	ISO 9001:2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive 93/42/EEC		Dykam	Israel	Cuộn	742	8.680	6.440.560		40	20					52			50		20		400					80	80	
117	117.G5.2019		Giấy in siêu âm UPP-110S	10 cuộn/hộp	Trắng/đen Sử dụng cho các máy in đen trắng của Đạt tiêu chuẩn: ISO9001:2008; ISO13485:2003+AC:2007; EC Directive 93/42/EEC	ISO9001:2008; ISO13485:2003+AC:2007; EC Directive 93/42/EEC	180000735/PCB A-HN	Ceracarta (Hiệu: Sony)	Nhật Bản	Cuộn	3.530	114.000	402.420.000	1.800	90	55		40	40			20	100	200	39	160	150		550	16	130	40	100		
118	118.G5.2019		Giấy in siêu âm UPC-21L	03 tập/hộp	Sử dụng cho các máy in màu của SONY, - Đạt tiêu chuẩn: ISO9001:2008; ISO13485:2003+AC:2007; EC Directive 93/42/EEC	ISO9001:2008; ISO13485:2003+AC:2007; EC Directive 93/42/EEC	180000735/PCB A-HN	Ceracarta (Hiệu: Sony)	Nhật Bản	Tập	210	675.000	141.750.000	150							10			50											
119	119.G5.2019	N08.00.250	Điện cực tim	100 cái/túi	Hình dạng giống giọt nước, kích thước 35 mm, tổng bề mặt sản phẩm 1017 mm2, vùng chất gen 401 mm2, vùng dán 616 mm2, vùng phân tử nhảy 78,5 mm2, độ dày sản phẩm 0,8 mm. Tiêu chuẩn FDA, ISO 13485: 2012.	Tiêu chuẩn FDA, ISO 13485: 2012.	35/MED 1217/17 0000154 /PCBPL -BYT	Covidien	Canada	Cái	5.200	3.750	19.500.000										100		1.000		2.000	900	200			1.000			

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số	
120	120.G5.2019	N08.00.250	Điện cực dán đo điện tim Sainty YD55	30 cái/túi	Miếng dán dạng FOAM, mềm, dễ sử dụng, không gây tổn thương da cho bệnh nhân. Gel tiếp xúc: Vật liệu Aquatic có độ ổn định và chính xác cao.	ISO 9001:2000	180000520/PCB A-HN	Sainty	Trung Quốc	Cái	1.800	1.480	2.664.000				800						100		900										
121	121.G5.2019	N08.00.250	Dán điện tim	01 cái/túi		TCCE		Kendall	Áo	Cái	18.180	1.800	32.724.000	####			200								1.000	80		600		300					
122	122.G5.2019	N08.00.250	Điện cực tim nền xốp	50 miếng/túi	Thiết kế dạng vuông, nền xốp, độ dính tốt.	CN chất lượng: ISO, FDA	180002220/PCB A-HCM	3M	Canada	Miếng	900	3.980	3.582.000														800					100			
123	123.G5.2019		Giấy in ảnh Sony Nhật	10 cuộn/hộp		ISO 9001:2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive 93/42/EEC	180000735/PCB A-HN	Ceracarta (Hiệu: Sony)	Nhật Bản	Cuộn	1.655	134.000	221.770.000		35								100			80		400	1.000			40			
124	124.G5.2019	N04.04.010	Catheter chạy thận nhân tạo	1 cái/hộp		TCCE		Shunmei	Trung Quốc	Cái	440	338.000	148.720.000	440																					
125	125.G5.2019	N04.01.010	Canyn mayo (nhựa)	1 cái/túi	Không gây độc, không gây kích ứng, tiết trùng bằng khí EO, có hộp bảo vệ, sử dụng một lần	ISO 13485:2003		Hsiner	Đài Loan	Cái	1.370	5.000	6.850.000	1.000	40									100		100	80					50			
126	126.G5.2019	N04.01.020	Canyn mở khí quản bạc	1 cái/túi	Chất liệu nhựa y tế, đã tiết trùng, không gây dị ứng.	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	170000548/PCB A-HN	Prime	Pakistan	Cái	570	94.500	53.865.000	400									100			20	50								

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa	Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quân Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số
127	127.G5.2019	N04.04.010	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	01 cái/bao	- Size: 4FR/ 22G(P) - 22G (D), 16cm. Nong dẫn đường kính 0,46mm, dài 50cm 5FR/ 20G(P) - 18G (D), 16cm. Nong dẫn đường kính 0,46mm, dài 50cm 7FR/G 16G(P) - 16G (D), 20cm. Nong dẫn đường kính 0,89mm, dài 50cm 8FR/ 14G(P) - 14G (D), 20cm. Nong dẫn đường kính 0,89mm, dài 70cm - Kỹ thuật Seldinger. - Chất liệu: Polyurethane mềm, có công thức đặc biệt. Độ tương thích sinh học cao. - Đường cân quang rõ nét đánh dấu rõ	Tiêu chuẩn: ISO 13485:2003/NS-EN ISO 13485:2012/ISO 9001:2008, EC	04.10/2019-17000017/PCB PL-BYT	Guangdong g Baihe Medical Technolog y Co., Ltd	Trung Quốc	Cái	554	312.000	172.848.000	80										20	400					30	20			4	

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chai	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số	
128	128.G5.2019	N04.04.010	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	01 cái/bao	- Size: 5Fr/22G(P)/20G(D)/22G(M), 16cm. Nong dẫn đường kính 0,46mm, dài 50cm. 7Fr/18G(P)/16G(D)/18G(M), 20cm. Nong dẫn đường kính 0,89mm, dài 50cm. - Kỹ thuật Seldinger. - Chất liệu: Polyurethane mềm, có công thức đặc biệt. Độ tương thích sinh học cao. - Đường cán quang rõ nét, đánh dấu rõ ràng để đảm bảo vị trí đặt catheter chính xác - Kim luồn chữ Y có van - Nong dẫn chữ J - Khóa ba ngã ngăn dịch	- Tiêu chuẩn: ISO 13485:2003/NS-EN ISO 13485:2012/ISO 9001:2008, EC	04.10/2019-17000017/PCBPL-BYT	Guangdong Baihe Medical Technology Co., Ltd	Trung Quốc	Cái	54	348.000	18.792.000																		30	20			4	
129	129.G5.2019	N04.04.010	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	Hộp 10 cái	Catheter được luồn theo phương pháp Seldinger. - Hệ thống kín khi luồn guide wire. - Đầu J (guide wire) giảm tổn thương hay đâm thủng thành mạch. Kích cỡ 7FR, chiều dài Catheter 20cm.	ISO 13485:2016/NS-EN ISO 13485:2016, EC	496/17000074/PCBPL-BYT	Shunmei	Trung Quốc	Cái	503	188.000	94.564.000											20	400	40		10	30					3		

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt tỉnh	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y được cử truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quan Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
130	130.G5.2019	N04.04.010	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Hộp 10 cái	Catheter được luồn theo phương pháp Seldinger. - Hệ thống kín khi luồn guide wire . - Đầu J (guide wire) giảm tổn thương hay đâm thủng thành mạch. Kích cỡ 7FR, chiều dài Catheter 20cm.	ISO 13485:2016/NS-EN ISO 13485:2016, EC	496/170 000074/PCBPL-BYT	Shunmei	Trung Quốc	Cái	40	295.000	11.800.000													40										
131	131.G5.2019	N04.04.010	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Hộp 10 cái	Catheter được luồn theo phương pháp Seldinger. - Hệ thống kín khi luồn guide wire . - Đầu J (guide wire) giảm tổn thương hay đâm thủng thành mạch. Kích cỡ 7FR, chiều dài Catheter 20cm.	ISO 13485:2016/NS-EN ISO 13485:2016, EC	496/170 000074/PCBPL-BYT	Shunmei	Trung Quốc	Cái	60	348.000	20.880.000											20		40										
132	132.G5.2019	N05.03.020	Dao 15 độ	01 cái/túi		ISO 9001 : 2008 ISO 13485 : 2003 CE /FDA Directive	1700000 27/PCB PL-BYT	Shreeji	Ấn Độ	cái	1.480	132.000	195.360.000	500	350								30		180	100	60				100	80			80	
133	133.G5.2019	N05.03.020	Dao 15 độ	01 cái/túi		93/42/EEC ISO 13485:2003 ISO 9001:2008 CO: CO	1700000 27/PCB PL-BYT	Shreeji	Ấn Độ	Cái	200	128.000	25.600.000		200																					
134	134.G5.2019	N05.03.020	Dao 2,85 cm	01 cái/túi		ISO 9001 : 2008 ISO 13485 : 2003 CE /FDA	1700000 27/PCB PL-BYT	Shreeji	Ấn Độ	cái	1.320	248.000	327.360.000	500	350								30		120		60				100	80			80	

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quân Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số	
135	135.G5.2019	N05.03.020	Dao 2,85 cm	01 cái/túi		EC, ISO 13485:2003	1700000 27/PCB PL-BYT	Shreeji	Ấn Độ	Cái	300	248.000	74.400.000		200											100									
136	136.G5.2019	N05.03.020	Dao đường hầm	1 cái/túi		ISO 9001 : 2008 ISO 13485 : 2003 CE / FDA	1700000 27/PCB PL-BYT	Shreeji	Ấn Độ	cái	640	248.000	158.720.000	50	250								30		80		40				100	30		60	
137	137.G5.2019	N05.03.020	Dao đường hầm	1 cái/túi		EC, ISO 13485:2003	1700000 27/PCB PL-BYT	Shreeji	Ấn Độ	Chiếc	240	242.000	58.080.000		200											40									
138	138.G5.2019	N05.03.020	Dao lạng mỏng	1 cái/túi		EC, ISO 13485:2003	1700000 27/PCB PL-BYT	Shreeji	Ấn Độ	Chiếc	530	248.000	131.440.000	150	250								20			40	40			30					
139	139.G5.2019	N05.03.080	Lưỡi dao mổ vô trùng các số	Hộp 100 cái	ISO 13485 + AC : 2012; ISO 9001 : 2008	ISO 13485 + AC : 2012; ISO 9001 : 2008	08/1700 00106/P CBPL-BYT	Kehr	Ấn Độ	Cái	21.200	850	18.020.000				200											4.000	14.000				1.000	2.000	
140	140.G5.2019	N05.03.040	Tay dao điện 3 giác cầm bằng thép không gỉ	túi 01 cái	ISO 9001:2008 AND ISO 13485:2003	ISO 9001:2008 AND ISO 13485:2003	08/1700 00106/P CBPL-BYT	Yueh Sheng Electronic Industrial Co.,Ltd	Đài Loan	Cái	6.895	38.200	263.389.000	4.500										500		35		1.000	40	400		20	400		
141	141.G5.2019	N07.03.050	Chất nhuộm bao	Hộp			2018123 5-ADJVI NA/170 000008/PCBPL-BYT	Ophtecnics	Ấn Độ	Hộp	580	186.000	107.880.000		180								30		100	40				100	70		60		
142	142.G5.2019	N07.03.050	Thuốc nhuộm bao	Lọ vô trùng 1ml		DIN EN ISO 13485 : 2012	2018123 5-ADJVI NA/170 000008/PCBPL-BYT	Ophtecnics	Ấn Độ	lọ	280	186.000	52.080.000	40	180												60								
143	143.G5.2019		Chổi đánh bóng (sau khi lấy cao răng)	01Cái/túi		ISO 13485: 2003		TPC	Mỹ	Cái	600	3.600	2.160.000	200																400					

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chai	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
144	144.G5.2019	N08.00.260	Kim nhổ răng số 8 hàm dưới	01Cái/túi		ISO 13485: 2003		Pakistan	Pakistan	Cái	10	88.000	880.000	6																4						
145	145.G5.2019	N08.00.260	Kim nhổ răng số 8 hàm trên bên phải	01Cái/túi		ISO 13485: 2003		Pakistan	Pakistan	Cái	10	88.000	880.000	6																4						
146	146.G5.2019	N08.00.260	Kim nhổ răng số 8 hàm trên bên trái	01Cái/túi		ISO 13485: 2003		Pakistan	Pakistan	Cái	10	88.000	880.000	6																4						
147	147.G5.2019		Bẫy nhổ răng	01Cái/túi		ISO 13485: 2003		Pakistan	Pakistan	Cái	120	42.000	5.040.000	20																100						
148	148.G5.2019		Mặt gương nha khoa	01Cái/túi		ISO 13485: 2003		Pakistan	Pakistan	Cái	220	7.800	1.716.000	200																20						
149	149.G5.2019	N08.00.330	Mũi khoan đường kính 1,5, dài 76	1 cái/hộp		ISO 13485: 2003		Mani	Nhật Bản	Cái	100	88.000	8.800.000	50																50						
150	150.G5.2019	N08.00.330	Mũi khoan kim cương chóp ngược các cỡ	01Cái/túi		ISO 13485: 2003		Pakistan	Pakistan	Cái	150	24.000	3.600.000	50																	100					
151	151.G5.2019		Giũa ống tủy màu đỏ	01Cái/túi		ISO 13485: 2003		Mani	Trung Quốc	Cái	270	9.680	2.613.600	200										20						50						
152	152.G5.2019	N03.03.030	Châm gai lấy tủy màu đỏ các cỡ	01Cái/túi		ISO 13485: 2003		Mani	Việt Nam	Cái	370	9.200	3.404.000	300										20						50						
153	153.G5.2019	N03.03.030	Châm gai lấy tủy màu trắng các cỡ	01Cái/túi		ISO 13485: 2003		Mani	Việt Nam	Cái	920	9.100	8.372.000	300										20							600					
154	154.G5.2019	N03.03.030	Châm gai lấy tủy màu vàng các cỡ	01Cái/túi		ISO 13485: 2003		Mani	Việt Nam	Cái	900	9.100	8.190.000	300																	600					
155	155.G5.2019	N08.00.260	Kim nhổ chân răng cửa hàm trên	01Cái/túi			170000548/PCB A-HN	Prime	Pakistan	Cái	10	88.000	880.000	10																						

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đông Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quân Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số		
156	156.G5.2019	N08.00.260	Kim nhổ chân răng cửa hàm dưới	01 Cái/túi			170000548/PCB A-HN	Prime	Pakistan	Cái	10	88.000	880.000	10																						
157	157.G5.2019	N08.00.260	Kim nhổ răng cửa hàm dưới	01 Cái/túi			170000548/PCB A-HN	Prime	Pakistan	Cái	10	88.000	880.000	10																						
158	158.G5.2019	N08.00.260	Kim nhổ răng cửa hàm trên	01 Cái/túi			170000548/PCB A-HN	Prime	Pakistan	Cái	10	88.000	880.000	10																						
159	159.G5.2019		Ông ngậm miệng bằng giấy to	Hộp 100 cái			0102011898	Hải Anh	Việt Nam	Cái	200	4.680	936.000											100	100											
160	160.G5.2019		Bộ five tạo hình ống tùy /FiveH/Five H	VI				Mani	Việt Nam	VI	20	81.000	1.620.000	20																						
161	161.G5.2019		Bộ five tạo hình ống tùy /FiveK/Five K	VI				Mani	Việt Nam	VI	20	81.000	1.620.000	20																						
162	162.G5.2019		bộ khám bệnh(khay gương, gấp , thám trầm)	VI				Mani	Việt Nam	VI	120	62.000	7.440.000	100																	20					
163	163.G5.2019	N03.01.050	Bơm tiêm sắt 0.8mg/0.8mg	Cái				Pakistan	Pakistan	Cái	2	164.000	328.000																		2					
164	164.G5.2019		Côn giấy	12 cái/Hộp				Diadent	Hàn Quốc	Cái	600	324	194.400	500																	100					
165	165.G5.2019		Cục cắn mở miệng cao su	01 cái/túi				Việt Nam	Việt Nam	Cái	15	37.000	555.000	10																	5					
166	166.G5.2019		Đài đánh bóng cao su	01 cái/túi				TPC	Mỹ	Cái	110	3.140	345.400	100																	10					
167	167.G5.2019		Đầu lấy cao	01 cái/túi				TPC	Mỹ	Cái	60	854.000	51.240.000	50																	10					

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
168	168.G5.2019		Đèn cồn	Hộp 01 cái				Việt Nam	Việt Nam	Cái	9	35.000	315.000	4																						
169	169.G5.2019		Giấy cắt kẻ	Hộp 01				Densply	Mỹ	Túi	200	180.000	36.000.000	200																						
170	170.G5.2019		Giấy đánh chất hàn	Hộp 1 tập				GC	Nhật Bản	Tập	70	7.800	546.000	50																						
171	171.G5.2019		Keo Bonding	Lọ				Vivadent	Áo	Lọ	14	608.000	8.512.000	10																						
172	172.G5.2019		Hộp đựng mũi khoan	Hộp				Pakistan	Pakistan	Hộp	6	134.000	804.000	4																						
173	173.G5.2019		Mở miệng nhựa	Cái				Việt Nam	Việt Nam	Cái	12	34.000	408.000	10																						
174	174.G5.2019	N08.00.330	Mũi khoan hoàn thiện đuôi chuột	Cái				Mani	Việt Nam	Cái	300	24.000	7.200.000	100																						
175	175.G5.2019	N08.00.330	Mũi khoan ngọn lửa	Cái				Mani	Việt Nam	Cái	150	24.000	3.600.000	50																						
176	176.G5.2019	N08.00.330	Mũi khoan tròn	Cái				Mani	Việt Nam	Cái	200	24.000	4.800.000	100																						
177	177.G5.2019	N08.00.330	Mũi khoan trụ	Cái				Mani	Việt Nam	Cái	200	24.000	4.800.000	100																						
178	178.G5.2019	N08.00.330	Mũi trụ thuận đỏ	Mũi				Mani	Việt Nam	Mũi	50	24.000	1.200.000	50																						
179	179.G5.2019		Que hàn nha khoa	Cây				Pakistan	Pakistan	Cây	30	25.000	750.000	20																						

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa Khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số
180	180.G5.2019		Chỉ thị hóa học đa thông số (Hấp ướt), sử dụng bên trong gói dụng cụ 1243A	500miếng/gói, 2gói/thùng	* Dùng cho tiết khuẩn bằng hơi nước nhiệt độ cao. * Test chỉ thị hóa học ISO 11140 nhóm 5 để kiểm tra CLTK của từng gói đồ. * Xác định các thông số TK nhiệt độ - thời gian - áp suất có đạt hay không? Khi đạt đủ 3 điều kiện về nhiệt độ cần thiết - thời gian - áp suất hơi nước, túi mực sẽ tan chảy và thấm vô bậc giấy hình thành vạch chỉ thị hóa học. Tuân thủ ISO 11140 / nhóm 5.	CN chất lượng: ISO, FDA	170000617/PCB A-HCM	3M	Mỹ	Gói	200	2.088.000	417.600.000	40		2								50				20	25	10	5	8	40	

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phụ hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quân Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số
181	181.G5.2019		Chỉ thị hóa học đơn thông số (Hấp ướt), có keo Acrylate, sử dụng bên trong gói dụng cụ 1.5 cm x 20 cm (1250)	240miếng/hộp, 8hộp/thùng	Vạch mực chỉ thị sẽ chuyển màu từ trắng qua đen sau khi qua quá trình xử lý tiệt trùng hơi nước Sử dụng với nhiệt độ hấp 121oC hoặc 134oC. Tuân thủ ISO 11140 / nhóm 4. * Dùng cho tiệt khuẩn bằng hơi nước nhiệt độ cao. * Test chỉ thị hóa học ISO 11140 nhóm 4 để kiểm tra CLTK của từng gói đồ. * Xác định các thông số TK nhiệt độ - thời gian có đạt hay không? CN chất lượng: ISO, FDA	CN chất lượng: ISO, FDA	1700006 17/PCB A-HCM	3M	Mỹ	Hộp	196	817.000	160.132.000	40		2								50					20	25	11	8	40	
182	182.G5.2019		Chỉ thị sinh học hấp khử trùng 1292	50 ống /hộp 4 hộp /thùng	Ống chỉ thị sinh học có chứa bào tử khô đã bất hoạt dùng để kiểm chứng chất lượng tiệt khuẩn sau khi hấp tiệt trùng. Thời gian đọc kết quả 3h. * Ống nhựa chứa ống thủy tinh chất môi trường . * Dải bảo tử Geobacillus Stearothermophilus CN chất lượng: ISO, FDA	CN chất lượng: ISO, FDA	1700006 26/PCB A-HCM	3M	Mỹ	Ống	690	81.000	55.890.000	600										50									40	

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số
183	183.G5.2019		Băng chỉ thị hấp khô	48 cuộn/thùng	* Dùng cho tiết khuẩn hơi nóng khô (heat) * Dán cố định các gói dụng cụ hấp tiết khuẩn. * Kiểm tra tiếp xúc Tiết khuẩn / Phân biệt các gói đồ đã qua tiết khuẩn hay chưa qua sự hiển thị của các vạch màu. CN chất lượng: ISO, FDA	CN chất lượng: ISO, FDA	561-ADJVI NA/170 000008/PCBPL-BYT	3M	Italia	Cuộn	226	817.000	184.642.000				4							50	20		15		25	72			40	
184	184.G5.2019		Băng chỉ thị hấp ướt	24 cuộn/thùng	Lớp keo có độ dính cao có thể sử dụng để dùng cố định cho việc đóng gói cho nhiều loại vật liệu đóng gói khác nhau như : vải dệt, vải không dệt, giấy.... Băng keo được thiết kế có độ co giãn tốt cũng như chịu nhiệt độ cao trong suốt quá trình tiết trùng.. Sau tiết trùng, các vạch chỉ thị sẽ chuyển sang màu khác. Băng keo dễ dàng bóc ra không để lại vết dơ trên gói đồ. Thiết kế băng giấy phủ keo dính Acrylic và vạch mực chỉ thị hóa học. -Thành phần không chứa Chi nên không gây độc	CN chất lượng: ISO, FDA	561-ADJVI NA/170 000008/PCBPL-BYT	3M	Canada	Cuộn	1.624	162.000	263.088.000	500	4		4						20	50	20	600	15	40	25	96	110	100	40	

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y được cử truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
185	185.G5.2019		Giấy thử sinh học	50 tờ/tệp	* Coated paper 90-98% * Sulfur 1-2% * Acrylic polymer 0-1% Tấm thử dạng Bowie- Dick không chứa Chi với độ an toàn cao tuân theo tiêu chuẩn chất lượng nhằm kiểm tra chất lượng lò hấp tiệt trùng hút chân không. * Tuân thủ ISO 11140 / nhóm 2. * Test BD sẽ chuyển màu sau khi test, nhằm kiểm tra chất lượng hút chân không của lò hấp.	CN chất lượng: ISO, FDA	170000630/PCB A-HCM	3M	Mỹ	Tệp	35	1.258.000	44.030.000	10															25							
186	186.G5.2019		Sâu máy thở	250 cái / thùng	Chất liệu bằng nhựa PVC, dạng lò so, dùng cho máy thở	EN ISO 13485:2012; EN ISO 13485:2012/AC:2012; EC		Sainty	Trung Quốc	Cái	240	18.000	4.320.000	30														160	10				40			
187	187.G5.2019		Filter lọc khuẩn máy thở gây mê	01Cái/túi	Thể tích khí lưu thông 60-500ml, độ thoát ẩm 10,5mgH2O/ lít. Có cổng CO2.	ISO 13485:2003	170001400/PCB A-HN	Nonchange	Đài Loan	Cái	3.640	23.680	86.195.200	3.600											40											
188	188.G5.2019	N09.00.010	Bóng đèn hồng ngoại	1 cái/hộp		ISO 9001:2008		Osram	Thụy Sĩ	Cái	615	78.000	47.970.000	30			100	100						100		20	15	40	180	10			20			
189	189.G5.2019	N08.00.190	Đầu côn vàng	1000 cái/túi		ISO 13485:2003;	190000778/PCB A-HN	Operson	Trung Quốc	Cái	597.000	34	20.298.000	180.000	6.000	4.000	2.000	4.000	80.000		20.000	10.000	10.000	50.000	100.000	10.000	6.000	12.000	38.000	10.000	5.000	10.000	40.000			
190	190.G5.2019		Giấy nylon ép túi đóng gói máy sắc thuốc	02 cuộn/hộp	Kích thước: 100mm (W) x 400m (D). Màng 2 lớp PET và PE (15um PET + 95um PE)	ISO 9001:2008	04717q10000142	Hadimed	Trung Quốc	Cuộn	170	648.000	110.160.000	26			80						6	20	20			18								

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quân Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
191	191.G5.2019		Bóng bóp oxy (Ambu bóp bóng)	01 bộ/hộp	Van bệnh nhân chất liệu: PVC, silicone.Túi: PVC dung tích 1500ml, đai giữ có tay cầm. Van nạp: PC, Silicone. Bộ van: PVC,PC, PE, Silicone dung tích 2500ml.	ISO 13485:2003		Hsiner	Đài Loan	Bộ	163	148.000	24.124.000	18		20	3	2						20		30	20			20					
192	192.G5.2019		Huyết áp đồng hồ	1 cái/hộp	Trọng lượng: 360 g Nhiệt độ bảo quản: -20°C tới +70°C; độ ẩm tương đối max 85 % - Nhiệt độ hoạt động: 0°C tới 46°C - Dải đo: 0 tới 300 mmHg - Độ phân giải đo: 2 mmHg Độ chính xác: ± 3 mmHg: 18 °C tới 33 °C; ±6 mmHg: 34 °C tới 46 °C Nguồn bơm phồng: thể tích tối thiểu 200cc với áp lực 300 mmHg từ 4 tới 10 giây - Dò khí: <± 4 mmHg/phút - Lỗi do trễ: 0 mmHg tới 4 mmHg Phụ kiện: Bao đo người lớn, đồng hồ cơ, bóng bóp và van, túi đựng mềm	ISO 13485: 2012 ; CE; ISO 13485: 2012+ AC: 2012	190001017/PCB A-HN	Tanaka Sangyo (Hiệu: ALPK2)	Nhật Bản	Cái	631	388.000	244.828.000	100	10	22	100	15	10		14	10		20	80	30	90			50	60			20	
193	193.G5.2019		Ông nghe	Hộp 01 bộ	Ông nghe FT 801 Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485: 2012 ; CE; ISO 13485: 2012+ AC: 2012	ISO 13485: 2012 ; CE; ISO 13485: 2012+ AC: 2012	190001017/PCB A-HN	Tanaka Sangyo (Hiệu: ALPK2)	Nhật Bản	Bộ	577	109.000	62.893.000	80	10	22	100	15	10		14	10		20	56	30	90			40	60			20	

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y được cử truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa	Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa Khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quận Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
194	194.G5.2019		Nhiệt kế thủy ngân	1 cái/hộp		ISO 9001:2008	1906-ADJVI NA/170 000008/PCBPL-BYT	Dong-E E-Jiao E-Hua medical Equipment Co.,Ltd (Hiệu: ALPOK2)	Trung Quốc	Cái	12.690	10.500	133.245.000	3.000	20	90	400	40	10					2.000	240	540	700	400		3.500	600	1.150				
195	195.G5.2019	N08.00.240	Đề lưỡi Inox	10 cái/hộp		ISO 9001:2008		Bình An	Việt Nam	Cái	1.320	2.980	3.933.600			40	200						100		50	30			400	100			400			
196	196.G5.2019	N08.00.240	Đề lưỡi gỗ tiết trùng	100 cái/Hộp	Được làm từ gỗ tự nhiên, được sấy khô, hai đầu được bo tròn, nhẵn bóng, không bị nứt, không lẫn bụi bẩn. Đầu bo và các cạnh nhẵn không có vết trầy xước không gây tổn thương cho bệnh nhân khi sử dụng. Kích thước: Chiều dài 150 mm, chiều rộng 20 mm, độ dày 2 mm. Được tiết trùng bằng khí EO.	GMP-FDA,2014; EN ISO 13485:2016; ISO 9001:2015	1800000 507/PC BA-HN	Công ty Cổ phần Tanaphar	Trung Quốc	Cái	117.410	228	26.769.480	10.000			10				9.000	3.000		10.000				10.000	50.000		25.000		400			
197	197.G5.2019		Cốc xúc miệng dùng 1 lần	01Cái/hộp		ISO 9001:2008		Denply	Đức	Cái	500	285	142.500	500																						
198	198.G5.2019		Panh thẳng có mẫu 16;18cm	Cái		ISO 9001:2008	1700005 48/PCB A-HN	Prime	Pakistan	Cái	475	24.000	11.400.000	100	20	40	20					20		40			50	60	45	20			60			
199	199.G5.2019		Panh thẳng không có mẫu 16;18cm	Cái		ISO 9001:2008	1700005 48/PCB A-HN	Prime	Pakistan	Cái	535	24.000	12.840.000	80	20	40	40		60			20		40			50	60	45	20			60			

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số
200	200.G5.2019		Kéo thẳng nhọn 16; 18cm	Cái		ISO 9001:2008	170000548/PCB A-HN	Prime	Pakistan	Cái	425	24.000	10.200.000	50	20	40	20					20		40			50	60	45	20		60		
201	201.G5.2019		Kéo thẳng tù 16; 18 cm	Cái		ISO 9001:2008	170000548/PCB A-HN	Prime	Pakistan	Cái	505	24.000	12.120.000	150		40	20					20		40			50	60	45	20		60		
202	202.G5.2019	N08.00.260	Kẹp phẫu tích có mẫu 16cm	Cái		ISO 9001:2008	170000548/PCB A-HN	Prime	Pakistan	Cái	515	18.500	9.527.500	160	20	40	20							40			50	60	45	20		60		
203	203.G5.2019	N08.00.260	Kẹp phẫu tích không có mẫu 16cm	Cái		ISO 9001:2008	170000548/PCB A-HN	Prime	Pakistan	Cái	535	18.500	9.897.500	160	20	40	40							40			50	60	45	20		60		
204	204.G5.2019		Khay quả đậu Inox	Hộp/cái		ISO 9001:2008		Bình An	Việt Nam	Cái	414	32.000	13.248.000	100	20	30	40		10		9	20		20		30		35		100				
205	205.G5.2019		Lam kính	72 cái/hộp	Trong suốt bề mặt phẳng, không mốc, không có đầu mài. Kích thước: 25,4mmx76mm, dày 1mm-1,2mm. ISO 9001:2000	ISO 9001:2000	170001363/PCB A-HN	Sainty	Trung Quốc	Hộp	23.389	13.500	315.751.500		550	30			100		11	20			18.000	4.500			18	20	60	20	60	
206	206.G5.2019		Lam kính mài	72 cái/hộp	Trong suốt bề mặt phẳng, không mốc, có đầu mài. Kích thước: 25,4mmx76mm, dày 1mm-1,2mm. ISO 9001:2000	ISO 9001:2000	170001363/PCB A-HN	Sainty	Trung Quốc	Hộp	11.048	17.800	196.654.400	800		20	10		20					10.000			100	18	20			60		
207	207.G5.2019		Pipet nhựa 1 - 3 mm	500 cái/túi		ISO 9001:2008	190000782/PCB A	Operson	Trung Quốc	Cái	2.100	280	588.000																2.000		100			
208	208.G5.2019		Súng cắt trĩ	Hộp/cái	(Dụng cụ cắt nối tự động sử dụng trong kỹ thuật longo)	TCCE ISO 9001:2008 ISO 13485:2003	2018/08.31/170000117/P CBPL-BYT	Công ty TNHH jiangsu brightness Medical Devices	Trung Quốc	Cái	52	3.280.000	170.560.000	2													30	10	10					

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
209	209.G5.2019	N03.07.070	Túi đựng rác thải màu đen	0,1kg/túi		TC 08-2010/CTY-DA		Tân Lập	Việt Nam	Kg	1.732	58.200	100.802.400	80	100		18	10	60		9	20	10	1.000	200	210	15								
210	210.G5.2019	N03.07.070	Túi đựng rác thải màu trắng	0,1kg/túi		TC 08-2010/CTY-DA		Tân Lập	Việt Nam	Kg	4.565	60.500	276.182.500	2.500			55	20	60			20	10	1.000	600	210	50							40	
211	211.G5.2019	N03.07.070	Túi đựng rác thải màu vàng	01kg/túi		TC 08-2010/CTY-DA		Tân Lập	Việt Nam	Kg	6.784	57.400	389.401.600	3.500	100	250	140	80	60		9	20	10	1.000	1.100	210	250							55	
212	212.G5.2019	N03.07.070	Túi đựng rác thải màu xanh	01kg/túi		TC 08-2010/CTY-DA		Tân Lập	Việt Nam	Kg	11.754	56.800	667.627.200	6.000	600	250	800	80	60		9	20	10	2.000	1.200	210	460							55	
213	213.G5.2019		Hộp đựng kim tiêm y tế an toàn	100 cái/thùng	Vật liệu: Carton 2 mặt phủ màng PE Độ dày của thành hộp: 1,00 mm Dung tích hộp: 5,07 lít. Kích thước lỗ thả bơm tiêm: 42 mm. Lỗ thả bơm tiêm có nắp đậy gắn liền với mặt trước của hộp Dễ dàng thiêu huỷ và cháy hết trong lò đốt rác thải hoặc thiêu đốt.	ISO 13485:2012; ISO 9001:2008	43/2018/BYT-TB-CT	Mediplast	Việt nam	Cái	44.400	9.300	412.920.000		100	1.000		32.000		70	20		4.000	1.300	2.820	350			1.800		900	40			
214	214.G5.2019		Dây garo cao su	Túi 10 cái				Cao su tháng 5	Việt Nam	Cái	3.640	10.000	36.400.000	400			400				200			100	90	250		2.200							
215	215.G5.2019		Giấy đo độ quý PH	10 tập/túi				Trung Quốc	Trung Quốc	Tập	50	9.200	460.000					30						20											
216	216.G5.2019	N07.06.040	Kim cấy chỉ	01 cái/túi	25 ~ 120mm	ISO13485	1217PL-TTDV/170000027/PCBP L-BYT	Zhenjiang Gaoguan Medical Appliances Co.,Ltd	Trung Quốc	cái	4.930	15.000	73.950.000				4.000										400	30		500					

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y được cử truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số	
217	217.G5.2019		Túi ép phẳng 250mm-400mm	Cuộn			180000518/PCB A-HCM	3M	Thổ Nhĩ Kỳ	Cuộn	4	1.720.000	6.880.000																				4		
218	218.G5.2019	N03.07.030	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp 200mm	Cuộn			180000518/PCB A-HCM	3M	Thổ Nhĩ Kỳ	Cuộn	12	1.510.000	18.120.000										10				2								
219	219.G5.2019	N03.07.030	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ thấp 300mm	Cuộn			180000518/PCB A-HCM	3M	Thổ Nhĩ Kỳ	Cuộn	10	2.270.000	22.700.000										10												
220	220.G5.2019		Bát Inox					Bình An	Việt Nam	Cái	50	31.000	1.550.000	50																					
221	221.G5.2019		Bát Inox nhỏ					Bình An	Việt Nam	Cái	30	31.000	930.000	30																					
222	222.G5.2019		Bộ lọc tiệt trùng cho bồn rửa tay			TCCE	102590108240	Laboratoires Anios	Pháp	Bộ	20	6.950.000	139.000.000	20																					

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quán Bả	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
223	223.G5.2019	N03.07.030	Túi ép tiết trùng nhiệt độ thấp 150 mm x 70 m	Gói/Cuộn, 4 cuộn/thùng	Túi hấp tiết trùng y tế là bao bì y tế chất lượng cao cung cấp độ bền, khả năng tương thích với một loạt các phương pháp khử trùng, và hàng rào của vi sinh vật cao nhất của bất kỳ vật liệu đóng gói vô trùng nào. Giấy y tế đặc biệt, được in các chất chỉ thị khử trùng đổi màu phù hợp với quy định của Châu Âu 1907/2006. Túi hấp tiết trùng y tế cung cấp kháng mòn, độ bền cao, thoáng và rào cản vi khuẩn tuyệt vời để đóng gói vô trùng, giúp đảm bảo các thiết bị y tế mà bắt đầu vô trùng tiết trùng ở	TCCE		Cross Protection	Malaysia	Cuộn	12	680.000	8.160.000	12																						
224	224.G5.2019		Guita Wire màu đen			TCCE		Marflow	Thụy Sĩ	Cái	16	1.680.000	26.880.000	16																						
225	225.G5.2019		Guita Wire màu xanh			TCCE		Marflow	Thụy Sĩ	Cái	10	420.000	4.200.000	10																						
226	226.G5.2019		Bóng đèn 15V - 150W	1 cái/hộp		TCCE		Osram	Đức	Cái	20	208.000	4.160.000	20																						
227	227.G5.2019		Bóng đèn 24V - 250W			TCCE		Osram	Đức	Cái	40	195.000	7.800.000	40																						
228	228.G5.2019		Bóng đèn 24V - 250W có chóa	1 cái/hộp		TCCE		Osram	Đức	Cái	20	268.000	5.360.000	20																						
229	229.G5.2019		Bóng đèn đặt nội khí quản			TCCE	170000548/PCB A-HN	Prime	Pakistan	Cái	60	34.000	2.040.000	60																						

Page 59

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số	
230	230.G5.2019		Que tăm bông vô trùng cán gỗ	100 cái/ túi		TCCE	190000783/PCB A-HN	Operson	Trung Quốc	Cái	20.000	1.068	21.360.000	20.000																					
231	231.G5.2019		Test kiểm tra nhanh độ sạch bát đĩa (tinh bột, dầu mỡ)	200 lần test/ hộp				Việt Nam	Việt Nam	Hộp	6	288.000	1.728.000	6																					
232	232.G5.2019		Test kiểm tra nhanh hàn the trong thực phẩm	50 test/ hộp				Việt Nam	Việt Nam	Hộp	6	465.000	2.790.000	6																					
233	233.G5.2019		Test kiểm tra thuốc trừ sâu	10 test/ hộp				Việt Nam	Việt Nam	Hộp	6	788.000	4.728.000	6																					
234	234.G5.2019		Túi sắc thuốc đông y					Việt Nam	Việt Nam	Chiếc	20	15.000	300.000	20																					
235	235.G5.2019		Thảm trải	Cái		TCCE		Pakistan	Pakistan	Cái	40	21.000	840.000	40																					
236	236.G5.2019		Ống hút	100 cái/ túi		TCVN		Việt Nam	Việt Nam	Cái	3.400	588	1.999.200	3.400																					
237	237.G5.2019		Lentulo	4 cái/hộp		TCCE		Mỹ	Mỹ	Cái	26	22.400	582.400	26																					
238	238.G5.2019		Lá matrix	6 cái/ hộp		TCCE		Mỹ	Mỹ	Cái	100	2.380	238.000	100																					
239	239.G5.2019		Ốc tay khoan	10 cái/ hộp				Mỹ	Mỹ	Cái	16	348.000	5.568.000	16																					
240	240.G5.2019		Công đo Sample cup 1,5ml có nắp	500 cái/ túi			190000782/PCB A	Operson	Trung Quốc	Cái	3.000	860	2.580.000	3.000																					
241	241.G5.2019	N04.01.050	Nong ống tủy màu đỏ	01 Cái/túi		ISO 13485: 2003		Mani	Trung Quốc	Cái	200	9.800	1.960.000	200																					
242	242.G5.2019		Giũa ống tủy màu xanh	01 Cái/túi		ISO 13485: 2003		Mani	Trung Quốc	Cái	100	8.800	880.000	100																					
Tổng cộng:		242 mặt hàng											20.337.023.250																						

DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 962 /QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Công ty TNHH Liên Hợp Dược Hà Giang

GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
1	N03.01.070	Bơm kim tiêm nhựa 5 ml	100 cái/ hộp	ISO 9001:2015, ISO 13485:2003/EN ISO 13485:2012, CE, GMP - FDA.	Perfect	Việt Nam	Cái	258.000	1.199	309.342.000
2	N03.01.070	Bơm kim tiêm nhựa 10 ml	100 cái/ hộp	ISO 9001:2015, ISO 13485:2003/EN ISO 13485:2012, CE, GMP - FDA.	Perfect	Việt Nam	Cái	127.700	1.449	185.037.300
3	N03.05.010	Bộ dây truyền dịch 20 giọt (Người lớn)	Bộ/ túi, 400 bộ/ thùng	ISO 9001:2015, ISO 13485:2003/EN ISO 13485:2012, CE, cGMP - FDA	Perfect	Việt Nam	Bộ	133.200	8.350	1.112.220.000
4	N03.05.010	Dây truyền dịch - Vinahankook	100 Cái /hộp	ISO 9001: 2015, ISO 13485:2016 TCVN6591-4 :	Vinahankook	Việt Nam	Bộ	58.000	5.744	333.152.000
5	N03.05.010	Bộ dây truyền dịch 60 giọt (Trẻ em)	Bộ/ túi, 400 bộ/ thùng	ISO 9001:2015, ISO 13485:2003/EN ISO 13485:2012, CE, cGMP - FDA	Perfect	Việt Nam	Bộ	36.700	11.900	436.730.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
6	N03.04.010	Kim châm cứu các số	100 cái/hộp	ISO 13485:2012 - ISO 13485:2013 (Cập mới ISO 13485;2016), Chứng nhận EC - số G2170327210024	Suzhou	Trung Quốc	Cái	4.162.900	640	2.664.256.000
Tổng cộng:		6 mặt hàng								5.040.737.300

PHẠM VI CUNG ỨNG HÓA VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

(Kèm theo Quyết định số 36/QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty TNHH Liên Hợp Dược Hà Giang

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa Khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa Khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số
1	001.G5.2019	N03.01.070	Bơm kim tiêm nhựa 5 ml	100 cái/hộp	Đầu kim sắc nhọn, vát ba cạnh, có nắp đậy. Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp bơm hết thuốc. Bề mặt gioăng phẳng giúp đẩy khí dễ dàng. Pitong có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng.Kích thước : Kim 25G.Tiệt trùng bằng EO gas.	ISO 9001:2015, ISO 13485:2003/EN ISO 13485:2012, CE, GMP - FDA.		Perfect	Việt Nam	Cái	258.000	1.199	309.342.000		6.000											40.000			2.000		70.000		140.000	
2	002.G5.2019	N03.01.070	Bơm kim tiêm nhựa 10 ml	100 cái/hộp	Đầu kim sắc nhọn, vát ba cạnh, có nắp đậy. Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp bơm hết thuốc. Bề mặt gioăng phẳng giúp đẩy khí dễ dàng. Pitong có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng.Kích thước : Kim 25G.Tiệt trùng bằng EO gas.	ISO 9001:2015, ISO 13485:2003/EN ISO 13485:2012, CE, GMP - FDA.		Perfect	Việt Nam	Cái	127.700	1.449	185.037.300		4.500											40.000			22.000		60.000			1200
3	3.G5.2019	N03.05.010	Bộ dây truyền dịch 20 giọt (Người lớn)	Bộ/ túi, 400 bộ/ thùng	Dây dài ≥ 1500mm, dây và bầu đếm giọt làm bằng chất liệu PVC y tế cao cấp mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, chống gãy, gấp dây khi bảo quản và sử dụng. Đầu kim cắm vào bình chứa thuốc cứng, sắc nhọn, khoá điều chỉnh giọt linh hoạt để thao tác, dễ điều chỉnh để dòng chảy đều (20 giọt), đều được sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Kim 21G hoặc 23G, vát 3 cạnh, sắc bén, không có gờ được làm từ thép không gỉ. Van khí thiết kế dạng cứng màu xanh để quan sát, dễ thao tác, có màng lọc khí vô khuẩn 0.2µm. Ống cao su bơm thuốc khi cần có kích thước 2,9*5,5*45mm, chất liệu cao su mềm, có độ đàn hồi cao.	ISO 9001:2015, ISO 13485:2003/EN ISO 13485:2012, CE, cGMP - FDA		Perfect	Việt Nam	Bộ	133.200	8.350	1.112.220.000		600	29.000	4.000						10.000	10.000	3.500		7.000	20.000	10.000	30.500	2.600	2.000	4.000	

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quân Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
4	4.G5.20.19	N03.05.010	Dây truyền dịch - Vinahankook	100 Cái /hộp	Dây truyền dịch bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2x2 cm, bình thủy có 2 tai định hướng: Dây dài 1550 mm, đường kính ngoài của dây 4.2 mm, đường kính trong 3.6 mm, Có kim lấy thuốc, Kim 23G x 1/2. Thích hợp sử dụng đo áp lực nội mạch	ISO 9001: 2015, ISO 13485:2016 TCVN6591-4 :		Vinahankook	Việt Nam	Bộ	58.000	5.744	333.152.000										4.000	7.000			5.000					10.000	2.000	30.000	
5	5.G5.20.19	N03.05.010	Bộ dây truyền dịch 60 giọt (Trẻ em)	Bộ/ túi, 400 bộ/ thùng	Dây dài ≥ 1800mm, dây và bầu đếm giọt làm bằng chất liệu PVC y tế cao cấp mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, chống gãy, gấp dây khi bảo quản và sử dụng, trong suốt dễ quan sát. Đầu kim cắm vào bình chứa thuốc cũng, sắc nhọn, khoá điều chỉnh giọt linh hoạt dễ thao tác, dễ điều chỉnh để dòng chảy đều, được sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Trong bầu đếm giọt có kim vi lượng dùng để chuyển đổi dòng chảy từ 20 giọt/ml thành 60 giọt/ml an toàn khi sử dụng cho trẻ em. Công tắc an toàn chữ Y, giúp dễ dàng tiêm thuốc và các dịch khác trong quá trình truyền dịch. Kim 21G hoặc 23G, vát 3 cạnh, sắc bén, không có gờ được làm từ thép không gỉ. Van khí thiết kế dạng cứng màu xanh dễ quan sát, dễ thao tác, có màng lọc khí vô khuẩn 0.2µm.	ISO 9001:2015, ISO 13485:2003/EN ISO 13485:2012, CE, cGMP - FDA		Perfect	Việt Nam	Bộ	36.700	11.900	436.730.000										10.600			3.500				10.000	10.000	2.600			

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y được cử truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quán Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số
6	6.G5.2019	N03.04.010	Kim châm cứu các số	100 cái/hộp	Thân bằng thép Y tế không gỉ 0Cr18Ni9, chân kim được cuốn từ sợi đồng	ISO 13485:2012 - ISO 13485:2013 (Cập mới ISO 13485:2016), Chứng nhận EC - số G2170327210024		Suzhou	Trung Quốc	Cái	4.162.900	640	2.664.256.000	346.000			1.600.000	130.000					77.400	150.000	130.500	152.000	350.000	250.000	382.000	192.000	180.000	30.000	193.000	
Tổng cộng:			6 mặt hàng										5.040.737.300																					

DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 962 /QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty Cổ Phần TBYT Việt Nhật

GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
1	N07.01.500	Phim khô y tế DI-HL cỡ 25x30 cm	Hộp 150 tờ	ISO 13485:2003; EC	Fujiflim	Nhật Bản	Hộp	171	3.750.000	641.250.000
2	N07.01.500	Phim khô y tế DI-HL cỡ 20x25 cm	Hộp 150 tờ	ISO 13485:2003; EC	Fujiflim	Nhật Bản	Hộp	1.810	2.550.000	4.615.500.000
Tổng cộng:		2 mặt hàng								5.256.750.000

(Kèm theo Quyết định số 962/QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số		
1	1.G5.20 19	N07.01 .500	Phim khô y tế DI-HL cỡ 25x30 cm	Hộp 150 tờ	Phim khô Laser cỡ 25x30 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm hoặc tương đương, loại phim nền xanh, nhạy sáng, Dmax 3.6, hộp 150 tờ sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. ISO 13485, EC, Giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất	ISO 13485:2003; EC	1700003 89/PCB A - HCM	Fujifilm	Việt Nam	Hộp	171	3.750.000	641.250.000			66														40		65				

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
2	2.G5.20.19	N07.01.500	Phim khô y tế DI-HL cỡ 20x25 cm	Hộp 150 tờ	Phim khô Laser cỡ 20x25 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm hoặc tương đương, loại phim nền xanh, nhạy sáng, Dmax 3.6, hộp 150 tờ sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. ISO 13485, EC, Giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất	ISO 13485:2003; EC	170000389/PCB A - HCM	Fujifilm	Việt Nam	Hộp	1.810	2.550.000	4.615.500.000	350															900		180		380		
Tổng cộng:			2 mặt hàng										5.256.750.000																						

DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 962 /QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty TNHH TBYT Công Nghệ Mới

GÓI THẦU SÔ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
1	N03.07.060	Túi đựng nước tiêu cường lực	200 cái/ hộp	ISO 9001:2015, ISO 13485:2016	OMIGA	Việt Nam	Cái	5.000	4.725	23.625.000
Tổng cộng:		1 mặt hàng								23.625.000

PHẠM VI CUNG ỨNG HÓA VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

(Kèm theo Quyết định số 96/QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty TNHH TBVT Công Nghệ Mới

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quan Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số
1	1.G5.2019	N03.07.060	Túi đựng nước tiểu cường lực	200 cái/hộp	Làm bằng vật liệu nhựa cao áp cường lực, có khóa vận ¾ vòng, dây dẫn dài 0.75 m, đường kính ngoài 6.8mm, đường kính van tháo dịch 9.2 mm; tính năng chống trào ngược có lỗ treo, không gây độc hại không gây kích ứng các vách chia dung tích đều,	ISO 9001:2015, ISO 13485:2016	Số 1693/2017/PCB A-YTHY	OMIGA	Việt Nam	Cái	5.000	4.725	23.625.000	4.000															1.000					
Tổng cộng:			1 mặt hàng										23.625.000																					

DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: **962** /QĐ-SYT ngày **01** tháng **11** năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty CP dược và trang thiết bị y tế Bình Minh

GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
1		Chỉ tiêu tự nhiên tan chậm	12 sợi/Hộp	ISO 13485	Shandong Sinorgmed Co., Ltd- Sure Chrom (Suremed)/ TQ	Trung Quốc	Sợi	5.000	20.000	100.000.000
2	N05.02.040	Chỉ Vicryl số 0	12 sợi/hộp	CE 0086	Johnson & Johnson Medical LTD	Đức	Sợi	1.520	140.000	212.800.000
3	N05.02.040	Chỉ Vicryl CTD số 1	12 sợi/hộp	CE 0086	Johnson & Johnson Medical LTD	Đức	Sợi	12.156	140.000	1.701.840.000
4	N05.02.040	Chỉ Vicryl CTD số 1	36 sợi/hộp	CE 0086	Johnson & Johnson Medical LTD	Mỹ	Sợi	3.900	140.000	546.000.000
5	N05.02.040	Chỉ Vicryl số 1 khâu gân	12 sợi/hộp	CE 0086	Johnson & Johnson Medical LTD	Mexico	Sợi	3.784	175.000	662.200.000
6	N05.02.040	Chỉ Vicryl số 2/0	12 sợi/hộp	CE 0086	Johnson & Johnson Medical LTD	Đức	Sợi	5.856	164.000	960.384.000
7	N05.02.040	Chỉ Vicryl Rapide số 2/0	12 sợi/hộp	CE 0086	Johnson & Johnson Medical LTD	Đức	Sợi	5.200	180.000	936.000.000
8	N05.02.040	Chỉ Vicryl Rapide số 3/0	12 sợi/hộp	CE 0086	Johnson & Johnson Medical LTD	Brazil	Sợi	2.360	180.000	424.800.000
9	N05.02.040	Chỉ Vicryl số 2/0	36 sợi/hộp	CE 0086	Johnson & Johnson Medical LTD	Mỹ	Sợi	3.000	164.000	492.000.000
10	N05.02.040	Chỉ Vicryl số 3/0	12 sợi/hộp	CE 0086	Johnson & Johnson Medical LTD	Đức	Sợi	8.108	170.000	1.378.360.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
11	N05.02.040	Chỉ Vicryl số 3/0	36 sợi/hộp	CE 0086	Johnson & Johnson Medical LTD	Mỹ	Sợi	400	170.000	68.000.000
12	N05.02.040	Chỉ Vicryl số 4/0	12 sợi/hộp	CE 0086	Johnson & Johnson Medical LTD	Đức	Sợi	3.272	168.000	549.696.000
13	N05.02.040	Chỉ Vicryl số 5/0	12 sợi/hộp	CE 0086	Johnson & Johnson Medical LTD	Mexico	Sợi	24	178.000	4.272.000
14	N05.02.040	Chỉ Vicryl số 6/0	12 sợi/hộp	CE 0086	Johnson & Johnson Medical LTD	Mexico	Sợi	700	248.000	173.600.000
15	N05.02.020	Chỉ Vicryl số 8/0	12 sợi/hộp	CE 0086	Johnson & Johnson Medical LTD	Mexico	Sợi	512	378.000	193.536.000
16	N05.02.030	Chỉ Prolene số 0	12 sợi/hộp	CE 0086	Johnson & Johnson Medical LTD	Mỹ	Sợi	86	198.000	17.028.000
17	N05.02.030	Chỉ Prolene số 1	12 sợi/hộp	CE 0086	Johnson & Johnson Medical LTD	Mỹ	Sợi	560	198.000	110.880.000
18	N05.02.030	Chỉ Prolene số 2	12 sợi/hộp	CE 0086	Johnson & Johnson Medical LTD	Mỹ	Sợi	560	178.000	99.680.000
19	N05.02.030	Chỉ prolene số 10	12 sợi/hộp	CE 0086	Johnson & Johnson Medical LTD	Mỹ	Sợi	136	275.000	37.400.000
20	N05.02.040	Chỉ thép liền kim	48 sợi/hộp	CE 0086	Johnson & Johnson Medical LTD	Mỹ	Sợi	132	25.000	3.300.000
21	N05.02.030	Chỉ khâu không tiêu Nylon các số	Hộp 24 sợi	ISO 13485: 2003, CFS, CE	Shandong Sinorgmed Co., Ltd- Surelon (Suremed)/ TQ	Trung Quốc	Sợi	7.560	20.000	151.200.000
22	N05.02.040	Chỉ phẫu thuật Nylon không tiêu tổng hợp, tiết trùng, đơn sợi số 7/0, 6/0	Hộp 12 sợi	EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, FDA	Shandong Sinorgmed Co., Ltd- Surelon (Suremed)/ TQ	Trung Quốc	Sợi	120	55.000	6.600.000
23	N05.02.040	Chỉ prolene số 5	12 sợi/hộp	CE 0086	Johnson & Johnson Medical LTD	Mỹ	Sợi	12	190.000	2.280.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
24	N05.02.040	Chỉ prolene số 6	13 sợi/hộp	CE 0087	Johnson & Johnson Medical LTD	Mỹ	Sợi	24	190.000	4.560.000
25	N03.02.070	Kim lườn tĩnh mạch có cánh, có cửa các số	100 cây/hộp	EN ISO 13485: 2012 + AC 2012	Wellmed- Well Way/ Ấn Độ	Ấn Độ	Chiếc	118.000	5.000	590.000.000
26		Giấy in nhiệt	10 cuộn/hộp	ISO 9001: 2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive93/42/EEC	Telepaper- Clintek/ Malaysia	Malaysia	Cuộn	2.640	2.000	5.280.000
Tổng cộng:		26 mặt hàng								9.431.696.000

PHẠM VI CUNG ỨNG HÓA VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

(Kèm theo Quyết định số 962/QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty CP dược và trang thiết bị y tế Bình Minh

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đông Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quan Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
1	01.G5.2019	N05.02.040	Chỉ tiêu tự nhiên tan chậm	12 sợi/Hộp	Chỉ Catgut các số dài 75cm kim 1/2C kim phủ silicone, tiết trùng EO hoặc tia gamma	ISO 13485	2739NK /BYT-TB-CT ngày 06/12/2018	Shandong Sinorgmed Co., Ltd-Sure Chrom (Suremed)/TQ	Trung Quốc	Sợi	5.000	20.000	100.000.000															5.000								
2	2.G5.2019	N05.02.040	Chỉ Vicryl số 0	12 sợi/hộp	Kích thước dài 75cm, Kim 35mm, kim tròn, cong kim 1/2C	CE 0086	10269N K/BYT-TB-CT ngày 23/7/2018	Johnson & Johnson Medical LTD	Đức	Sợi	1.520	140.000	212.800.000										720			480						120			200	
3	3.G5.2019	N05.02.040	Chỉ Vicryl CTD số 1	12 sợi/hộp	Kích thước dài 90cm, kim 40mm, cong kim 1/2C RB	CE 0086	10269N K/BYT-TB-CT ngày 23/7/2018	Johnson & Johnson Medical LTD	Đức	Sợi	12.156	140.000	1.701.840.000	2.400									240	2.000	900	1.080		1.000	2.000	1.600	936					
4	4.G5.2019	N05.02.040	Chỉ Vicryl CTD số 1	36 sợi/hộp	Kích thước dài 90cm, kim 40mm, cong kim 1/2C RB	CE 0086	9405NK /BYT-TB-CT ngày 26/6/2018	Johnson & Johnson Medical LTD	Mỹ	Sợi	3.900	140.000	546.000.000														600		2.000					1.300		
5	5.G5.2019	N05.02.040	Chỉ Vicryl số 1 khâu gân	12 sợi/hộp	Kích thước dài 100cm, kim 55mm, đầu tù, cong kim 3/8C	CE 0086	10097N K/BYT-TB-CT ngày 13/7/2018	Johnson & Johnson Medical LTD	Mexico	Sợi	3.784	175.000	662.200.000										240			1.800	500		800			72	300	72		
6	6.G5.2019	N05.02.040	Chỉ Vicryl số 2/0	12 sợi/hộp	Kích thước dài 75cm, Kim 26mm, kim tròn, cong kim 1/2C	CE 0086	10269N K/BYT-TB-CT ngày 23/7/2018	Johnson & Johnson Medical LTD	Đức	Sợi	5.856	164.000	960.384.000	1.000			120							1.200	168	1.080		1.000		600	288		400			

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số			
7	7.G5.2019	N05.02.040	Chỉ Vicryl Rapide số 2/0	12 sợi/hộp	Kích thước dài 90 cm, cong kim 1/2C, kim tròn đầu tam giác	CE 0086	10269N K/BYT-TB-CT ngày 23/7/2018	Johnson & Johnson Medical LTD	Đức	Sợi	5.200	180.000	936.000.000	1.000												1.800								200			
8	8.G5.2019	N05.02.040	Chỉ Vicryl Rapide số 3/0	12 sợi/hộp	Kích thước dài 90 cm, cong kim 1/2C, kim tròn đầu tam giác	CE 0086	10097N K/BYT-TB-CT ngày 13/7/2018	Johnson & Johnson Medical LTD	Brazil	Sợi	2.360	180.000	424.800.000							360						1.800									200		
9	9.G5.2019	N05.02.040	Chỉ Vicryl số 2/0	36 sợi/hộp	Kích thước dài 70cm, Kim 26mm, cong kim 1/2C, kim tròn đầu tam giác +chất kháng khuẩn Triclosan	CE 0086	9405NK /BYT-TB-CT ngày 26/6/2018	Johnson & Johnson Medical LTD	Mỹ	Sợi	3.000	164.000	492.000.000														700						300	400			
10	10.G5.2019	N05.02.040	Chỉ Vicryl số 3/0	12 sợi/hộp	Kích thước dài 75cm, Kim 25mm, kim tròn, cong kim 1/2C	CE 0086	10269N K/BYT-TB-CT ngày 23/7/2018	Johnson & Johnson Medical LTD	Đức	Sợi	8.108	170.000	1.378.360.000	2.000									720	1.200	700	1.080	140	1.000			600	168	300	200			
11	11.G5.2019	N05.02.040	Chỉ Vicryl số 3/0	36 sợi/hộp	Kích thước dài 70cm, Kim 26mm, cong kim 1/2C, kim tròn đầu tam giác + chất kháng khuẩn Triclosan	CE 0086	9405NK /BYT-TB-CT ngày 26/6/2018	Johnson & Johnson Medical LTD	Mỹ	Sợi	400	170.000	68.000.000																					400			
12	12.G5.2019	N05.02.040	Chỉ Vicryl số 4/0	12 sợi/hộp	Kích thước dài 75cm, Kim tròn 20mm, cong kim 1/2C	CE 0086	10269N K/BYT-TB-CT ngày 23/7/2018	Johnson & Johnson Medical LTD	Đức	Sợi	3.272	168.000	549.696.000	600											48	1.800					800				24		

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quỳ Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
13	13.G5.2.019	N05.02.040	Chi Vicryl số 5/0	12 sợi/hộp	Kích thước dài 75cm, Kim tròn 17mm, cong kim 1/2C	CE 0086	10097N K/BYT-TB-CT ngày 13/7/2018	Johnson & Johnson Medical LTD	Mexico	Sợi	24	178.000	4.272.000												24											
14	14.G5.2.019	N05.02.040	Chi Vicryl số 6/0	12 sợi/hộp	Kích thước dài 45cm, kim 13mm, cong kim 1/2C RB	CE 0086	10097N K/BYT-TB-CT ngày 13/7/2018	Johnson & Johnson Medical LTD	Mexico	Sợi	700	248.000	173.600.000	400	100															200						
15	15.G5.2.019	N05.02.020	Chi Vicryl số 8/0	12 sợi/hộp	Dài 30cm, kim 6,5mm, kim cong 3/8C, hai kim hình thang dùng trong PT mắt	CE 0086	10097N K/BYT-TB-CT ngày 13/7/2018	Johnson & Johnson Medical LTD	Mexico	Sợi	512	378.000	193.536.000		120								24	24	24	24	24			200	24	24			24	
16	16.G5.2.019	N05.02.030	Chi Prolene số 0	12 sợi/hộp	30MM1/2C RB HVY	CE 0086	9406NK /BYT-TB-CT ngày 26/6/2018	Johnson & Johnson Medical LTD	Mỹ	Sợi	86	198.000	17.028.000	50											36											
17	17.G5.2.019	N05.02.030	Chi Prolene số 1	12 sợi/hộp	40MM 0.5C O	CE 0086	9406NK /BYT-TB-CT ngày 26/6/2018	Johnson & Johnson Medical LTD	Mỹ	Sợi	560	198.000	110.880.000	10																550						
18	18.G5.2.019	N05.02.030	Chi Prolene số 2	12 sợi/hộp	Kích thước 90CM 55MM	CE 0086	9406NK /BYT-TB-CT ngày 26/6/2018	Johnson & Johnson Medical LTD	Mỹ	Sợi	560	178.000	99.680.000	10																550						

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
19	19.G5.2.019	N05.02.030	Chỉ prolene số 10	12 sợi/hộp	Dài 30cm, kim cong PROLENE 10/0 ST DA	CE 0086	9406NK /BYT-TB-CT ngày 26/6/2018	Johnson & Johnson Medical LTD	Mỹ	Sợi	136	275.000	37.400.000	100											24					12					
20	20.G5.2.019	N05.02.040	Chỉ thép liền kim	48 sợi/hộp	Dài 60 cm, kim cong đầu tam giác, thân tròn, kim cong 1/2 chu vi	CE 0086	9406NK /BYT-TB-CT ngày 26/6/2018	Johnson & Johnson Medical LTD	Mỹ	Sợi	132	25.000	3.300.000	40											2					90					
21	21.G5.2.019	N05.02.030	Chỉ khâu không tiêu Nylon các số	Hộp 24 sợi	Chỉ khâu không tiêu Nylon các số	ISO 13485: 2003, CFS, CE	2739NK /BYT-TB-CT ngày 06/12/2018	Shandong Sinorgmed Co., Ltd-Surelon (Suremed)/ TQ	Trung Quốc	Sợi	7.560	20.000	151.200.000													7.080				480					
22	22.G5.2.019	N05.02.040	Chỉ phẫu thuật Nylon không tiêu tổng hợp, tiết trùng, đơn sợi số 7/0, 6/0	Hộp 12 sợi	Chiều dài sợi chỉ 75 cm, sợi chỉ màu đen, chiều dài kim 13mm, vòng kim 3/8, vòng kim 1/2, kim tam giác.	EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, FDA	2739NK /BYT-TB-CT ngày 06/12/2018	Shandong Sinorgmed Co., Ltd-Surelon (Suremed)/ TQ	Trung Quốc	Sợi	120	55.000	6.600.000											120											
23	23.G5.2.019	N05.02.040	Chỉ prolene số 5	12 sợi/hộp	Dài 60 cm, kim cong	CE 0086	9406NK /BYT-TB-CT ngày 26/6/2018	Johnson & Johnson Medical LTD	Mỹ	Sợi	12	190.000	2.280.000	12																					
24	24.G5.2.019	N05.02.040	Chỉ prolene số 6	13 sợi/hộp	Dài 60 cm, kim cong 13mm	CE 0087	9406NK /BYT-TB-CT ngày 26/6/2018	Johnson & Johnson Medical LTD	Mỹ	Sợi	24	190.000	4.560.000	24																					

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
25	25.G5.2.019	N03.02.070	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa các số	100 cây/hộp	- Chất liệu: Poly Tetra Fluoro Ethylene - Có cánh, Có cửa bơm thuốc - Có 3 đường cán quang ngấm - Có khả năng lưu kim 72 giờ. - Size / Ext. Dia. x Length mm: G14 /2.0x45, tốc độ dòng chảy: 305ml/phút. G16/ 1,8x45,tốc độ dòng chảy: 200ml/phút. G18/ 1,3x45,tốc độ dòng chảy: 95ml/phút. G20/ 1,1x32,tốc độ dòng chảy: 65ml/phút. G22/ 0,9x25 ,tốc độ dòng chảy: 36ml/phút. G24/ 0,7x19,tốc độ dòng chảy:	EN ISO 13485: 2012 + AC 2012	2851-ADJVI NA/170 000008/PCBPL-BYT	Wellmed-Well Way/ Ấn Độ	Ấn Độ	Chiếc	118.000	5.000	590.000.000			5.200		5.800							48.000		5.000	20.000		20.000	14.000					
26	26.G5.2.019		Giấy in nhiệt	10 cuộn/hộp	Dạng cuộn .Đạt tiêu chuẩn : ISO 9001: 2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive93/42/EEC	ISO 9001: 2008; ISO 13485:2003+AC:2007; EC Directive 93/42/EEC	874-ADJVI NA/170 000008/PCBPL-BYT	Telepaper-Clintek/ Malaysia	Malaysia	Cuộn	2.640	2.000	5.280.000	40	180	20		270					50	220	100		400	200	1.000		80	80				
Tổng cộng:				26 mặt hàng									9.431.696.000																							

DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 962 /QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Công ty TNHH thương mại Trung Đức

GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
1	N06.03.010	Thủy tinh thể nhân tạo ngâm nước, lọc ánh sáng xanh	1 cái/hộp	DIN EN ISO 13485:2016 EC FSC	VSY Biotechnology	Hà Lan	Cái	100	3.000.000	300.000.000
Tổng cộng:		1 mặt hàng								300.000.000

PHẠM VI CUNG ỨNG HÓA VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

(Kèm theo Quyết định số 362/QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty TNHH thương mại Trung Đức

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa Khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quận Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số				
1	1.G5.2019		Thủy tinh thể nhân tạo ngâm nước, lọc ánh sáng xanh	1 cái/hộp	- Mã hiệu: BB UD 613 - Thủy tinh thể nhân tạo mềm 1 mảnh, đơn tiêu cự. - Chất liệu Hydrophobic bề mặt, ngâm nước 25%, lọc ánh sáng xanh - Đường kính optic 6.00 mm - Đường kính Haptic: 13.0 mm - Thiết kế Haptic: cang chữ C, góc 0° - Chỉ số khúc xạ khô: 20°C/35°C 1.509/1.509 ± 0.002 - Chỉ số khúc xạ ẩm: 20°C/35°C 1.462/1.462 ± 0.002 - Dây diopter từ -20.0 D đến + 45.0 D - Hãng số A: + SRK/T Formula 117.8; SRK II Formula 118.1 (với Ultrasound A-scan) + SRK/T Formula 118.8; SRK II Formula 119.1 (với Optical Biometry) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE; FSC	DIN EN ISO 13485:2016 EC FSC	7999NK/BYT-TB-CT	VSY Biotechnology	Hà Lan	Cái	100	3.000.000	300.000.000		100																							
Tổng cộng:			1 mặt hàng										300.000.000																									

DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: **962** /QĐ-SYT ngày **01** tháng **11** năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Viện trang thiết bị và công trình y tế

GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
1	N02.01.010	Bột bó cỡ 20 cm x 4.7 m	36 cuộn/ thùng	ISO, CE	Anji	Trung Quốc	Cuộn	4.920	21.000	103.320.000
2		Bộ dây lọc thận FB-A001V05	01 bộ/ bao	ISO 13485 : 2016; CE, FSC	Baihe	Trung Quốc	Bộ	2.010	57.750	116.077.500
3	N07.02.080	Quả lọc thận nhân tạo chu kỳ Renak PS 1.6W	01 quả/túi	ISO 13485: 2003 EN ISO 13485:2012 ; EC , FSC	Kawasumi	Nhật Bản	Quả	10	357.000	3.570.000
4		Ống nghiệm EDTA K2KLC 2ml nắp cao su xanh dương, mous thấp	2400 ống/thùng	* Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016	Đức minh	Việt Nam	Ống	89.000	693	61.677.000
5		Ống Nội khí quản không bóng chèn	10 cái/ hộp.	Tiêu chuẩn: FSC, EC, ISO 13485: 2012	Kyoling	Trung Quốc	Cái	1.700	18.900	32.130.000
6	N04.02.020	Sonde dạ dày	25 cái/ hộp	Tiêu chuẩn: FDA, EC, ISO 13485: 2012	Hoàng sơn	Việt Nam	Cái	23.670	5.250	124.267.500
7		Giấy in nhiệt dùng cho moniter sản khoa FC 700		TCVN		Việt Nam	Cuộn	40	21.000	840.000
Tổng cộng:		7 mặt hàng								441.882.000

PHẠM VI CUNG ỨNG HÓA VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

(Kèm theo Quyết định số 962/QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Viện trang thiết bị và công trình y tế

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số		
1	01.G5.2.019	N02.01.010	Bột bó cơ 20 cm x 4.7 m	36 cuộn/thùng	Băng được cuộn, chiều rộng 20 cm, chiều dài 4.7 m. Làm bằng chất liệu cotton để thấm hút nước mềm màu trắng. Thời gian bão hòa: 60s50, Thời gian đóng rắn: 7min31s	ISO, CE	190000243/PCB A-HN	Anji	Trung Quốc	Cuộn	4.920	21.000	103.320.000										500		700										
2	2.G5.20.19		Bộ dây lọc thận FB-A001V05	01 bộ/bao	Bộ dây bao gồm: Bộ dây lọc máu: 01 bộ, transducer protector, túi xả và dây truyền dịch Chất liệu nhựa y tế giảm tối đa ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Kích thước đoạn vuốt (Punmp segment) (ID x OD) mm: 8x12, Chiều dài dây: 330 mm - Kích thước bầu lọc chéo(Chamber) (OD) mm: 20, dài 130mm, đường kính ống dây chính: ID*OD: 4,5*6,8 - Chất liệu nhựa y tế mềm PVC; đầu kết nối và các thành phần khác: PVC, PE, PP. Dây máu này không chứa cao su tự nhiên. Thành bộ dây trong suốt, mềm dẻo, giúp cho quan sát tốt lưu lượng máu đi qua bộ dây. - Bộ dây đàn hồi hạn chế thất nút hoặc bị xoắn - Dùng được cho các máy: Gambro AK95, Nikkiso, Baxter, Nipro, Toray, JMS, B.Braun, Belco. Không chứa chất độc hại, không ảnh hưởng đến môi trường, Không tích tụ trong cơ thể. Đạt: ISO 13485 : 2016; CE, FSC	ISO 13485 : 2016; CE, FSC	1513/170000077/PCBPL - BYT	Baihe	Trung Quốc	Bộ	2.010	57.750	116.077.500	2.000															10						

DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 962 /QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Công ty TNHH Đông Bắc

GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
1	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp Marlin Violet số 1	Hộp 24 sợi	Tiêu chuẩn ISO 13485:2012, CE.Sản xuất tại các nước G7	GmbH	Đức	Sợi	3.756	99.393	373.320.108
2	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp Marlin Violet số 2	Hộp 24 sợi	Tiêu chuẩn ISO 13485:2012, CE.Sản xuất tại các nước G7	GmbH	Đức	Sợi	1.600	106.995	171.192.000
3	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp Marlin Violet số 2/0	Hộp 24 sợi	Tiêu chuẩn ISO 13485:2012, CE.Sản xuất tại các nước G7	GmbH	Đức	Sợi	580	92.484	53.640.720
4	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp Marlin Violet số 3/0	Hộp 24 sợi	Tiêu chuẩn ISO 13485:2012, CE.Sản xuất tại các nước G7	GmbH	Đức	Sợi	2.224	92.484	205.684.416
5	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp Marlin Violet số 4/0	Hộp 24 sợi	Tiêu chuẩn ISO 13485:2012, CE.Sản xuất tại các nước G7	GmbH	Đức	Sợi	360	92.484	33.294.240
6	N03.05.010	Dây truyền dịch có bộ điều chỉnh giọt tự động	60 bộ/hộp	Tiêu chuẩn iso 9001 ;2015, iso 13485;2016 TCVN ISO 13485:2017	OMIGA	Việt Nam	Bộ	2.000	160.986	321.972.000
7	N03.05.010	Dây truyền dịch cường lực ICU thoát khí EO	400 Bộ/hộp	Tiêu chuẩn iso 9001 ;2015, iso 13485;2016 TCVN ISO 13485:2017	OMIGA	Việt Nam	Bộ	10.000	22.995	229.950.000
8	N03.05.010	Dây truyền kèm kim hai cánh bướm HAMICO	100 Cái /hộp	ISO 9001: 2015, ISO 13485:2016 TCVN6591-4 :	OMIGA	Việt Nam	Bộ	157.000	6.720	1.055.040.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
9	N03.02.020	Kim cánh bướm các số Venofix A	Hộp 50 cái	EN ISO 13485:2012 CE - Châu Âu	B.Braun	Malaysia	Cái	770.500	6.783	5.226.301.500
10	N03.03.010	Kim chọc dò tủy sống và gây tê tủy sống	Hộp/20 cái	ISO 13485:2016; EC ;	Top Corporation	Malaysia	Cái	2.500	23.499	58.747.500
11	N03.02.070	Vasofix Safety (Kim luồn TM an toàn các số Có đầu bảo vệ bằng kim loại. Có cánh có cửa bơm thuốc)	Hộp 50 cái	EN ISO 13485:2012 CE - Châu Âu,	B.Braun	Malaysia	Cái	74.350	19.950	1.483.282.500
12	N03.02.070	Introcane Safety (Kim luồn tĩnh mạch an toàn trẻ em)	Hộp/50 cái	EN ISO 13485:2012 CE - Châu Âu,	B.Braun	Malaysia	Cái	171.000	19.950	3.411.450.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
13	N03.02.070	Kim lườn tĩnh mạch các cỡ	Hộp/50 cái	ISO 13485:2016, DIN EN ISO 13485-2016 ; ISO 14001, EC	Delta Med S.p.A	Italia	Cái	47.350	12.495	591.638.250
14	N06.03.010	Thủy tinh thể nhân tạo loại mềm	Hộp 1 chiếc	Chứng chỉ EC số 93/42/EEC ISO 9001:2008	Softec I Lenstec - Barados	Mỹ	Chiếc	260	2.749.992	714.997.920
15	N07.03.040	Chất nhầy 2ml	Hộp	EC; EN ISO 13485:2012	Aurolab	Ấn Độ	Hộp	1.210	119.994	145.192.740
16	N06.03.010	Thủy tinh thể nhân tạo (loại mềm)	TTT đặt sẵn trong cartridge trong hộp vô trùng	EN ISO 13485 : 2012 ISO 9001 : 2008 CE / CFS	Medicontur	Hungary	cái	230	2.649.990	609.497.700
17	N06.03.010	Thủy tinh thể nhân tạo loại mềm	Hộp 1 chiếc đựng trong Lọ vô trùng	DIN EN ISO 9001 : 2008 DIN EN ISO 13485 : 2012 CE / CFS	Softec I Lenstec - Barados	Mỹ	cái	50	2.749.992	137.499.600
18	N06.03.010	Thủy tinh thể nhân tạo mềm	Hộp vô trùng	DIN EN ISO 9001 : 2008 DIN EN ISO 13485 : 2012 CE / CFS	Aurolab	Ấn Độ	cái	1.550	2.199.960	3.409.938.000
19	N07.03.040	Dịch nhầy	Hộp vô trùng	DIN EN ISO 9001 : 2008 DIN EN ISO 13485 : 2012 CE / CFS	Aurolab	Ấn Độ	hộp	1.090	119.994	130.793.460
Tổng cộng:		19 mặt hàng								18.363.432.654

PHẠM VI CUNG ỨNG HÓA VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

(Kèm theo Quyết định số 962/QĐ-SYT ngày 01 tháng 1 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty TNHH Đông Bắc

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
1	1.G5.2019	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp Marlin Violet số 1	Hộp 24 sợi	Chất liệu Polyglycolic acid tổng hợp, được bao bọc bởi lớp Calcium stearate, axit béo saccharose và polycaprolactone. KT dài 90cm, Kim tròn dài 40mm, kim cong 1/2; Sức căng còn 50% sau 14-16 ngày, tiêu hoàn toàn trong 90 ngày.;	Tiêu chuẩn ISO 13485:2012, CE.Sản xuất tại các nước G7	5874NK /BYT-TB-CT	GmbH	Đức	Sợi	3.756	99.393	373.320.108										720						1.500	600	360	576				
2	2.G5.2019	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp Marlin Violet số 2	Hộp 24 sợi	Chất liệu Polyglycolic acid tổng hợp, được bao bọc bởi lớp Calcium stearate, axit béo saccharose và polycaprolactone. KT dài 90cm, Kim tròn dài 40mm, kim cong 1/2; Sức căng còn 50% sau 14-16 ngày, tiêu hoàn toàn trong 90 ngày.;	Tiêu chuẩn ISO 13485:2012, CE.Sản xuất tại các nước G7	5874NK /BYT-TB-CT	GmbH	Đức	Sợi	1.600	106.995	171.192.000																1.000	240	360					

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chai	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
3	3.G5.20.19	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp Marlin Violet số 2/0	Hộp 24 sợi	Chất liệu Polyglycolic acid tổng hợp, được bao bọc bởi lớp Calcium stearate, axit béo saccharose và polycaprolactone. KT dài 70cm, Kim tròn dài 26mm, kim cong 1/2; Sức căng còn 50% sau 14-16 ngày, tiêu hoàn toàn trong 90 ngày.	Tiêu chuẩn ISO 13485:2012, CE.Sản xuất tại các nước G7	5874NK /BYT-TB-CT	GmbH	Đức	Sợi	580	92.484	53.640.720										400									180			
4	4.G5.20.19	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp Marlin Violet số 3/0	Hộp 24 sợi	Chất liệu Polyglycolic acid tổng hợp, được bao bọc bởi lớp Calcium stearate, axit béo saccharose và polycaprolactone. KT dài 70cm, Kim tròn dài 26mm, kim cong 1/2; Sức căng còn 50% sau 14-16 ngày, tiêu hoàn toàn trong 90 ngày.	Tiêu chuẩn ISO 13485:2012, CE.Sản xuất tại các nước G7	5874NK /BYT-TB-CT	GmbH	Đức	Sợi	2.224	92.484	205.684.416										480					1.000	240	360	144				

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y được cử truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
7	7.G5.20 19	N03.05 .010	Dây truyền dịch cường lực ICU thoát khí EO	400 Bộ/hộp	Dây truyền dịch có dây dẫn dài tối thiểu 1630 mm, đường kính ngoài của dây 4.2 mm, đường kính trong 3.6 mm, dây dẫn làm bằng chất liệu nhựa cường lực có độ đàn hồi tốt, có cổng Y tiêm an toàn, có khóa an toàn, không gây độc hại kích ứng,Van thoát khí có m	Tiêu chuẩn iso 9001 ;2015, iso 13485;2016 TCVN ISO 13485:2017	No 20/2018 /BYT - TB -CT	OMIGA	Việt Nam	Bộ	10.000	22.995	229.950.000															10.000							
8	8.G5.20 19	N03.05 .010	Dây truyền kèm kim hai cánh bướm HAMICO	100 Cái /hộp	Dây truyền dịch bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2x2 cm, bình thủy có 2 tai định hướng. Dây dài 1800 mm, đường kính ngoài của dây 4.2 mm, đường kính trong 3.6 mm, kim hai cánh bướm 23G x ½ or 25G x 1/2.	ISO 9001: 2015, ISO 13485:2016 TCVN65 91-4 :	No 20/2018 /BYT - TB -CT	OMIGA	Việt Nam	Bộ	157.000	6.720	1.055.040.000	80.000								20.000	10.000		12.000	20.000	15.000								

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trung thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chai	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số
9	9.G5.2019	N03.02.020	Kim cánh bướm các số Venofix A	Hộp 50 cái	Đầu kim 3 mặt vát làm bằng hợp kim Crôm-Nikel có tráng lớp silicon (Tạo độ bền và giảm đau tối ưu) - Có đầu khóa Luer - Dây nối 30cm, Không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn - G25 Chiều dài kim 15 mm, đường kính kim 0.5 mm, tốc độ dòng chảy 4.0 ml/ phút - G23 Chiều dài kim 20 mm, đường kính kim 0.65 mm, tốc độ dòng chảy 11 ml/ phút	EN ISO 13485:2012 CE - Châu Âu	35/1700 00047 / PCBPL - BYT	B.Braun	Malaysia	Cái	770.500	6.783	5.226.301.500	170.000			4.000	4.000					60.000	100.000	103.500	104.000	52.000	60.000	8.000	47.000	54.000	4.000		

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đông Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quán Bả	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
11	11.G5.2019	N03.02.070	Vasofix Safety (Kim luồn TM an toàn các số Có đầu bảo vệ bằng kim loại. Có cánh có cửa bơm thuốc)	Hộp 50 cái	- Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau - Đầu kim 3 mặt vát. Tạo độ bền tối đa - Cathether nhựa Có 4 đường cân quang ngấm. vật liệu FEP-Teflon. - Độ dài Trim Length < 1mm theo ISO 10555, đảm bảo lực tác động và giảm đau cho người bệnh - Có cánh, có cửa bơm thuốc. - G 22 tốc độ chảy 36ml/phút, Tốc độ chảy 2160 ml/giờ. Đường kính và độ dài catheter: 0.9mm x 25mm - G20 tốc độ chảy 61ml/phút, Tốc độ chảy 3660 ml/giờ. Đường kính và độ dài catheter: 1.1mm x 33mm - G18 tốc độ chảy 36ml/phút, Tốc độ chảy 2160 ml/giờ. Đường kính và độ dài catheter: 0.9mm x 25mm	EN ISO 13485:2012 CE - Châu Âu,	33/170000047 / PCBPL - BYT	B.Braun	Malaysia	Cái	74.350	19.950	1.483.282.500		350			4.500						7.500	27.000	4.500	5.500	4.300	5.000	2.500	5.200	7.500	500			

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y được công nhận	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số
12	12.G5.2019	N03.02.070	Introcan Safety (Kim luồn tĩnh mạch an toàn trẻ em)	Hộp/50 cái	- Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau - Có vách ngăn chống máu trào ngược, sử dụng nhiều lần - Đầu kim vát 3 mặt (Tạo độ bén tối ưu) - Cathether nhựa Có 4 đường cân quang ngấm, vật liệu PUR - Độ dài Trim Length < 1mm theo ISO 10555, đảm bảo lực tác động và giảm đau cho người bệnh - Kim luồn có cánh, không cùn, tốc độ chảy 22ml/phút, 1320 ml/giờ - Đường kính và độ dài catheter	EN ISO 13485:2012 CE - Châu Âu,	32/1700 00047 / PCBPL - BYT	B.Braun	Malaysia	Cái	171.000	19.950	3.411.450.000	36.000									12.200	52.000	6.000	17.000	7.500	10.000	5.000	10.000	5.300		10.000	

[illegible]

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt tỉnh	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quân Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
17	17.G5.2.019	N06.03.010	Thủy tinh thể nhân tạo loại mềm	Hộp 1 chiếc đựng trong Lọ vô trùng	loại mềm	DIN EN ISO 9001 : 2008 DIN EN ISO 13485 : 2012 CE / CFS	71/170000031/PCBPPL - BYT	Softec I Lenstec - Barados	Mỹ	cái	50	2.749.992	137.499.600		50																				
18	18.G5.2.019	N06.03.010	Thủy tinh thể nhân tạo mềm	Hộp vô trùng	loại mềm	DIN EN ISO 9001 : 2008 DIN EN ISO 13485 : 2012 CE / CFS	10422N K/ BYT -TB -CT	Aurolab	Ấn Độ	cái	1.550	2.199.960	3.409.938.000	300	400										160		140				180	220		150	
19	19.G5.2.019	N07.03.040	Dịch nhầy	Hộp vô trùng		DIN EN ISO 9001 : 2008 DIN EN ISO 13485 : 2012 CE / CFS	10422N K/ BYT -TB -CT	Aurolab	Ấn Độ	hộp	1.090	119.994	130.793.460	400	550												140								
Tổng cộng:		19 mặt hàng											18.363.432.654																						

DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 962 /QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tổng công ty cổ phần y tế Danameco

GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
1	N02.03.020	Bông gạc băng mắt 5 x 7cm (Gạc KD), VT (1 cái/gói - 5 cái/gói) (Danameco, VN)	5 cái/gói	Đạt TCVN ISO 13485:2016/9001:2015	Danameco	Việt Nam	Cái	10.850	630	6.835.500
2	N02.03.020	Bông gạc đắp vết thương 6 x 10cm (Gạc KD), VT (1 cái/gói) (Danameco, VN)	1 cái/gói	TCVN ISO 13485: 2016; 9001: 2015	Danameco	Việt Nam	Cái	8.230	840	6.913.200
3	N02.03.020	Bông gạc đắp vết thương 6 x 15cm (Gạc KD), VT (1 cái/gói) (Danameco, VN)	1 cái/gói	TCVN ISO 13485: 2016; 9001: 2015	Danameco	Việt Nam	Cái	5.250	1.050	5.512.500
4	N02.03.020	Bông gạc đắp vết thương 6 x 20cm (Gạc KD), VT (1 cái/gói) (Danameco, VN)	1 cái/gói	TCVN ISO 13485: 2016; 9001: 2015	Danameco	Việt Nam	Cái	3.350	1.260	4.221.000
5	N02.03.020	Bông gạc đắp vết thương 6 x 22cm (Gạc KD), VT (1 cái/gói) (Danameco, VN)	1 cái/gói	TCVN ISO 13485: 2016; 9001: 2015	Danameco	Việt Nam	Cái	56.050	1.323	74.154.150
6	N02.03.020	Bông gạc đắp vết thương 8 x 15cm (Gạc KD), VT (1 cái/gói) (Danameco, VN)	1 cái/gói	TCVN ISO 13485: 2016; 9001: 2015	Danameco	Việt Nam	Cái	117.550	1.323	155.518.650
7	N02.03.020	Gạc Phẫu thuật Ổ Bụng 30 x 40cm x 6 lớp, CQVT (5 cái/gói) (Danameco, VN)	05 miếng/gói	TCVN ISO 13485:2016/9001:2015	Danameco	Việt Nam	Miếng	83.500	4.620	385.770.000
8	N02.03.020	Gạc Phẫu thuật 10 x 10cm x 8 lớp, CQVT (10 cái/gói) (Danameco, VN)	10 cái/gói	Đạt TCVN ISO 13485:2016/9001:2015.	Danameco	Việt Nam	Cái	656.500	567	372.235.500

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
9	N02.03.020	Gạc Phẫu thuật 10 x 10cm x 12 lớp, CQVT (10 cái/gói) (Danameco, VN)	5 cái/gói	Đạt TCVN ISO 13485:2016/9001:2015.	Danameco	Việt Nam	Cái	41.000	735	30.135.000
10	N02.03.030	Meche Phẫu thuật 3.5 x 75cm x 6 lớp, CQVT (3 cái/gói) (Danameco, VN)	03 miếng/gói	TCVN ISO 13485:2016/9001:2015	Danameco	Việt Nam	Miếng	32.300	1.523	49.192.900
11	N02.03.020	Gạc câu Fi 30mm x 1 lớp, VT (10 cái/gói) (Danameco, VN)	10 cái/gói	TCVN ISO 13485:2016/9001:2016	Danameco	Việt Nam	Cái	717.800	221	158.633.800
12	N02.03.020	Gạc câu Fi 50mm x 1 lớp, VT (5 cái/gói) (Danameco, VN)	5 cái/gói	TCVN ISO 13485:2016/9001:2016	Danameco	Việt Nam	Cái	143.800	651	93.613.800
13	N02.03.020	Gạc câu sản khoa Fi 45mm, VT (1 cái/gói) (Danameco, VN)	1 cái/gói	TCVN ISO 13485:2016/9001:2016	Danameco	Việt Nam	Cái	7.000	1.733	12.131.000
14	N02.03.020	Gạc dẫn lưu 1.5 x 100cm x 4 lớp, VT (1 cái/gói) (Danameco, VN)	5 cái/gói	TCVN ISO 13485:2016/9001:2016	Danameco	Việt Nam	Cái	7.000	1.050	7.350.000
15	N02.03.020	Gạc Phẫu thuật Không dệt 7.5 x 7.5cm x 6 lớp, VT (10 cái/gói) (Danameco, VN)	10 cái/gói	Đạt TCVN ISO 13485:2016/9001:2015	Danameco	Việt Nam	Cái	76.555	347	26.526.308
16	N02.03.020	Gạc củ ấu Sản khoa, VT (10 cái/gói) (Danameco, VN)	10 cái/gói	Đạt TCVN ISO 13485:2016/9001:2015	Danameco	Việt Nam	Cái	45.200	420	18.984.000
17	N02.03.020	Bông gạc đắp vết thương 6 x 10cm (Gạc HN), VT (1 cái/gói) (Danameco, VN)	1 cái/gói	Đạt TCVN ISO 13485:2016/9001:2015	Danameco	Việt Nam	Cái	8.600	840	7.224.000
18	N02.03.020	Gạc Phẫu thuật Ô Bụng 30 x 40cm x 6 lớp, VT (5 cái/gói) (Danameco, VN)	5 cái/gói	Đạt TCVN ISO 13485:2016/9001:2015	Danameco	Việt Nam	Cái	32.000	4.620	147.840.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
19	N02.03.020	Gạc phẫu thuật 10 x 10cm x 12 lớp, VT (10 cái/gói)(Danameco, VN)	10 cái/gói	Đạt TCVN ISO 13485:2016/9001:2015	Danameco	Việt Nam	Cái	327.400	693	226.888.200
20	N02.03.020	Gạc cấu fi 30mm x 1 lớp, VT (10 cái/gói) (Danameco, VN)	10 cái/gói	TCVN ISO 13485:2016/9001:2016	Danameco	Việt Nam	Cái	151.000	252	38.052.000
21		Mũ phẫu thuật M4, dùng cho y tá, KVT (100 cái/hộp) (Danameco, VN)	50 cái/ hộp	TCVN ISO 13485:2016/9001:2015.	Danameco	Việt Nam	Cái	45.000	630	28.350.000
22	N03.06.050	Găng tay phẫu thuật có bột Chưa tiệt trùng số 6,5 - 7,0 - 7,5 - 8,0	50 đôi/hộp	Đạt tiêu chuẩn ISO, EC, FDA	Top Glove	Malaysia	Đôi	10.000	3.150	31.500.000
23	N07.02.080	Quả lọc Low 1.4m2	01 quả/túi	CE, ISO13485	Hemo clean	Trung Quốc	Quả	1.086	315.000	342.090.000
24	N03.02.070	Kim luồn tĩnh mạch không cánh, không cửa số 18,20,22,24	50 cái / hộp	ISO, EC	Smith Medical	Ấn Độ	cái	44.000	10.500	462.000.000
25	N02.04.050	Sáp cầm máu xương 2.5g (Haemowax)	12 miếng/ túi	ISO, EC	UNISUR	Ấn Độ	Miếng	224	29.400	6.585.600
Tổng cộng:		25 mặt hàng								2.698.257.108

PHẠM VI CUNG ỨNG HÓA VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

(Kèm theo Quyết định số 962 /QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Tổng công ty cổ phần y tế Danameco

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đông Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số			
1	01.G5.2.019	N02.03.020	Bông gạc băng mắt 5 x 7cm (Gạc KD), VT (1 cái/gói - 5 cái/gói) (Danameco, VN)	5 cái/gói	Kích thước 5x7cm	Đạt TCVN ISO 13485:2016/9001:2015	1700000 02/PCB A-Đna	Danameco	Việt Nam	Cái	10.850	630	6.835.500											400				450			6.000	4.000					
2	02.G5.2.019	N02.03.020	Bông gạc đắp vết thương 6 x 10cm (Gạc KD), VT (1 cái/gói) (Danameco, VN)	1 cái/gói	Kích thước 6x10cm	TCVN ISO 13485:2016; 9001:2015	1700000 02/PCB A-Đna	Danameco	Việt Nam	Cái	8.230	840	6.913.200						500	800					2.000			730			800	1.400	2.000				
3	03.G5.2.019	N02.03.020	Bông gạc đắp vết thương 6 x 15cm (Gạc KD), VT (1 cái/gói) (Danameco, VN)	1 cái/gói	Kích thước 6x15cm	TCVN ISO 13485:2016; 9001:2015	1700000 02/PCB A-Đna	Danameco	Việt Nam	Cái	5.250	1.050	5.512.500												2.000			550				800	1.900				
4	04.G5.2.019	N02.03.020	Bông gạc đắp vết thương 6 x 20cm (Gạc KD), VT (1 cái/gói) (Danameco, VN)	1 cái/gói	Kích thước 6x20cm	TCVN ISO 13485:2016; 9001:2015	1700000 02/PCB A-Đna	Danameco	Việt Nam	Cái	3.350	1.260	4.221.000												2.000			550			800						

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
5	05.G5.2.019	N02.03.020	Bông gạc đắp vết thương 6 x 22cm (Gạc KD), VT (1 cái/gói) (Danameco, VN)	1 cái/gói	Kích thước 6x22cm	TCVN ISO 13485: 2016; 9001: 2015	17000002/PCB A-Đna	Danameco	Việt Nam	Cái	56.050	1.323	74.154.150	26.000										2.000			4.050				20.000			4.000		
6	06.G5.2.019	N02.03.020	Bông gạc đắp vết thương 8 x 15cm (Gạc KD), VT (1 cái/gói) (Danameco, VN)	1 cái/gói	Kích thước 8x15cm	TCVN ISO 13485: 2016; 9001: 2015	17000002/PCB A-Đna	Danameco	Việt Nam	Cái	117.550	1.323	155.518.650	90.000					350	1.000				20.000								2.200	4.000			
7	07.G5.2.019	N02.03.020	Gạc Phẫu thuật Ổ Bụng 30 x 40cm x 6 lớp, CQVT (5 cái/gói) (Danameco, VN)	05 miếng/gói	Sản phẩm được tiệt trùng bằng EO-GAS, 100% cotton tẩy trắng hoặc nhuộm màu, đã được giặt sạch. Có sợi cân quang để kiểm tra sót gạc trong ổ bụng sau phẫu thuật.	TCVN ISO 13485:2016/9001: 2015	17000006/PCB A-Đna	Danameco	Việt Nam	Miếng	83.500	4.620	385.770.000	35.000										12.000			5.500				9.000	12.000		4.000	6.000	
8	08.G5.2.019	N02.03.020	Gạc Phẫu thuật 10 x 10cm x 8 lớp, CQVT (10 cái/gói) (Danameco, VN)	10 cái/gói	Sản phẩm được tiệt trùng bằng EO-GAS, 100% cotton tẩy trắng hoặc nhuộm màu, đã được giặt sạch. Có sợi cân quang để kiểm tra sót gạc trong ổ bụng sau phẫu thuật.	Đạt TCVN ISO 13485:2016/9001: 2015.	17000006/PCB A-Đna	Danameco	Việt Nam	Cái	656.500	567	372.235.500	580.000		500	4.000			1.000					17.000				40.000	2.000			4.000	8.000		

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
9	09.G5.2019	N02.03.020	Gạc Phẫu thuật 10 x 10cm x 12 lớp, CQVT (10 cái/gói) (Danameco, VN)	5 cái/gói	Sản phẩm được tiệt trùng bằng EO-GAS, 100% cotton tẩy trắng hoặc nhuộm màu, đã được giặt sạch. Có sợi cân quang để kiểm tra sót gạc trong ổ bụng sau phẫu thuật.	Đạt TCVN ISO 13485:2016/9001:2015.	170000006/PCB A-Đna	Danameco	Việt Nam	Cái	41.000	735	30.135.000																	10.000	25.000			6.000		
10	010.G5.2019	N02.03.030	Meche Phẫu thuật 3.5 x 75cm x 6 lớp, CQVT (3 cái/gói) (Danameco, VN)	03 miếng/gói	Kích thước 3,5x7,5cm	TCVN ISO 13485:2016/9001:2015	170000006/PCB A-Đna	Danameco	Việt Nam	Miếng	32.300	1.523	49.192.900	3.000						600				10.000			2.200			13.000		3.500				
11	011.G5.2019	N02.03.020	Gạc câu Fi 30mm x 1 lớp, VT (10 cái/gói) (Danameco, VN)	10 cái/gói	Kích thước Ø30x1lớp	TCVN ISO 13485:2016/9001:2016	170000002/PCB A-Đna	Danameco	Việt Nam	Cái	717.800	221	158.633.800	700.000			2.000			1.000									10.000	800			4.000			
12	012.G5.2019	N02.03.020	Gạc câu Fi 50mm x 1 lớp, VT (5 cái/gói) (Danameco, VN)	5 cái/gói	Kích thước Ø50x1lớp	TCVN ISO 13485:2016/9001:2016	170000002/PCB A-Đna	Danameco	Việt Nam	Cái	143.800	651	93.613.800	85.000													9.000			45.000	800			4.000		
13	013.G5.2019	N02.03.020	Gạc câu sản khoa Fi 45mm, VT (1 cái/gói) (Danameco, VN)	1 cái/gói	Kích thước Ø45	TCVN ISO 13485:2016/9001:2016	170000006/PCB A-Đna	Danameco	Việt Nam	Cái	7.000	1.733	12.131.000	3.000																			4.000			

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quân Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
14	014.G5.2019	N02.03.020	Gạc dẫn lưu 1.5 x 100cm x 4 lớp, VT (1 cái/gói) (Danameco, VN)	5 cái/gói	Kích thước 1,5x100cmx4 lớp	TCVN ISO 13485:2016/9001:2016	170000002/PCB A-Đna	Danameco	Việt Nam	Cái	7.000	1.050	7.350.000	2.000																					
15	015.G5.2019	N02.03.020	Gạc Phẫu thuật Không dệt 7,5 x 7,5cm x 6 lớp, VT (10 cái/gói) (Danameco, VN)	10 cái/gói	Kích thước 7,5 x 75 cm x 6 lớp	Đạt TCVN ISO 13485:2016/9001:2015	170000006/PCB A-Đna	Danameco	Việt Nam	Cái	76.555	347	26.526.308	28.000											5.555										
16	016.G5.2019	N02.03.020	Gạc củ ấu Sần khoa, VT (10 cái/gói) (Danameco, VN)	10cái/gói		Đạt TCVN ISO 13485:2016/9001:2015	170000006/PCB A-Đna	Danameco	Việt Nam	Cái	45.200	420	18.984.000											30.000											
17	017.G5.2019	N02.03.020	Bông gạc đắp vết thương 6 x 10cm (Gạc HN), VT (1 cái/gói) (Danameco, VN)	1 cái/gói	Gạc được làm từ sợi 100% cotton, mật độ 20-24 sợi/inch, tri số sợi CD 40/1 và 100% bông tự nhiên. Trọng lượng 28-30 grams/m2. Được tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố. - Tiết trùng bằng khí EO.Gas.	Đạt TCVN ISO 13485:2016/9001:2015	170000002/PCB A-Đna	Danameco	Việt Nam	Cái	8.600	840	7.224.000							600				4.000											
18	018.G5.2019	N02.03.020	Gạc Phẫu thuật Ó Bụng 30 x 40cm x 6 lớp, VT (5 cái/gói) (Danameco, VN)	5 cái/gói	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton, mật độ 18-20 sợi/inch, tri số sợi CD 32/1. Được tẩy trắng bằng oxi già, không có độc tố, độ thấm hút =<5 giây. Tiết trùng bằng khí EO.Gas	Đạt TCVN ISO 13485:2016/9001:2015	170000006/PCB A-Đna	Danameco	Việt Nam	Cái	32.000	4.620	147.840.000																						

Page 4

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y được cử truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quân Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
19	019.G5.2019	N02.03.020	Gạc phẫu thuật 10 x 10cm x 12 lớp, VT (10 cái/gói)(Danameco, VN)	10 cái/gói	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton, mật độ 18-20 sợi/inch, tri số sợi CD 40/1. Được tẩy trắng bằng oxi già, không có độc tố, độ thấm hút =<5 giây. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.	Đạt TCVN ISO 13485:2016/9001:2015	170000006/PCB A-Đna	Danameco	Việt Nam	Cái	327.400	693	226.888.200			400						4.000								190.000		127.000	2.000	4.000	
20	020.G5.2019	N02.03.020	Gạc cấu fi 30mm x 1 lớp, VT (10 cái/gói) (Danameco, VN)	10 cái/gói	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton, mật độ 18-20 sợi/inch, tri số sợi CD 40/1. Được tẩy trắng bằng oxi già, không có độc tố, độ thấm hút =<5 giây. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.	TCVN ISO 13485:2016/9001:2016	170000002/PCB A-Đna	Danameco	Việt Nam	Cái	151.000	252	38.052.000																3.000		148.000				
21	21.G5.2019		Mũ phẫu thuật M4, dùng cho y tá, KVT (100 cái/hộp) (Danameco, VN)	50 cái/hộp	Mũ giấy chưa tiệt trùng	TCVN ISO 13485:2016/9001:2015.	170000002/PCB A-Đna	Danameco	Việt Nam	Cái	45.000	630	28.350.000	45.000																					

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa Khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số			
24	24.G5.2.019	N03.02.070	Kim lượn tĩnh mạch không cánh, không cửa số 18,20,22,24	50 cái /hộp	Kim lượn tĩnh mạch không cánh không cổng các số 18-24G (24GA 0.75IN 0.7x 19mm, 25ml/min) - Chất liệu Vialon thành mỏng đàn hồi (thể hiện rõ trên sản phẩm),có 6 đường cân quang ngầm . Thời gian lưu kim 72-96h, làm giảm các biến chứng.Chất liệu vialon giảm biến chứng viêm tĩnh mạch 30% so với chất liệu teflon, giảm biến chứng thoát dịch 18% so với chất liệu teflon. - Đầu kim 3 mặt vát, sắc bén, dễ xuyên qua da và thành mạch.	ISO, EC	AP1809-03 /170000109/PCBPL-BYT	Smith Medical	Ấn Độ	cái	44.000	10.500	462.000.000	40.000																							
25	25.G5.2.019	N02.04.050	Sáp cầm máu xương 2.5g (Haemowax)	12 miếng/ túi		ISO, EC	170000099/PCBPL-BYT	UNISUR	Ấn Độ	Miếng	224	29.400	6.585.600	200											24												
Tổng cộng:		25 mặt hàng											2.698.257.108																								

DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 962 /QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty TNHH thương mại Bách Quang

GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
1	N06.03.010	Thủy tinh thể nhân tạo Sensar 1 - piece AAB00	Hộp/ 1 chiếc	ISO 13485:2016, CE, FDA	Johnson & Johnson/ Abbott	Mỹ	Chiếc	90	3.000.000	270.000.000
Tổng cộng:		1 mặt hàng								270.000.000

PHẠM VI CUNG ỨNG HÓA VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

(Kèm theo Quyết định số 962/QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty TNHH thương mại Bách Quang

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y được cử truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đông Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xín Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
1	1.G5.2019	N06.03.010	Thủy tinh thể nhân tạo Sensor 1 - piece AAB00	Hộp/ 1 chiếc	Thủy tinh thể mềm 1 mảnh, chất liệu Acrylic Hydrophobic sắc sai thấp, số Abbe ≥ 55; thiết kế 3 điểm cố định túi bao; bờ sau vuông liên tục 360 độ, được xử lý mờ chống chói; chỉ số khúc xạ 1,47; hằng số A: 118,4; cảng chữ C, đường kính phần quang học 6mm; chiều dài tổng 13mm; dải công suất từ +6D đến +30D, dùng kèm Injector kiểu xoay và Cartridge.	ISO 13485:2016, CE, FDA	GPNK 10707N K/BYT-TB-CT; 7923NK /BYT-TB-CT	Johnson & Johnson/ Abbott	Mỹ	Chiếc	90	3.000.000	270.000.000		50									40											
Tổng cộng:			1 mặt hàng										270.000.000																						

DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: **962** /QĐ-SYT ngày **01** tháng **11** năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty CP thương mại và dược phẩm Hoàng Lan

GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
1	N03.01.070	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1 ml/cc kim các cỡ, VIKIMCO	100 cái/ hộp	cGMPs of FDA, 2015	Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Cái	43.600	574	25.026.400
2	N03.01.060	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1 ml/cc 100 UI Insulin kim các cỡ, VIKIMCO	100pcs/hộp	cGMPs of FDA, 2015	Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Cái	661.550	1.649	1.090.895.950
3	N03.02.060	Kim tiêm vô trùng sử dụng một lần, kim 20 G, VIKIMCO	100 cái/túi	cGMPs of FDA, 2015	Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Cái	234.400	309	72.429.600
4	N03.02.080	Kim tiêm vô trùng sử dụng một lần, kim các cỡ, VIKIMCO	Hộp 100 cái	cGMPs of FDA, 2015	Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Cái	2.754.000	309	850.986.000
Tổng cộng:		4 mặt hàng								2.039.337.950

PHẠM VI CUNG ỨNG HÓA VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

(Kèm theo Quyết định số 962/QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty CP thương mại và dược phẩm Hoàng Lan

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bao vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số
1	001.G5.2019	N03.01.070	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1 ml/cc kim các cỡ, VIKIMCO	100 cái/hộp	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml, cỡ kim 26Gx1/2"; gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, không chứa độc tố DEHP.	cGMPs of FDA, 2015	35/2017 /BYT-TB-CT	Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Cái	43.600	574	25.026.400	14.000	1.800	200	250						200	7.000	4.000	1.000	1.150	3.000	7.100	1.200	900	1.000	800	
2	02.G5.2019	N03.01.060	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1 ml/cc 100 UI Insulin kim các cỡ, VIKIMCO	100pcs/hộp	100IU/1ml. Cỡ kim 29G 1/2" Kim 13mm thành kim siêu mỏng 0.087mm (1/2"). Cỡ 30G 1/2" Kim 13mm (1/2") thành kim siêu mỏng 0.0825mm. Cỡ 30G 5/16" Kim ngắn 8mm (5/16") thành kim siêu mỏng 0.087mm có thể tiêm thẳng góc 90 độ. Đầu kim 3 mặt vát, phủ silicone, tiêm không đau, mau lành, không khoảng chết (≤0.0035ml) và dịch tồn dư, ống tiêm trong suốt, mực black pigment sắc nét, đạt tiêu chuẩn ISO, EC	cGMPs of FDA, 2015	35/2017 /BYT-TB-CT	Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Cái	661.550	1.649	1.090.895.950	580.000		200							10.000				350	10.000	9.000	40.000		2.000	10.000	
3	3.G5.2019	N03.02.060	Kim tiêm vô trùng sử dụng một lần, kim 20 G, VIKIMCO	100 cái/túi		cGMPs of FDA, 2015	35/2017 /BYT-TB-CT	Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Cái	234.400	309	72.429.600	10.000	4.000												5.000		55.000				160.400	
4	4.G5.2019	N03.02.080	Kim tiêm vô trùng sử dụng một lần, kim các cỡ, VIKIMCO	Hộp 100 cái	Kim các cỡ, V1 dụng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Không chứa độc tố DEHP.	cGMPs of FDA, 2015	35/2017 /BYT-TB-CT	Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Cái	2.754.000	309	850.986.000	960.000	6.000	107.000	30.000	45.000						301.500	42.000	55.000	200.000	370.000	230.000	403.500	4.000			
Tổng cộng:			4 mặt hàng										2.039.337.950																					

DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 962 /QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Liên danh Hoàng Giang - Tân Thành

GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
1	N05.02.040	DemeSORB™ Chi phẫu thuật axit Polyglycolic (chi PGA) số 2/0, 3/0, 4/0	Hộp 12 sợi	EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, FDA	DemeTECH	USA	Sợi	1.450	56.007	81.210.150
2	N05.02.040	DemeSORB™ Chi phẫu thuật axit Polyglycolic (chi PGA) số 3/0	Hộp 12 sợi	EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, FDA	DemeTECH	USA	Sợi	3.300	56.007	184.823.100
3	N05.02.040	DemeSORB™ Chi phẫu thuật axit Polyglycolic (chi PGA) số 2/0	Hộp 12 sợi	EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, FDA	DemeTECH	USA	Sợi	2.300	56.007	128.816.100
4	N05.02.040	DemeSORB™ Chi phẫu thuật axit Polyglycolic (chi PGA) số 1	Hộp 12 sợi	EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, FDA	DemeTECH	USA	Sợi	4.450	77.994	347.073.300
5	N05.02.040	DemeGUT™ Chi phẫu thuật Chromic Catgut số 1, 2/0, 3/0, 4/0	Hộp 12 sợi	EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, FDA	DemeTECH	USA	Sợi	11.876	38.997	463.128.372
6	N05.02.040	DemeLON™ Chi phẫu thuật Nylon đơn sợi số 6/0	Hộp 12 sợi	EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, FDA	DemeTECH	USA	Sợi	600	38.010	22.806.000
7	N05.02.040	DemeLON™ Chi phẫu thuật Nylon đơn sợi số 2/0, 3/0, 4/0	Hộp 12 sợi	EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, FDA	DemeTECH	USA	Sợi	5.030	35.994	181.049.820

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
8	N03.05.010	Dây truyền dịch 2 cánh bướm	01 bộ/bao	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FSC, GMP	Changzhou Jinlong Medical Plastic Appliance Co., ltd	China	Bộ	44.040	5.796	255.255.840
9	N03.05.030	Dây truyền máu	1 bộ/ túi; 50 Bộ/ Hộp, 300 bộ/ thùng	ISO 9001:2015, ISO 13485:2016/EN ISO 13485:2016, CE, cGMP of FDA.	Changzhou Jinlong Medical Plastic Appliance Co., ltd	China	Bộ	26.646	9.996	266.353.416
10	N03.07.030	Túi đựng máu ba 250ml,350ml	1 túi máu/ túi	EN ISO 13485:2016, EC,TUV; CF	Demophorius	Cyprus	Túi	1.200	124.992	149.990.400

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
11	N03.07.030	Túi đựng máu đơn 250ml	1 túi máu/ túi	EN ISO 13485:2016, EC, TUV;CF	Demophorius	Cyprus	Túi	4.590	63.987	293.700.330
12	N03.05.060	Khóa ba ngã có dây nối 10cm	1 cái/bao	ISO 13485: 2016/NS- EN ISO 13485:2016 , ISO 13485: 2003/ISO 9001: 2008, EC	La-med Healthcare	India	Cái	10.120	8.589	86.920.680
13		Lamen	100 miếng/hộp	ISO 9001:2008	Jiangsu Huida	China	Miếng	12.200	252	3.074.400
14		Lamen các cỡ	100 miếng/hộp	TCCE	Jiangsu Huida	China	Miếng	3.000	252	756.000
Tổng cộng:		14 mặt hàng								2.464.957.908

(Kèm theo Quyết định số 962/QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
1	1.G5.2019	N05.02.040	DemeSOR B TM Chi phẫu thuật axit Polyglycolic (chỉ PGA) số 2/0, 3/0, 4/0	Hộp 12 sợi	Chi phẫu thuật sợi Polyglycolic Acid tự tiêu tổng hợp, tiết trùng, đa sợi bên số 2/0,3/0,4/0, chiều dài sợi chỉ 75cm, sợi chỉ màu tím, chiều dài kim 22 mm, vòng kim 1/2,kim thân tròn. Tiêu chuẩn: EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, FDA	EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, FDA	12091N K/BYT-TB-CT	DemeTEC H	USA	Sợi	1.450	56.007	81.210.150	300													150	1.000								
2	2.G5.2019	N05.02.040	DemeSOR B TM Chi phẫu thuật axit Polyglycolic (chỉ PGA) số 3/0	Hộp 12 sợi	Chi phẫu thuật sợi Polyglycolic Acid tự tiêu tổng hợp, tiết trùng, đa sợi bên số 3/0, chiều dài sợi chỉ 75cm, sợi chỉ màu tím, chiều dài kim 26 mm, vòng kim 1/2,kim thân tròn. Tiêu chuẩn: EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, FDA	EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, FDA	12091N K/BYT-TB-CT	DemeTEC H	USA	Sợi	3.300	56.007	184.823.100	300												3.000										
3	3.G5.2019	N05.02.040	DemeSOR B TM Chi phẫu thuật axit Polyglycolic (chỉ PGA) số 2/0	Hộp 12 sợi	Chi phẫu thuật sợi Polyglycolic Acid tự tiêu tổng hợp, tiết trùng, đa sợi bên số 2/0, chiều dài sợi chỉ 75cm, sợi chỉ màu tím, chiều dài kim 26 mm, vòng kim 1/2, kim thân tròn. Tiêu chuẩn: EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, FDA	EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, FDA	12091N K/BYT-TB-CT	DemeTEC H	USA	Sợi	2.300	56.007	128.816.100	300														2.000								

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
4	4.G5.2019	N05.02.040	DemeSOR B™ Chỉ phẫu thuật axit Polyglycolic (chỉ PGA) số 1	Hộp 12 sợi	Chỉ phẫu thuật sợi tự tiêu tổng hợp, tiết trùng, đa sợi bên số 1, chiều dài sợi chỉ 90cm, sợi chỉ màu tím, chiều dài kim 40 mm, vòng kim 1/2, kim thân tròn. Tiêu chuẩn: EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, FDA	EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, FDA	12091N K/BYT-TB-CT	DemeTECH	USA	Sợi	4.450	77.994	347.073.300	300											2.000			150	2.000							
5	5.G5.2019	N05.02.040	DemeGUT™ Chỉ phẫu thuật Chromic Catgut số 1, 2/0, 3/0, 4/0	Hộp 12 sợi	Chỉ phẫu thuật Chromic Catgut tự tiêu tự nhiên, tiết trùng, đơn sợi các số 4/0, 3/0, 2/0, 1, chiều dài sợi chỉ tương ứng 70cm, 75 cm, sợi chỉ màu nâu, chiều dài kim 20 mm, 26mm, 36mm, 40mm, vòng kim 1/2 với kim thân tròn, vòng kim 3/8 với kim tam giác. Kim được làm từ thép không gỉ không có martensitic, được phủ Silicon. Thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 72 ngày Tiêu chuẩn: EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, FDA	EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, FDA	12091N K/BYT-TB-CT	DemeTECH	USA	Sợi	11.876	38.997	463.128.372					36							1.700	1.080	500	2.000			4.800	360			1.400	

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
6	6.G5.2019	N05.02.040	DemeLON TM Chi phẫu thuật Nylon đơn sợi số 6/0	Hộp 12 sợi	Chi phẫu thuật Nylon không tiêu tổng hợp, tiết trùng, đơn sợi số 6/0, chiều dài sợi chỉ 75 cm, sợi chỉ màu đen, chiều dài kim 12mm, vòng kim 3/8, kim tam giác. Tiêu chuẩn: EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, FDA	EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, FDA	12091N K/BYT-TB-CT	DemeTECH	USA	Sợi	600	38.010	22.806.000										600													
7	7.G5.2019	N05.02.040	DemeLON TM Chi phẫu thuật Nylon đơn sợi số 2/0, 3/0, 4/0	Hộp 12 sợi	Chi phẫu thuật Nylon không tiêu tổng hợp, tiết trùng, đơn sợi số 2/0,3/0 4/0, chiều dài sợi chỉ 75 cm, sợi chỉ màu xanh, chiều dài kim 19mm, vòng kim 3/8, kim tam giác. Tiêu chuẩn: EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, FDA	EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, FDA	12091N K/BYT-TB-CT	DemeTECH	USA	Sợi	5.030	35.994	181.049.820				60					1.200				3.620	150									
8	8.G5.2019	N03.05.010	Dây truyền dịch 2 cánh bướm	01 bộ/bao	Sử dụng nguyên liệu PVC y tế cao cấp từ các nước G7. Không DEHP. Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ nhựa nguyên sinh cao cấp; Van thoát khí có màng lọc khí vô khuẩn; Bồng nhỏ giọt có màng lọc dịch. Độ dài dây 1800mm, mềm dẻo, không gập. Kẹp dây với con lăn linh hoạt, dễ điều chỉnh số lượng giọt. Có kết nối cao su công chữ Y dễ tiêm khí cần thiết. Kim cánh bướm 23G; kim chất lượng cao, sắc nhọn. Khử trùng bằng khí EO. Mỗi bộ dây được đóng gói trong túi PE không tạo bọt khí trong quá trình truyền lâu dài. Sử dụng được với các máy truyền dịch.	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FSC, GMP	Số 1007169 37200 Tờ khai hàng hóa nhập khẩu	Changzhou Jinlong Medical Plastic Appliance Co., Ltd	China	Bộ	44.040	5.796	255.255.840						40								10.000		22.000	1.000	1.000	2.000	8.000			

Page 3

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y được cử truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số
9	9.G5.2019	N03.05.030	Dây truyền máu	1 bộ/ túi; 50 Bộ/ Hộp, 300 bộ/ thùng	Dây dài ≥ 1800mm, dây và bầu nhỏ giọt làm bằng chất liệu PVC y tế cao cấp, khoá điều chỉnh giọt linh hoạt dễ thao tác điều chỉnh được sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Kim tiêm 18G, vát 3 cạnh, không có gờ được làm từ thép không gỉ. Công tiêm an toàn chữ Y, Bầu nhỏ giọt 2 ngăn dài 110mm, trong bầu có lưới lọc 200µm bằng chất liệu polyester, không chứa chất sinh nhiệt, không chứa các độc tố (không DEHP), đạt tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam III, ISO 1135-4. Tiệt trùng bằng khí EO và kiểm soát độ vô trùng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 11135. Đóng gói từng bộ (1 mặt giấy thấu khí, 1 mặt màng CPP). Tiêu chuẩn chất lượng:	ISO 9001:2015, ISO 13485:2016/EN ISO 13485:2016, CE, cGMP of FDA.	Số 1007169 37200 Tờ khai hàng hóa nhập khẩu	Changzhou Jinlong Medical Plastic Appliance Co., Ltd	China	Bộ	26.646	9.996	266.353.416	18.000										140	2.000	886	350	250	400	3.500	300	270	100	450	

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số			
11	11.G5.2.019	N03.07.030	Túi đựng máu đơn 250ml	1 túi máu/ túi	Túi máu đơn, thể tích 350ml. Có chứa 35 ml dung dịch chất chống đông CPDA-1, bảo quản được máu toàn phần tốt trong 35 ngày trong dải nhiệt độ từ 0-6 độ C. -Dung tích 250ml chứa máu toàn phần, túi chứa sẵn 35mL dung dịch chống đông và bảo quản CPDA-1 100 ml dung dịch CPDA-1 có: Citric Acid (anhydrous) 0.299g Sodium Citrate (dihydrate) 2.63g Monobasic Sodium Phosphate (monohydrate) 0.222g Dextrose (monohydrate) 3.19g Adenine 0.0275g Còn lại là nước vừa đủ 100ml -Ống dây lấy máu dài 950-1200mm, có trang bị kim phủ silicon 2 lớp, cỡ 16G siêu mỏng cho dùng chảy lớn, có nắp bảo vệ kim. -Tiêu chuẩn DIN EN ISO 13485:2016, EC ,TUV	EN ISO 13485:2016, EC, TUV;CF	Số 1022062 Tờ khai hàng hóa nhập khẩu	Demophorus	Cyprus	Túi	4.590	63.987	293.700.330												140	500	1.300	100	400	100	1.300	300	450				
12	12.G5.2.019	N03.05.060	Khóa ba ngã có dây nối 10cm	1 cái/bao	- Chất liệu bằng polycarbonate - Các đầu khóa trong suốt - Cho áp suất lên tới 5 bar - Xoay 360 độ - Mũi tên trên tay cầm giúp xác định hướng dòng chảy - Các đầu nối vật 6% bảo đảm không rò rỉ - Tiết trùng bằng EO gas - Đường kính trong: 3.0mm, đường kính ngoài: 4.1mm - Chiều dài dây nối: 10cm - Thể tích mỗi: 6.6ml/met - Dây nối không chứa chất DEHP gây ung thư. - Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016/NS- EN ISO 13485:2016, ISO 13485: 2003/ISO 9001: 2008,EC	ISO 13485: 2016/NS- EN ISO 13485: 2016, ISO 13485: 2003/ISO 9001: 2008, EC	Số 1023007 tờ khai hàng hóa nhập khẩu	La-med Healthcare	India	Cái	10.120	8.589	86.920.680	8.000												1.800				300			20				

Page 6

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa	Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
13	13.G5.2 019		Lamen	100 miếng/hộp		ISO 9001:2008	Số 1026317 51352 tờ khai hàng hóa nhập khẩu	Jiangsu Huida	China	Miếng	12.200	252	3.074.400		4.000							500	1.000			1.700					4.000				1.000	
14	14.G5.2 019		Lamen các cỡ	100 miếng/hộp		TCCE	Số 1026317 51352 tờ khai hàng hóa nhập khẩu	Jiangsu Huida	China	Miếng	3.000	252	756.000	3.000																						
Tổng cộng:		14 mặt hàng											2.464.957.908																							

DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 962 /QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty TNHH - TBYT Thành Công

GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
1	N06.03.010	Thủy tinh thể nhân tạo mềm Slimflex kèm dụng cụ đặt nhân	1 chiếc/ hộp	ISO13485:2016; ISO9001:2015; CE; CFS	PhysIOL S.A	Bỉ	Cái	500	3.000.000	1.500.000.000
Tổng cộng:		1 mặt hàng								1.500.000.000

PHẠM VI CUNG ỨNG HÓA VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

(Kèm theo Quyết định số 962/QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty TNHH - TBYT Thành Công

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xín Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
1	1.G5.2019	N06.03.010	Thủy tinh thể nhân tạo mềm Slimflex kèm dụng cụ đặt nhân	1 chiếc/hộp	- Thủy tinh thể nhân tạo chất liệu hydrophilic Acrylic 26%.TTT lọc tia UV. - Thủy tinh thể có thiết kế hai mặt cầu, có 4 cạnh, góc cạnh 5 độ, bờ cạnh vuông 360 độ. - Tổng chiều dài kính : 10,50 mm. Đường kính optic : 6,00 mm. - Chỉ số khúc xạ: 1,46. ACD: 5,26 (đo bằng sóng siêu âm và tính theo công thức HofferQ) - Thủy tinh thể được cung cấp cùng hệ thống cartridge và injector Viscoject ECO 2.2 cho vết mổ ≥ 2,2 mm. - Công suất từ +10 D đến +30 D (cách nhau 0.5D)	ISO13485:2016; ISO9001:2015; CE; CFS	8175NK/BYT-TB-CT	PhysIOL S.A	Bi	Cái	500	3.000.000	1.500.000.000		500																				
Tổng cộng:				1 mặt hàng									1.500.000.000																						

DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 962 /QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty TNHH TBYT Medicent

GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
1	N02.02.020	Băng dính 2,5 x 9,1m	Hộp 12 cuộn	FDA, ISO, CE	3M	Mỹ	Cuộn	26.950	27.510	741.394.500
2	N02.02.020	Băng dính 5 x 9,1m	Hộp 12 cuộn	FDA, ISO, CE	3M	Mỹ	Cuộn	5.230	50.001	261.505.230
3	N04.02.030	Sonde dẫn lưu ổ bụng các số (Drain tube)	1Cái/ túi	Sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001; 13485, GMP	Forte Grow Medical	Việt Nam	Cái	10.690	5.628	60.163.320
4	N05.02.030	Chi Carelon (Nylon) các số	12 sợi/Hộp	ISO 13485	CPT	Việt Nam	Sợi	3.880	14.385	55.813.800
5		Lọ nhựa đựng mẫu PS 50ml HTM nắp đỏ, có nhãn	100 lọ/bịch	* Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016	Hồng Thiện Mỹ	Việt Nam	Lọ	14.200	1.197	16.997.400
6	N01.01.010	Bông Y tế	100g/cuộn	TCVN: ISO 9001:2015. ISO 13485:2016	Bảo Thạch	Việt Nam	Cuộn	4.910	17.010	83.519.100
7	N01.01.010	Bông mỡ Y tế (Bông không thấm nước)	1kg/cuộn	ISO 13485:2016 (91/MD/8378)	Bảo Thạch	Việt Nam	Kg	859	124.992	107.368.128
8	N03.06.040	Găng tay sản khoa dài tay (số M, L)	10 đôi/túi	ISO 9001: 2015	Nam Tín	Việt Nam	Đôi	3.090	11.886	36.727.740
9		Bao cao su Happy	200cái/hộp	ISO 9001:2015 TCVN ISO 13485:2004/13485:2003	Merufa	Việt Nam	Cái	704.100	735	517.513.500

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
10		Gel bôi trơn Happy	82g/ tuýp	ISO 9001:2015 TCVN ISO 13485:2004/13485:2003	Merufa	Việt Nam	Tuýp	400	59.997	23.998.800
11	N01.01.020	Que tắm bông lõi kẽm vô trùng	01 Cái/túi	ISO 9001:2016	Changzhou Operson	Trung Quốc	Cái	10.470	1.134	11.872.980
12	N08.00.260	Clips cầm máu bằng titan	10 miếng/túi	ISO 9001:2008	MDD Medical Device Development GmbH	Đức	Miếng	520	37.506	19.503.120
13	N04.03.030	Bộ dây thở Silicone dùng nhiều lần cho nhi	Bộ	TCCE	Create Biotech	Đài Loan	Bộ	2	3.018.750	6.037.500
14	N08.00.310	Mask thanh quản bóng Silicon sử dụng nhiều lần	Cái	TCCE	Hangzhou Tappa	Trung Quốc	Cái	30	590.625	17.718.750
15		Băng cuốn huyết áp (Máy monitor 5,6 thông số)	Cái	EN ISO 13485:2012	Shenzhen Medke	Đài Loan	Cái	10	2.000.000	20.000.000
16		Bao đo huyết áp dùng cho monitor theo dõi bệnh nhân	Cái	EN ISO 13485:2012	Shenzhen Medke	Đài Loan	Cái	17	343.770	5.844.090
17		Giấy in lưu huyết não	Hộp/cuộn	TCVN/TCCE	Tele-paper (M) Sdn Bhd	Malaysia	Cuộn	210	8.757	1.838.970
Tổng cộng:		17 mặt hàng								1.987.816.928

PHẠM VI CUNG ỨNG HÓA VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

(Kèm theo Quyết định số 962 /QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty TNHH TBYT Medicent

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đông Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
1	01.G5.2.019	N01.01.010	Bông Y tế	100g/cuộn	Tốc độ hút nước <= 8,0 giây. Bông Y tế 100% bông xơ tự nhiên.	TCVN: ISO 9001:2015. ISO 13485:2016	1700000045/PCB A-BD	Bảo Thạch	Việt Nam	Cuộn	4.910	17.010	83.519.100				400		200	1.000		50		1.600			210				850	600				
2	02.G5.2.019	N01.01.010	Bông mờ Y tế (Bông không thấm nước)	1kg/cuộn	Sản xuất từ 100% bông xơ thiên nhiên - màu trắng ngà - dùng trong lĩnh vực y tế, gia dụng hoặc các lĩnh vực khác (lót băng bó bột định hình, làm nút ngăn cách âm...) Đã qua quá trình sơ chế, loại bỏ tạp cơ học, làm duỗi và sắp xếp sợi tạo thành tấm bông xốp, mềm, mịn, thuận tiện cho sử dụng. Bông dạng dài được cuốn thành khối hình trụ.	ISO 13485:2016 (91/MD/8378)	1700000044/PCB A-BD	Bảo Thạch	Việt Nam	Kg	859	124.992	107.368.128	22	100				10					200				80						447		
3	03.G5.2.019	N02.02.020	Băng dính 2,5 x 9,1m	Hộp 12 cuộn	Băng dính lụa nền keo Acrylate, không gây dị ứng, không sót keo khi tháo bỏ.	FDA, ISO, CE		3M	Mỹ	Cuộn	26.950	27.510	741.394.500	10.000	240	2.900	300	590						1.000	400	1.000	1.020			1.800	400			400	6.900	
4	04.G5.2.019	N02.02.020	Băng dính 5 x 9,1m	Hộp 12 cuộn	Băng dính lụa nền keo Acrylate, không gây dị ứng, không sót keo khi tháo bỏ.	FDA, ISO, CE		3M	Mỹ	Cuộn	5.230	50.001	261.505.230	500			200		30							600	600					2.000	900	400		
5	05.G5.2.019	N08.00.260	Clips cầm máu bằng titan	10 miếng/túi		ISO 9001:2008		MDD Medical Device Development GmbH	Đức	Miếng	520	37.506	19.503.120	150										20				150						200		

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số		
6	06.G5.2.019	N05.02.030	Chi Carelon (Nylon) các số	12 sợi/Hộp	Size 2/0, 75cm, 3/8 reserve cutting, 26mm; Size 3/0, 75cm, 3/8 reserve cutting, 26mm; Size 4/0, 75cm, 3/8 reserve cutting, 19mm; Size 5/0, 75cm, 3/8 reserve cutting, 16mm; Size 6/0, 75cm, 3/8 reserve cutting, 12mm Thành phần: Polyamide 6.0 - 6.6. Size 10/0 Đường kính kim 150µm Chiều dài vòng kim 6.2mm 3/8 đường tròn 2 kim hình thang Chiều dài chỉ : 30cm. Thành phần : Polyamide 6.0 - 6.6, kim phủ silicone, tiết trùng EO	ISO 13485	18/2017 /BYT-TB-CT	CPT	Việt Nam	Sợi	3.880	14.385	55.813.800							480					1.800					1.480	120					
7	7.G5.20.19	N04.03.030	Bộ dây thớ Silicone dùng nhiều lần cho nhi	Bộ		TCCE		Create Biotech	Đài Loan	Bộ	2	3.018.750	6.037.500	2																						
8	8.G5.20.19	N08.00.310	Mask thanh quân bóng Silicon sử dụng nhiều lần	Cái		TCCE		Hangzhou Tappa	Trung Quốc	Cái	30	590.625	17.718.750	30																						

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số	
9	9.G5.2019	N03.06.040	Găng tay sản khoa dài tay (số M, L)	10 đôi/túi	Độ giãn nở (%): Trước khi sử dụng: Min 650 (Giá trị điển hình: 650 – 750); Sau khi sử dụng: Min 500 (Giá trị điển hình: 500 – 700); Sức căng (MPa): Trước khi sử dụng: Min 18 (Giá trị điển hình: 18 – 22); Sau khi sử dụng: Min 14 (Giá trị điển hình: 14 – 18)	ISO 9001: 2015	170002177/PCB A-HCM	Nam Tín	Việt Nam	Đôi	3.090	11.886	36.727.740	90									100		500		400		1.000				1.000		
10	10.G5.2019		Lọ nhựa đựng mẫu PS 50ml HTM nắp đỏ, có nhãn	100 lọ/bịch	* Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ, dung tích 50ml. * Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong. * Có Phiếu Tiếp Nhận Phân Loại Trang Thiết Bị Y Tế * Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016	* Đạt Tiêu chuẩn GDP, ISO 13485:2016	17000138/PCBA-HCM	Hồng Thiện Mỹ	Việt Nam	Lọ	14.200	1.197	16.997.400													2.000		10.000	2.000	200					
11	11.G5.2019	N04.02.030	Sonde dẫn lưu ổ bụng các số (Drain tube)	1Cái/túi	Chất liệu nhựa PVC y tế, ống dây mềm dẻo. Đường kính trong & ngoài ống khoảng 5mm hoặc 7mm, chiều dài từ khoảng 395mm trở lên. Được tiệt trùng bằng EO.	Sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001; 13485, GMP	29/2018 /BYT-TB-CT	Forte Grow Medical	Việt Nam	Cái	10.690	5.628	60.163.320	2.500		40								2.000	900		700	1.000	1.600	600	250	400	700		

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chai	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
12	12.G5.2.019		Giấy in lưu huyết não	Hộp/cuộn		TCVNT CCE	170001103/PCB A-HN	Tele-paper (M) Sdn Bhd	Malaysia	Cuộn	210	8.757	1.838.970					40						100	20									40	
13	13.G5.2.019		Bảng cuốn huyết áp (Máy monitor 5,6 thông số)	Cái		EN ISO 13485:2012		Shenzhen Medke	Đài Loan	Cái	10	2.000.000	20.000.000	10																					
14	14.G5.2.019	N01.01.020	Que tẩm bông lõi kẽm vô trùng	01 Cái/túi		ISO 9001:2016	190000783/PCB A-HN	Changzhou Operson	Trung Quốc	Cái	10.470	1.134	11.872.980	5.000			200		1.000		270										4.000				
15	15.G5.2.019		Bao cao su Happy	200cái/hộp	BCS được sản xuất từ nguyên liệu cao su tự nhiên, không mùi. Chiều dài >= 170mm, chiều rộng 52mm ± 2mm	ISO 9001:2015 TCVN ISO 13485:2004/13485:2003	180000008/PCB SX-HCM	Merufa	Việt Nam	Cái	704.100	735	517.513.500	4.000			100		400.000																300000
16	16.G5.2.019		Bao đo huyết áp dùng cho monitor theo dõi bệnh nhân	Cái		EN ISO 13485:2012		Shenzhen Medke	Đài Loan	Cái	17	343.770	5.844.090	17																					
17	17.G5.2.019		Gel bôi trơn Happy	82g/tuýp		ISO 9001:2015 TCVN ISO 13485:2004/13485:2003	180000008/PCB SX-HCM	Merufa	Việt Nam	Tuýp	400	59.997	23.998.800	400																					
Tổng cộng:		17 mặt hàng											1.987.816.928																						

DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 962 /QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Meditronic

GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
1	N07.01.500	Phim khô Laser x Quang y tế Trimax TXE cỡ 8'x10' (1735943)	125 tờ/hộp	ISO 13485:2016	Carestream Health, Inc	Mỹ	Hộp	420	2.190.000	919.800.000
Tổng cộng:		1 mặt hàng								919.800.000

PHẠM VI CUNG ỨNG HÓA VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

(Kèm theo Quyết định số 962/QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Meditronic

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
1	1.G5.2019	N07.01.500	Phim khô Laser x Quang y tế Trimax TXE cỡ 8'x10' (1735943)	125 tờ/hộp	Phim in laser Trimax TXE kết hợp những ưu điểm của phương pháp tia laser khô với hình ảnh chất lượng cao từ phim xanh. Cung cấp khả năng chụp ảnh x quang chuyên môn với yêu cầu cao. Độ nhiễu thấp, mật độ đồng nhất cao, giúp cho các chẩn đoán có độ chính xác cao. Nạp phim dễ dàng - Hộp phim Trimax có thể nạp dễ dàng bằng cartridge dưới điều kiện ánh sáng thường. Thời gian lưu trữ cho các phim đã in lên đến trên 100 năm. Lựa chọn các kích cỡ phim với 7-oz polyester. Có tính năng kiểm soát chất lượng hình ảnh tự động (AIQC) hiệu chỉnh hệ thống Trimax để tối ưu chất lượng và đảm bảo độ tương phản hình ảnh đúng với các yêu cầu mà người dùng đã cài đặt sẵn. Hệ thống này hoạt động độc lập không cần sự can thiệp của con người giúp nâng cao năng suất. Lưu trữ phim trước ánh sáng ở nhiệt độ từ 39 đến 75 độ F (4 đến 24 độ C) tại 30 đến 50% RH.	ISO 13485:2016		Carestream Health, Inc	Mỹ	Hộp	420	2.190.000	919.800.000	420																						
Tổng cộng:					1 mặt hàng								919.800.000																							

DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 962 /QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Công ty CPTBYT Thái Phú

GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
1	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp Polyglycolic acid 2/0 90cm	Hộp 12 sợi	ISO 13485 : 2003; EN ISO 13485 : 2012; EC; FDA	Chirana	Séc	Sợi	1.000	96.000	96.000.000
2	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp polyglycolic acid 3/0	Hộp 12 sợi	ISO 13485 : 2003; EN ISO 13485 : 2012; EC; FDA	Chirana	Séc	Sợi	2.000	87.000	174.000.000
3	N05.02.040	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp Polyglycolic Acid số 4/0	Hộp 12 sợi	EN ISO 13485 :2016; CE; EC	Chirana	Séc	Sợi	600	68.000	40.800.000
4	N03.05.010	Dây truyền dịch	1 bộ/túi	GMP-FDA,2014; EN ISO 13485:2016 ; ISO 9001:2015	Greetmed	Trung Quốc	Bộ	172.000	4.050	696.600.000
5	N03.05.040	Dây nối bơm tiêm điện dài 75cm	01cái/túi	ISO 9001:2015, ISO 13485:2003/EN ISO 13485:2012, CE, cGMP - FDA	Great Mountain	Trung Quốc	Sợi	3.750	4.800	18.000.000
6	N03.05.040	Dây nối bơm tiêm điện dài 150cm	01cái/túi	ISO 9001:2015, ISO 13485:2003/EN ISO 13485:2012, CE, cGMP - FDA	Great Mountain	Trung Quốc	Sợi	6.800	5.600	38.080.000
7	N08.00.310	Mặt nạ thở oxy	Túi 1 bộ x 100 túi / kiện	Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 được công nhận và thừa nhận quốc tế .	Hangzhou Rollmed Co., Ltd	Trung Quốc	Bộ	3.990	6.200	24.738.000
8	N08.00.310	Mặt nạ thở oxy bộ khí dung	Túi 1 bộ x 100 túi / kiện	EN ISO 13485:2016 được công nhận và thừa nhận quốc tế .	Hangzhou Rollmed Co., Ltd	Trung Quốc	Bộ	3.870	6.200	23.994.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
9	N08.00.050	Túi camera M6	1 bộ/gói	ISO 13485:2004, ISO 13485:2004	Damedco	Việt Nam	Cái	13.950	5.450	76.027.500
10	N07.01.500	Phim khô y tế cỡ 35x43 cm	Hộp 100 tờ	ISO 13485:2003; EC: 76910CE01	Fujifilm-Nhật Bản	Nhật Bản	Hộp	160	4.789.000	766.240.000
11	N07.01.500	Phim khô y tế cỡ 35x43 cm	Hộp 100 tờ	ISO 13485:2003; EC: 76910CE01	Fujifilm-Nhật Bản	Nhật Bản	Hộp	190	4.789.000	909.910.000
12	N07.01.500	Phim khô y tế cỡ 26x36 cm	Hộp 100 tờ	ISO 13485:2003; EC: 76910CE01	Fujifilm-Nhật Bản	Nhật Bản	Hộp	40	2.789.000	111.560.000
13	N07.01.500	Phim khô y tế cỡ 20x25 cm	Hộp 100 tờ	ISO 13485:2003; EC: 76910CE01	Fujifilm-Nhật Bản	Nhật Bản	Hộp	400	1.689.000	675.600.000
14	N07.01.500	Phim khô y tế 14x17 inch	Hộp 125 tờ	ISO 13485; 9001	Konica-Nhật Bản	Nhật Bản	Hộp	300	5.556.000	1.666.800.000
15	N05.01.010	Kim khâu ruột	10 cái/gói	TCCE	Shanghai Yuanhong	Trung Quốc	Cái	17.570	1.900	33.383.000
16	N03.02.070	Kim luồn tĩnh mạch các số	Hộp 100 cái	ISO 13485:2016/ NS-EN ISO 13485:2016, EC	Lamed	Ấn Độ	Cái	5.800	3.600	20.880.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
17	N03.02.070	Kim luồn tĩnh mạch các số	100 cây/hộp	ISO 13485: 2016/NS- EN ISO 13485:2016 , ISO 13485: 2003/ISO 9001: 2008, EC:4106-2007	Prymax Healthcare	Ấn Độ	Chiếc	60.000	3.900	234.000.000
18	N07.05.020	Sonde Foley 3 nhánh các số	Hộp 10 cái	ISO 13485:2003; EN ISO 13485:2012, EC: MY16/02059;	Idealcare	Malaysia	Cái	480	17.800	8.544.000
19	N08.00.330	Mũi khoan phẫu thuật các cỡ	01 Cái/túi	ISO 13485: 2003	Mani	Nhật Bản	Cái	70	142.000	9.940.000
20	N07.01.220	Bơm Karman 1 van		ISO, CE	WomanCare Global	Đài Loan	Cái	38	460.000	17.480.000
21	N07.01.220	Bơm Karman 2 van	1 cái/hộp	ISO, CE	WomanCare Global	Đài Loan	Cái	46	660.000	30.360.000
Tổng cộng:		21 mặt hàng								5.672.936.500

PHẠM VI CUNG ỨNG HÓA VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

(Kèm theo Quyết định số 962/QĐ-SYT ngày 01 tháng 1 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty CPTBYT Thái Phú

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quán Bè	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
1	1.G5.20.19	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp Polyglycolic acid 2/0 90cm	Hộp 12 sợi	Chỉ Polyglycolic acid tự tiêu 2/0 317B PolySyn™; Sợi bền, màu tím, dài 90cm, kim tròn, chiều dài kim 36.6mm, vòng kim 1/2. . Được phủ polycaprolactone và calcium stearate. Sức căng còn 50% sau 14 ngày, còn 20% sau 21 ngày, tiêu hoàn toàn trong 90 ngày.	ISO 13485 : 2003; EN ISO 13485 : 2012; EC; FDA	8911NK /BYT-TB-CT	Chirana	Séc	Sợi	1.000	96.000	96.000.000	1.000																						
2	2.G5.20.19	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp polyglycolic acid 3/0	Hộp 12 sợi	Chỉ Polyglycolic acid tự tiêu 3/0 316B LOOK™ PolySyn™; Sợi bền, màu tím, dài 70cm, kim tròn đầu tròn, chiều dài kim 26mm, vòng kim 1/2. Được phủ polycaprolactone và calcium stearate. Sức căng còn 50% sau 14 ngày, còn 20% sau 21 ngày, tiêu hoàn toàn trong 90 ngày.	ISO 13485 : 2003; EN ISO 13485 : 2012; EC; FDA	8911NK /BYT-TB-CT	Chirana	Séc	Sợi	2.000	87.000	174.000.000	2.000																						

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
3	3.G5.20.19	N05.02.040	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp Polyglycolic Acid số 4/0	Hộp 12 sợi	Chỉ Polyglycolic Acid tiêu nhanh số 4/0 M494N PolySyn™ FA, Sợi bền, trong suốt dài 45cm, kim tam giác, chiều dài kim 13mm, vòng kim 3/8. Được phủ polycaprolactone và calcium stearate. Sức căng còn 48% sau 7 ngày, còn 0% sau 14 ngày, tiêu hoàn toàn trong 63 ngày.	EN ISO 13485 :2016; CE; EC	8911NK /BYT-TB-CT	Chirana	Séc	Sợi	600	68.000	40.800.000	600																					
4	4.G5.20.19	N03.05.010	Dây truyền dịch	1 bộ/túi	Kim bướm 23G. Dây truyền dịch có van Air, có khóa luer lock . Độ dài dây dẫn 1650 mm, dây chất liệu PVC nguyên sinh đường kính trong 3,5 mm, đường kính ngoài 4,5 mm. Bầu đếm giọt chất liệu Polyethylene thể tích ≥ 8,5 ml, có màng lọc dịch 15 µm. Chất liệu bao bì gồm 2 mặt: một mặt Polyeste chịu được nhiệt độ cao, một mặt là giấy chống nhiễm khuẩn đặc biệt có khả năng chống lại các loại nấm mốc, vi khuẩn, vi rút...Tiệt trùng bằng Etylen Oxid.	GMP-FDA, 2014; EN ISO 13485:2016; ISO 9001:2015	Số TKHQ: 1027220 08321	Greetmed	Trung Quốc	Bộ	172.000	4.050	696.600.000	80.000									10.000	10.000			8.000	20.000	20.000	20.000	2.000	2.000			

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quan Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
5	5.G5.2019	N03.05.040	Dây nối bơm tiêm điện dài 75cm	01cái/túi	Dây nối bơm tiêm điện với đầu nối khóa ren (lure lock), khóa bảo vệ (cap connector), ống chống xoắn. Độ dài của dây nối là 75cm. Đường kính ngoài 1.9mm, đường kính trong 0.9mm. Sản phẩm tiệt trùng bằng khí EO.	ISO 9001:2015, ISO 13485:2003/EN ISO 13485:2012, CE, cGMP - FDA	2018YB550	Great Mountain	Trung Quốc	Sợi	3.750	4.800	18.000.000			450							200			400		600	1.000	1.000				100		
6	6.G5.2019	N03.05.040	Dây nối bơm tiêm điện dài 150cm	01cái/túi	Dây nối bơm tiêm điện với đầu nối khóa ren (lure lock), khóa bảo vệ (cap connector), ống chống xoắn. Độ dài của dây nối là 150cm. Đường kính ngoài 1.9mm, đường kính trong 0.9mm. Sản phẩm tiệt trùng bằng khí EO.	ISO 9001:2015, ISO 13485:2003/EN ISO 13485:2012, CE, cGMP - FDA	2018YB550	Great Mountain	Trung Quốc	Sợi	6.800	5.600	38.080.000	5.500												400			400	400	400				100	
7	7.G5.2019	N08.00.310	Mặt nạ thở oxy	Túi 1 bộ x 100 túi / kiện	Các cỡ M,L,XL. Dây dẫn có chiều dài 2 m.	Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 được công nhận và thừa nhận quốc tế.	170001105/PCB A-HN	Hangzhou Rollmed Co., Ltd	Trung Quốc	Bộ	3.990	6.200	24.738.000	3.000	20	200		200	10					100		40		100	180				100	40		
8	8.G5.2019	N08.00.310	Mặt nạ thở oxy bộ khí dung	Túi 1 bộ x 100 túi / kiện	Các cỡ M,L,XL. Dây dẫn có chiều dài 2 m. Tiêu chuẩn	EN ISO 13485:2016 được công nhận và thừa nhận quốc tế.	170001106/PCB A-HN	Hangzhou Rollmed Co., Ltd	Trung Quốc	Bộ	3.870	6.200	23.994.000	3.000		100		200						100			150	100	180					40		
9	9.G5.2019	N08.00.050	Túi camera M6	1 bộ/gói		ISO 13485:2004, ISO 13485:2004	170000007/PCB A-Đna	Damedco	Việt Nam	Cái	13.950	5.450	76.027.500	2.400											1.350				2.000	8.000				200		

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
10	10.G5.2 019	N07.01 .500	Phim khô y tế cỡ 35x43 cm	Hộp 100 tờ	Phim khô Laser cỡ 35x43 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm hoặc tương đương, loại phim nền xanh, nhạy sáng, Dmax 3.6, hộp 100 tờ sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. ISO 13485, EC, Giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất	ISO 13485:2003; EC: 76910CE 01	1700003 89/PCB A-HCM; TKHQ 1024028 35140	Fujifilm-Nhật Bản	Nhật Bản	Hộp	160	4.789.000	766.240.000	160																					
11	11.G5.2 019	N07.01 .500	Phim khô y tế cỡ 35x43 cm	Hộp 100 tờ	Phim nhiệt khô cỡ 35x43 cm tương thích máy in phim nhiệt Fujifilm hoặc tương đương, hộp 100 tờ sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp phim, lớp nhạy nhiệt, lớp bảo vệ. ISO 13485, EC, Giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất.	ISO 13485:2003; EC: 76910CE 01	1700003 89/PCB A-HCM	Fujifilm-Nhật Bản	Nhật Bản	Hộp	190	4.789.000	909.910.000															110						80	

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa	Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quân Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
12	12.G5.2.019	N07.01.500	Phim khô y tế cỡ 26x36 cm	Hộp 100 tờ	Phim nhiệt khô cỡ 26x36 cm tương thích máy in phim nhiệt Fujifilm hoặc tương đương, hộp 100 tờ sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp phim, lớp nhạy nhiệt, lớp bảo vệ. ISO 13485, EC, Giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất.	ISO 13485:2003; EC: 76910CE 01	170000389/PCB A-HCM; TKHQ 102384643541	Fujifilm-Nhật Bản	Nhật Bản	Hộp	40	2.789.000	111.560.000										40														
13	13.G5.2.019	N07.01.500	Phim khô y tế cỡ 20x25 cm	Hộp 100 tờ	Phim nhiệt khô cỡ 20x25 cm tương thích máy in phim nhiệt Fujifilm hoặc tương đương, hộp 100 tờ sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp phim, lớp nhạy nhiệt, lớp bảo vệ. ISO 13485, EC, Giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất.	ISO 13485:2003; EC: 76910CE 01	170000389/PCB A-HCM	Fujifilm-Nhật Bản	Nhật Bản	Hộp	400	1.689.000	675.600.000																	400							

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quân Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số	
14	14.G5.2.019	N07.01.500	Phim khô y tế 14x17 inch	Hộp 125 tờ	Phim khô Laser cỡ 14x17 inch tương thích máy in phim khô laser Konica hoặc tương đương. Được thiết kế các lớp đệm từ vùng mật độ thấp đến vùng mật độ cao.	ISO 13485; 9001	170002244/PCB A-HN; TKHQ 102523475720	Konica-Nhật Bản	Nhật Bản	Hộp	300	5.556.000	1.666.800.000	300																					
15	15.G5.2.019	N05.01.010	Kim khâu ruột	10 cái/gói	Kim được làm bằng thép không rỉ, mũi kim sắc nhọn hình tam giác, có hình bán nguyệt, kim có lỗ thủng hình rẹt thuận tiện cho việc khâu chỉ.	TCCE	170000482/PCB MB-HN	Shanghai Yuanhong	Trung Quốc	Cái	17.570	1.900	33.383.000	100								600	10.000	270		150	1.000	350	4.000	300	200	600			
16	16.G5.2.019	N03.02.070	Kim luồn tĩnh mạch các số	Hộp 100 cái	Kim vát, dạng ống, làm bằng thép không rỉ nên khi tiêm vào tĩnh mạch dễ dàng, không đau buốt. Với hình dạng côn theo thiết kế mới, giúp cho việc chèn vào mạch máu dễ dàng và nhanh chóng. Cấu tạo : chân kim và cánh kim làm từ PP, ống thông làm từ FEP, Kim: SS304, các số G18, 20, 22.	ISO 13485:2016/ NS-EN ISO 13485:2016, EC	170000077/PCB PL-BYT	Lamed	Ấn Độ	Cái	5.800	3.600	20.880.000		5.000					800															

[illegible]

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
19	19.G5.2.019	N08.00.330	Mũi khoan phẫu thuật các cỡ	01 Cái/túi		ISO 13485: 2003	2018168 /PL - VTC/18 0000027 /PCBPL -BYT	Mani	Nhật Bản	Cái	70	142.000	9.940.000	50												20									
20	20.G5.2.019	N07.01.220	Bơm Karman 1 van		Loại 1 van Hút thai bằng chân không sử dụng tay Thể tích: 60 cc Phần chân không: 24-26 inch hoặc 609,6-660,4 mm hg Không Latex (nhựa, mù cây) Dễ dàng tháo lắp và làm vệ sinh Chế tạo với vật liệu hàng đầu. Sử dụng với ống thông dò Karman linh hoạt hơn, kích thước 4-6mm với ống thông dò 3mm.	ISO, CE	Số TKHQ: 1025625 07351	WomanCar e Global	Đài Loan	Cái	38	460.000	17.480.000						10					5		4	9		6	4					
21	21.G5.2.019	N07.01.220	Bơm Karman 2 van	1 cái/hộp	Loại 2 van Hút thai bằng chân không sử dụng tay Thể tích: 60 cc Phần chân không: 24-26 inch hoặc 609,6-660,4 mm hg Không Latex (nhựa, mù cây) Dễ dàng tháo lắp và làm vệ sinh Chế tạo với vật liệu hàng đầu.	ISO, CE	Số TKHQ: 1025625 07351	WomanCar e Global	Đài Loan	Cái	46	660.000	30.360.000	20					10					5		4	7								
Tổng cộng:		21 mặt hàng											5.672.936.500																						

DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 962 /QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty TNHH đầu tư & Thương Mại An Lành

GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
1	N01.01.010	Bông y tế thấm nước	1kg/cuộn	TCVN: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016	An Lành	Việt Nam	Kg	8.916	125.749	1.121.178.084
2	N02.03.020	Bông gạc ĐVT 6x22cm	1 cái/gói	ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, FDA	An Lành	Việt Nam	Cái	400	1.300	520.000
3	N02.03.020	Bông gạc ĐVT 8x15cm	1 cái/gói	ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, FDA	An Lành	Việt Nam	Cái	2.000	1.300	2.600.000
4	N02.03.020	Gạc hút y tế khổ 1.2m	Kiện 1000 mét	ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, FDA	An Lành	Việt Nam	Mét	150.600	3.500	527.100.000
Tổng cộng:		4 mặt hàng								1.651.398.084

PHẠM VI CUNG ỨNG HÓA VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

(Kèm theo Quyết định số 962/QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty TNHH đầu tư & Thương Mại An Lành

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số
1	01.G5.2.019	N01.01.010	Bông y tế thấm nước	1kg/cuộn	Tốc độ hút nước <= 8,0 giây. Bông Y tế 100% bông xơ tự nhiên.	TCVN: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016	18000006/PCB A-NĐ	An Lành	Việt Nam	Kg	8.916	125.749	1.121.178.084	750	350	360	800	55	240		11		260	700	600	480	483	800	1.090	592	185	160		1000
2	02.G5.2.019	N02.03.020	Bông gác ĐVT 6x22cm	1 cái/gói	Gạc được làm từ sợi 100% cotton, mật độ 20-24 sợi/inch, tri số sợi CD 40/1 và 100% bông tự nhiên. Trọng lượng 28-30 grams/m2. Được tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố. - Tiết trùng bằng khí EO.Gas.	ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, FDA	17000003/PCB A-NĐ	An Lành	Việt Nam	Cái	400	1.300	520.000		400																			
3	03.G5.2.019	N02.03.020	Bông gác ĐVT 8x15cm	1 cái/gói	Gạc được làm từ sợi 100% cotton, mật độ 20-24 sợi/inch, tri số sợi CD 40/1 và 100% bông tự nhiên. Trọng lượng 28-30 grams/m2. Được tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố. - Tiết trùng bằng khí EO.Gas.	ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, FDA	17000003/PCB A-NĐ	An Lành	Việt Nam	Cái	2.000	1.300	2.600.000																					2.000
4	04.G5.2.019	N02.03.020	Gạc hút y tế khổ 1.2m	Kiên 1000 mét	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton	ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, FDA	17000003/PCB A-NĐ	An Lành	Việt Nam	Mét	150.600	3.500	527.100.000	20.000	4.000							26.000	3.000		27.000	3.600		8.000	24.000		4.000	31.000		
Tổng cộng:			4 mặt hàng										1.651.398.084																					

DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 962 /QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty cổ phần thương mại dược vật tư y tế Hà Nội

GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
1	N02.01.010	Băng gạc bột 15cm x 3,5m	72 Cuộn/ túi	ISO 13485 - 2016	ORBE	Việt Nam	Cuộn	1.400	18.000	25.200.000
2	N02.01.010	Băng gạc bột 20cm x 3,5m	72 Cuộn/ túi	ISO 13485 - 2016	ORBE	Việt Nam	Cuộn	500	20.000	10.000.000
Tổng cộng:		2 mặt hàng								35.200.000

(Kèm theo Quyết định số 962/QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

[illegible]

DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: **962** /QĐ-SYT ngày **01** tháng **11** năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty TNHH UNITED PHARMA

GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
1	N04.02.060	Dây hút nhót các số, các cỡ không nắp	Túi 20 sợi x 25 túi / kiện	Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 được công nhận và thừa nhận quốc tế .	Ningbo Greetmed medico Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	Cái	30.100	2.100	63.210.000
2	N04.02.060	Dây hút nhót các số, các cỡ có nắp	Túi 20 sợi x 25 túi / kiện	Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 được công nhận và thừa nhận quốc tế .	Ningbo Greetmed medico Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	Bộ	15.320	2.100	32.172.000
3	N03.02.070	Kim luồn tĩnh mạch	Hộp 100cái	Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Công ty Alpha medicare abd devices pvt. Ltd, Có địa chỉ tại 97, Alpha estate, near abad estate, opp. Kashiram textile, narol highway, ahmedabad - 382405, gujarat,	Ấn Độ	Cái	70.400	5.000	352.000.000
Tổng cộng:		3 mặt hàng								447.382.000

PHẠM VI CUNG ỨNG HÓA VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

(Kèm theo Quyết định số 96/QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty TNHH UNITED PHARMA

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đông Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quân Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số
1	1.G5.20.19	N04.02.060	Dây hút nhót các số, các cỡ không nắp	Túi 20 sợi x 25 túi / kiện	các số 5, 6,8,10,12,14,16,18 .Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh . Độ dài 500 mm .không chứa DEHP .	Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 được công nhận và thừa nhận quốc tế .		Ningbo Greetmed medico Instrument s Co., Ltd	Trung Quốc	Cái	30.100	2.100	63.210.000	24.000										1.000	3.000	600						200	1.300	
2	2.G5.20.19	N04.02.060	Dây hút nhót các số, các cỡ có nắp	Túi 20 sợi x 25 túi / kiện	các số 5, 6,8,10,12,14,16,18 Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Độ dài 500mm . không chứa DEHP . Khóa van các cỡ có đầu gen để kết nối với các thiết bị phụ trợ chuyên dụng.	Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 được công nhận và thừa nhận quốc tế .		Ningbo Greetmed medico Instrument s Co., Ltd	Trung Quốc	Bộ	15.320	2.100	32.172.000	6.000		200		200						1.640	3.200	600			200	1.880	800	200	400	

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quân Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
3	3.G5.20.19	N03.02.070	Kim luồn tĩnh mạch	Hộp 100cái	- Ong catheter làm từ chất liệu PTFE/PUR/FEP/ETFE nhựa y tế. - Thời gian lưu kim 96 giờ - khử trùng bằng khí EO (Ethylene Oxide) - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE - 0434 (5262-2014-CE-IND-NA), 2460 (11168-2017-CE-IND-NA-PS Rev. 0.0) - Xám 16G; Ø (1,7 x 47 mm, 200ml/ min) - Xanh lá 18G; Ø (1,3 x 45 mm, 85ml/ min) - Hồng 20G; Ø (1,1 x 35 mm, 55ml/ min) - Xanh dương 22G; Ø (0,9 x 25 mm, 33ml/ min) - Vàng 24G; Ø	Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE		Công ty Alpha medicare abd devices pvt. Ltd, Có địa chỉ tại 97, Alpha estate, near abad estate, opp. Kashiram textile, narol highway, ahmedabad - 382405, gujarat,	Ấn Độ	Cái	70.400	5.000	352.000.000																							
Tổng cộng:				3 mặt hàng									447.382.000																							

DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: **962** /QĐ-SYT ngày **01** tháng **11** năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Liên danh Công ty CP dược TBYT Hà Giang - Công ty CP dược VTYT Hải Dương

GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
1	N03.01.070	Bơm tiêm MPV 1ml	100 cái/ hộp	EN ISO 13485:2016	MPV	VIỆT NAM	Cái	17.800	798	14.204.400
2	N03.01.070	Bơm tiêm MPV 3ml Luer lock	100 cái/ hộp	EN ISO 13485:2016	MPV	VIỆT NAM	Cái	20.300	903	18.330.900
3	N03.01.070	Bơm tiêm MPV 5ml Luer lock	100 cái/ hộp	EN ISO 13485:2016	MPV	VIỆT NAM	Cái	2.103.400	945	1.987.713.000
4	N03.01.070	Bơm tiêm MPV 10ml Luer lock	100 cái/ hộp	EN ISO 13485:2016	MPV	VIỆT NAM	Cái	1.819.600	1.365	2.483.754.000
5	N05.02.030	Chỉ khâu phẫu thuật không tiêu Nylon liền kim	Hộp 24 sợi	ENISO 13485:2012	SHANDONG SINORGMED CO., LTD (HEZE SINOGMED POLYMERS CO., LTD)	TRUNG QUỐC	Sợi	240	18.900	4.536.000
6	N04.03.030	Dây thở ô xy 2 nhánh MPV	25 cái/túi	EN ISO 13485:2016	MPV	VIỆT NAM	Cái	14.750	4.620	68.145.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
7	N03.05.010	Bộ Dây tuyến dịch kim CB SPE MPV	Túi 1 bộ x 500 bộ/ kiện	Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 . TCVN 6591-4: 2008	MPV	VIỆT NAM	Bộ	428.500	6.300	2.699.550.000
8	N03.06.030	Găng tay khám bệnh các số: S-M	50 đôi/hộp	TCVN ISO 9001:2008 và ISO 13485:2003	MERUFA	VIỆT NAM	Đôi	1.429.000	997	1.424.713.000
9	N03.06.030	Găng tay khám bệnh các số: S-M	50 đôi/ hộp, 500 đôi/ thùng	TCVN ISO 9001:2008 và ISO 13485:2003	MERUFA	VIỆT NAM	Đôi	1.710.000	997	1.704.870.000
10	N03.06.030	Găng tay khám bệnh các số: S-M	50 đôi/hộp	TCVN ISO 9001:2008 và ISO 13485:2003	MERUFA	VIỆT NAM	Đôi	3.056.500	997	3.047.330.500
11	N03.06.030	Găng tay khám bệnh các số: S-M	50 đôi/hộp	TCVN ISO 9001:2008 và ISO 13485:2003	MERUFA	VIỆT NAM	Đôi	823.500	997	821.029.500
12	N03.06.030	Găng tay khám bệnh các số: S-M	50 đôi/hộp 10 hộp/thùng carton	TCVN ISO 9001:2008 và ISO 13485:2003	MERUFA	VIỆT NAM	Đôi	390.000	997	388.830.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
13	N03.06.050	Găng tay phẫu thuật tiết trùng các số : 6,5-7-7,5-8	50 đôi/hộp	TCQT: ISO -10282:2014	MERUFA	VIỆT NAM	Đôi	42.500	3.448	146.540.000
14	N03.06.050	Găng tay phẫu thuật tiết trùng các số : 6,5-7-7,5-8	50 đôi/ hộp, 300 đôi/ thùng	TCQT: ISO -10282:2014	MERUFA	VIỆT NAM	Đôi	151.100	3.348	505.882.800
15	N03.06.050	Găng tay phẫu thuật tiết trùng các số : 6,5-7-7,5-8	1 đôi/túi giấy	TCQT: ISO -10282:2014	MERUFA	VIỆT NAM	Đôi	295.850	3.448	1.020.090.800
16		Sông Foley - ống thông đường tiểu	10 cái/ hộp.	ENISO 13485:2012	ZHANJIANG STAR ENTERPRRI CO., LTD	TRUNG QUỐC	Cái	2.200	31.500	69.300.000
17		Sông Foley - ống thông đường tiểu	10 cái/ hộp.	ENISO 13485:2012	ZHANJIANG STAR ENTERPRRI CO., LTD	TRUNG QUỐC	Cái	12.100	29.900	361.790.000
18	N08.00.260	Kẹp rốn MPV	Túi 1 cái	EN ISO 13485:2016 Được công nhận và thừa nhận quốc tế	MPV	VIỆT NAM	Cái	21.500	2.520	54.180.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
Tổng cộng:		18 mặt hàng								16.820.789.900

PHẠM VI CUNG ỨNG HÓA VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

(Kèm theo Quyết định số 962/QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Liên danh Công ty CP dược TBYT Hà Giang - Công ty CP dược VTYT Hải Dương

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa Khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số				
1	001.G5.2019	N03.01.070	Bơm tiêm MPV 1ml	100 cái/hộp	Thành phần cấu tạo: - Xy lanh: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có vạch chia dung tích rõ ràng. - Pit tổng: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có khóa bẻ gãy để hủy chống sử dụng lại. - Giắc: Nguyên liệu nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm, tạo độ kín khít giữa pit tổng với xy lanh, không gây độc, không ảnh hưởng sức khỏe. - Kim: Thép không gỉ, có độ cứng cơ khí, không bị cong vênh trong điều kiện bình thường, không bị oxy hóa; bề mặt kim tiêm nhẵn, bóng; đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh và không có gờ, có nắp chụp bảo vệ. - Kích thước: 26G x 1¼", 26G x 5/8" và các cỡ khác theo yêu cầu. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	EN ISO 13485:2016	08/2017 /BYT-TB-CT	MPV	VIỆT NAM	Cái	17.800	798	14.204.400						200		200						6.000	1.000			3.000	6.500			900			
2	002.G5.2019	N03.01.070	Bơm tiêm MPV 3ml Luer lock	100 cái/hộp	Bơm tiêm nhựa, cỡ kim 23G; 25G, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp đậy. Có đầu xoắn Luer lock	EN ISO 13485:2016	09/2019 /BYT-TB-CT	MPV	VIỆT NAM	Cái	20.300	903	18.330.900	18.000													400	1.300				600						
3	003.G5.2019	N03.01.070	Bơm tiêm MPV 5ml Luer lock	100 cái/hộp	Bơm tiêm nhựa, cỡ kim 23G; 25G, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp đậy. Có đầu xoắn Luer lock	EN ISO 13485:2016	09/2019 /BYT-TB-CT	MPV	VIỆT NAM	Cái	2.103.400	945	1.987.713.000	370.000		58.000	40.000	46.000		4.000	900	10.000	50.000	154.000	490.000	150.000	61.500	150.000	192.000	42.000	84.000	30.000	171.000					
4	004.G5.2019	N03.01.070	Bơm tiêm MPV 10ml Luer lock	100 cái/hộp	Bơm tiêm nhựa, cỡ kim 23G; 25G, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp đậy. Có đầu xoắn Luer lock	EN ISO 13485:2016	09/2019 /BYT-TB-CT	MPV	VIỆT NAM	Cái	1.819.600	1.365	2.483.754.000	370.000	4.500	86.000	20.000	55.000		4.000			90.000	130.000	305.000	130.000	55.500	150.000	152.000	20.600	87.000	50.000	110.000					

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Tuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số
5	5.G5.20.19	N05.02.030	Chỉ khâu phẫu thuật không tiêu Nylon liên kim	Hộp 24 sợi	Chỉ khâu không tiêu Nylon các số	ENISO 13485:2012	867-ADJVI NA/170000008/PCBL-BYT	SHANDONG SINORGMED CO., LTD (HEZE SINOGMED POLYMERS CO., LTD)	TRUNG QUỐC	Sợi	240	18.900	4.536.000										240											
6	6.G5.20.19	N04.03.030	Dây thở ô xy 2 nhánh MPV	25 cái/túi	Được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC, dây mềm, thành trong lòng ống dây có hình sao có tác dụng trống không bị tắc nghẽn khí oxy khi ống dây bị đè bẹp hay bị gãy gấp, một đầu gắn phễu, một đầu gắn co 2 nhánh. Chiều dài 185 cm. Đạt tiêu chuẩn GMP-FDA,2014; EN ISO 13485:2016 ; ISO 9001:2015	EN ISO 13485:2016	84/2016-BYT-BT-CT	MPV	VIỆT NAM	Cái	14.750	4.620	68.145.000	5.000	20	550	400	950					200	200	1.080		250	1.000	1.500	1.000	400	200	2.000	

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
7	7.G5.2019	N03.05.010	Bộ Dây tuyền dịch kim CB SPE MPV	Túi 1 bộ x 500 bộ/ kiện	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích ≥ 8.5ml. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh , mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn ≥1550mm. không chứa độc tố DEHP.	Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016. TCVN 6591-4: 2008	09/2019-BYT-TB-CT	MPV	VIỆT NAM	Bộ	428.500	6.300	2.699.550.000	80.000	900		5.000	6.500					21.000	20.000	190.000	22.000	500	60.000	22.000	600					

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
9	9.G5.2019	N03.06.030	Găng tay khám bệnh các số: S-M	50 đôi/hộp, 500 đôi/thùng	Được sản xuất từ cao su thiên nhiên. Dùng được cả hai tay, bề mặt ngón tay nhám, không tiết trùng. Bột phủ đạt tiêu chuẩn Dược điển Hoa Kỳ. Không lỗ thủng, không có điểm yếu. Đạt tiêu chuẩn ASTM D3578-05, Kích cỡ: XS, S, M, L. Chiều rộng lòng bàn tay (XS: 70 ± 10mm; S: 80 ± 10mm; M: 95 ± 10mm; L: 111 ± 10mm; XL: ≥ 111mm). Chiều dài găng: Đạt tiêu chuẩn ASTM D3578. Độ dày tối thiểu: 0,08mm. Độ dài kéo đứt trước/sau lão hóa: Min 18/14 Mpa. Độ dẫn đứt trước/sau lão hóa: 650%/500%. Trọng lượng bột tối đa 10mg/dm2. Tiêu chuẩn chất lượng: ASTM D3578, GMP, ISO 9001: 2015, ISO 13485: 2016.	TCVN ISO 9001:2008 và ISO 13485:2003	170000179/PCB A-HCM	MERUFA	VIỆT NAM	Đôi	1.710.000	997	1.704.870.000	100.000	90.000	80.000								200.000	230.000		50.000	90.000	200.000	100.000	100.000	100.000	40.000	300.000	30000
10	10.G5.2019	N03.06.030	Găng tay khám bệnh các số: S-M	50 đôi/hộp	Được sản xuất từ cao su thiên nhiên, được phủ bột chống dính (thành phần chính là bột ngô biến tính, loại có thể được dịch cơ thể hấp thụ). Dùng được cho cả tay trái và tay phải.	TCVN ISO 9001:2008 và ISO 13485:2003	170000179/PCB A-HCM	MERUFA	VIỆT NAM	Đôi	3.056.500	997	3.047.330.500	320.000	40.000	700.000				6.000	9.000	1.500	220.000	200.000	750.000	230.000		400.000	4.000	1.000	135.000	40.000			

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đông Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Vị Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số			
11	11.G5.2.019	N03.06.030	Găng tay khám bệnh các số: S-M	50 đôi/hộp	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có bột. Độ dày tối thiểu: cổ tay: 0,08mm, lòng bàn tay: 0,09mm, ngón tay: 0,1mm Chiều dài tối thiểu: 240mm Chiều rộng lòng bàn tay: cỡ XS: 70mm ± 10mm; cỡ S 80mm ± 10mm; cỡ M 95mm ± 10mm; cỡ L 110mm ± 10mm; cỡ XL 120mm ± 10mm. Lực làm rách tối thiểu: trước lão hóa 6,0N, sau lão hóa 6,0N Sức kéo tối thiểu: trước lão hóa 650%, sau lão hóa 500% Sức căng tối thiểu: trước lão hóa 18 MPa, sau lão hóa 14MPa Lượng bột tối đa 10mg/dm2 Lượng protein: Tối đa 200µg/dm2.	TCVN ISO 9001:2008 và ISO 13485:2003	170000179/PCB A-HCM	MERUFA	VIỆT NAM	Đôi	823.500	997	821.029.500					80.000	90.000	39.000	4.000							203.500				100.000				307.000	
12	12.G5.2.019	N03.06.030	Găng tay khám bệnh các số: S-M	50 đôi/hộp 10 hộp/thùng carton	- Chiều ngang lòng bàn tay (± 3mm): Size XS: 76mm, S: 84mm, M: 94mm, L: 105mm, XL: 113 - Độ dày: Ngón tay: 0,10mm ± 0,02, lòng bàn tay: 0,10mm ± 0,02 - Lượng bột: Max 10mg/dm2 - Nguyên liệu: Cao su tự nhiên, loại cao cấp, có phủ bột chống dính, bột ngô. - Thiết kế thuận cho cả 2 tay, mịn và có viền ở cổ tay.	TCVN ISO 9001:2008 và ISO 13485:2003	170000179/PCB A-HCM	MERUFA	VIỆT NAM	Đôi	390.000	997	388.830.000																100.000			200.000	90.000				

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa Khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa Khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số			
13	13.G5.2.019	N03.06.050	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số : 6,5-7,5,8	50 đôi/hộp	Găng tay y tế với chất liệu làm từ 100% cao su thiên nhiên mang lại cảm giác chắc chắn, thoải mái, vừa vặn và bám dính tối ưu nhờ vào tính chất dẫn hút của nó. Găng được hấp thụ tính bột ngô (USP) giúp cho việc đeo và tháo găng trở nên dễ dàng hơn. Đã tiệt trùng bằng tia Gamma. Đáp ứng phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật cơ bản về găng tay cao su sử dụng trong y tế, dựa trên các tiêu chuẩn FDA K0101198, EC MY14/01387, ISO 9001:2008 No.MY00/51149, ISO 13485:2003 No.MY00/51448. Các tiêu chuẩn vật lý yêu cầu: Độ rộng: Khoảng 95mm (đối với găng cỡ 7,5). Độ dài nhỏ nhất là: 280mm. Độ dày: Mỏng nhất là 0,1mm, mang lại cảm giác tốt về xúc giác cho người sử dụng. Độ bền kéo đứt: > 24MPa (khi chưa sử dụng) và > 18MPa (khi đã sử dụng). Độ co dãn: Tối thiểu 560%. Khả năng chống thấm nước: Có khả năng chống thấm đáng kể đối với nước, dịch lỏng, mang lại một rào cản sinh học xuất sắc, an toàn cho người sử dụng.	TCQT: ISO - 10282:2014	16/2018 /BYT-TB-CT	MERUFA	VIỆT NAM	Đôi	42.500	3.448	146.540.000	23.000												1.500					18.000						
14	14.G5.2.019	N03.06.050	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số : 6,5-7,5,8	50 đôi/ hộp, 300 đôi/ thùng	Chế tạo từ latex cao su tự nhiên. Bàn tay hình cong. Lượng bột bôi trơn nằm ở mặt trong găng: 100 ± 20mg. TCVN 6343 (ISO 10282) - Kích cỡ: 6,0; 6,5; 7,0; 7,5; 8,0. Chiều rộng: (6,5: 83 ± 5mm; 7,0: 89 ± 5mm; 7,5: 95 ± 5mm; 8,0: 102 ± 6mm.). Chiều dài: 275 ± 5mm. Độ dày 1 lớp: 0,15 - 0,2mm. Lực kéo đứt (Trước già hóa: 15N, sau già hóa: 11N. Độ đàn hồi (trước già hóa: 750%, sau già hóa: 600). Tiệt trùng bằng gas EO theo tiêu chuẩn ISO 11135:2014 được ghi cụ thể trên từng bao bì găng tay. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 9001: 2015, ISO 13485: 2012.	TCQT: ISO - 10282:2014	16/2018 /BYT-TB-CT	MERUFA	VIỆT NAM	Đôi	151.100	3.348	505.882.800		9.000		20.000							34.000				2.500	20.000	10.000	12.000	4.000	1.600	8.000	30000		

Page 7

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số
15	15.G5.2.019	N03.06.050	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số : 6,5-7-7,5-8	1 đôi/túi giấy	Sản xuất từ cao su thiên nhiên. Găng tay được sản xuất từ nguyên liệu cao su tự nhiên ly tâm hai lần nhằm loại trừ các tạp chất, độc tố và các tác nhân gây dị ứng. Công nghệ lột nước được áp dụng trên hệ thống những găng tay tự động. Các chất sử dụng để pha chế latex nhập từ các công ty nổi tiếng thế giới, đạt tiêu chuẩn dùng cho ngành y tế và theo tiêu chuẩn FDA. Găng có phủ bột ngô biến tính (loại có thể được dịch cơ thể hấp thụ đạt tiêu chuẩn). Hàm lượng Protein nhỏ hơn 200µg/g; Chế độ kiểm tra 100% từng chiếc sau khi được đóng dấu tên người kiểm tra;	TCQT: ISO - 10282:2014	16/2018/BYT-TB-CT	MERUFA	VIỆT NAM	Đôi	295.850	3.448	1.020.090.800	90.000		4.500	40.000						10.000	30.000	25.000	20.000	5.750	40.000	15.000	1.000	7.000	1.600	6.000	
16	16.G5.2.019	N04.02.060	Sông Foley - ống thông đường tiểu	10 cái/ hộp.	Thẻ tích bóng 3cc. Các số 8 - 10. Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ silicon giảm kích ứng, thành ống dày chống gãy gấp, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt, Bóng cân đối có 2 nhánh, chất liệu không có chất DEHP. Đóng gói 1 cái/ túi nilon. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO 13485: 2012.	ENISO 13485:2012	864-ADJVI NA/170 000008/PCBPL-BYT	ZHANJIAN STAR ENTERPR RICE CO., LTD	TRUNG QUỐC	Cái	2.200	31.500	69.300.000										1.000				1.000	200						

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa	Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số	
17	17.G5.2.019	N04.02.060	Sông Foley - ống thông đường tiểu	10 cái/ hộp.	Thẻ tích bóng 30cc. Các số 12 - 28. Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ silicon giảm kích ứng, thành ống dày chống gãy gấp, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt, Bóng cân đối có 2 nhánh, chất liệu không có chất DEHP. Đóng gói 1 cái/ túi nilon. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO 13485: 2012.	ENISO 13485:2012	864-ADJVIN/170000008/PCBPL-BYT	ZHANJIANSTAR ENTERPRISERICE CO., LTD	TRUNG QUỐC	Cái	12.100	29.900	361.790.000												2.000	4.500			4.000	1.600						
18	18.G5.2.019	N08.00.260	Kẹp rốn MPV	Túi 1 cái	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Không chứa độc tố DEHP.	EN ISO 13485:2016 Được công nhận và thừa nhận quốc tế	08/2017 /BYT-TB-CT	MPV	VIỆT NAM	Cái	21.500	2.520	54.180.000	6.000									200	900			6.000		7.000	400			1.000			
Tổng cộng:		18 mặt hàng											16.820.789.900																							

DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 962 /QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty cổ phần thiết bị vật tư Hoàng Minh

GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
1	N01.01.010	Bông cất chưa tiết trùng	500g /túi	TCVN	Bảo Thạch	Việt Nam	Kg	1.100	103.950	114.345.000
2	N02.03.020	Gạc hút y tế khổ 0.8m	100 mét/ kiện	ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, FDA	Lộc Luyến	Việt Nam	Mét	124.750	3.591	447.977.250
3	N02.01.040	Băng cuộn 10cm x 5 m	10 cuộn/ gói	ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, FDA	Lộc Luyến	Việt Nam	Cuộn	126.800	1.491	189.058.800
4	N02.01.040	Băng cuộn 10cm x 2,5 m	20 cuộn/ gói	ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, FDA	Lộc Luyến	Việt Nam	Cuộn	43.000	924	39.732.000
5	N02.02.020	Băng dính 2,5 x 5m	12 cuộn/ hộp	ISO 13485-2016 EN ISO 13485- 2016	Zhejiang Kang Li Di Medical Articles CO.,LTD	Trung Quốc	Cuộn	56.190	6.804	382.316.760
6	N05.02.030	Chỉ lạnh thường cuộn 500m	1 cuộn/ túi		Bình Minh	LD Việt Pháp	Cuộn	235	34.125	8.019.375
7	N05.02.030	Chỉ Peclon	126m/ cuộn	ISO 9001:2008		Việt Nam	Cuộn	364	7.875	2.866.500
8	N04.02.060	Dây hút nhớt các số	Kiện/ 400 cái	GMP-FDA,2014; EN ISO 13485:2016 ; ISO 9001:2015	Hoàng Sơn	Việt Nam	Cái	37.500	2.604	97.650.000
9		Khẩu trang giấy VT	50 cái/ hộp	GMP-FDA,2014; EN ISO 13485:2016 ; ISO 9001:2015	Xiantao Yinhong Protective Products CO.,LTD	Trung Quốc	Cái	225.000	410	92.250.000
10		Mũ giấy đã tiết trùng	50 cái/ hộp	ISO 1345-2004, ISO 13485-2003	Xiantao Yinhong Protective Products CO.,LTD	Trung Quốc	Cái	253.200	651	164.833.200

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
11	N03.07.060	Túi nước tiểu	10 cái	GMP-FDA,2014; EN ISO 13485:2016 ; ISO 9001:2015	Huaian Angel Medical Instruments CO.,LTD	Trung Quốc	Cái	9.700	4.557	44.202.900
12	N07.01.500	Phim XQ khô 8"x10"	100 tờ/ hộp	ISO 13485:2003, EC, CO, CQ	AGFA	Bi	Hộp	100	1.399.650	139.965.000
13	N07.01.500	Phim XQ 24 x 30 cm	101 tờ/ hộp		AGFA	Bi	Hộp	23	787.500	18.112.500
14	N07.01.500	Phim XQ 30 x 40 cm	100 tờ/ hộp		AGFA	Bi	Hộp	70	1.252.650	87.685.500
15	N05.01.010	Kim khâu da	10 cái/ gói	TCCE	BSV	Trung Quốc	Cái	32.010	1.764	56.465.640
16	N03.02.030	Kim trích máu	200 cái/ hộp	ISO 9001:2008	Huaian Angel Medical Instruments CO.,LTD	Trung Quốc	Cái	94.500	168	15.876.000
17		Ống máu lắng	50 ống / hộp	TCCE	Improve Medical Instruments Co., Ltd - Trung Quốc	Trung Quốc	Ống	3.000	5.901	17.703.000
18		Ống nghiệm thủy tinh	100 Cái/ hộp	ISO 13485:2003	Son Hà	Việt Nam	Cái	189.110	336	63.540.960
19	N04.01.090	Sonde cho ăn có nắp các cỡ	50 cái/ hộp	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; GMP	Hoàng Sơn	Việt Nam	Cái	5.700	4.935	28.129.500
20	N04.02.060	Sonde hút nhót các số có van	50 cái/ túi	ISO 9001:2008	Hoàng Sơn	Việt Nam	Cái	9.240	2.646	24.449.040
21	N04.02.060	Dây hút nhót các số	50 cái/ túi	ISO 9001:2008	Hoàng Sơn	Việt Nam	Cái	7.550	2.604	19.660.200
22	N05.03.080	Lưỡi dao mổ vô trùng các số	100 cái/ hộp	ISO 13485 + AC : 2012; ISO 9001 : 2008	Kiato	Ấn Độ	Cái	44.800	861	38.572.800
23		Giũa ống tủy màu vàng	01 Cái/ túi	ISO 13485: 2003		Trung Quốc	Cái	270	9.700	2.619.000
24	N08.00.330	Mũi khoan xương răng	Cái		Mani	Nhật Bản	Cái	20	118.125	2.362.500
25		Que bond	Hộp		I-Dental LITHUANIA	EU	Hộp	20	59.115	1.182.300

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
26	N08.00.190	Đầu côn xanh	1000 cái/ túi	ISO 13485: 2003;	Huangyu ZMC	Trung Quốc	Cái	324.500	70	22.715.000
27		Tấm trải nylon 1x1,3m	1 cái/ gói	ISO 1345-2004, ISO 13485-2003	Phúc Hà	Việt Nam	Cái	15.920	4.788	76.224.960
28		Tạp dề nylon	1 cái/ gói	ISO 1345-2004, ISO 13485-2003	Phúc Hà	Việt Nam	Cái	520	6.405	3.330.600
29		Filter lọc khuẩn đo chức năng hô hấp	01 Cái/ túi		Suzhou Yudu	Trung Quốc	Cái	1.000	20.500	20.500.000
30		Que lấy bệnh phẩm	100 que/ túi	TCVN	Lạc Việt	Việt Nam	Que	30.000	777	23.310.000
Tổng cộng:		30 mặt hàng								2.245.656.285

PHẠM VI CUNG ỨNG HÓA VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

(Kèm theo Quyết định số 962/QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty cổ phần thiết bị vật tư Hoàng Minh

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y được cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cực dân số	
1	01.G5.2.019	N01.01.010	Bông cắt chưa tiệt trùng	500g /túi		TCVN	170000046/PCB A-BD	Bảo Thạch	Việt Nam	Kg	1.100	103.950	114.345.000	1.100																					
2	02.G5.2.019	N02.03.020	Gạc hút y tế khô 0.8m	100 mét/kiện	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton, mật độ 18-20 sợi/inch, tri số sợi CD 40/1. Được tẩy trắng bằng oxi già, không có độc tố, độ thấm hút =<5 giây. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.	ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, FDA	720ETT NHH	Lộc Luyến	Việt Nam	Mét	124.750	3.591	447.977.250			650	1.000	3.500						3.000	63.800			50.000	800				2.000		
3	03.G5.2.019	N02.01.040	Băng cuộn 10cm x 5 m	10 cuộn/ gói	Kích thước 10cm x 5m	ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, FDA	19.0126/ MG	Lộc Luyến	Việt Nam	Cuộn	126.800	1.491	189.058.800	35.000			1.000	700	100	1.000				14.000	16.300	7.500	5.400	10.000	11.800	9.200	4.500	2.000	8.300		
4	04.G5.2.019	N02.01.040	Băng cuộn 10cm x 2,5 m	20 cuộn/ gói	Kích thước 10cm x 2,5m	ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, FDA	19.0126/ MG	Lộc Luyến	Việt Nam	Cuộn	43.000	924	39.732.000				200						6.000	14.000	2.000	4.500			11.800	1.000	1.500	2.000			
5	05.G5.2.019	N02.02.020	Băng dính 2,5 x 5m	12 cuộn/ hộp	Vải không dệt, lớp nền 100% sợi cellulose acetate, sợi 44.0 x 19,5 sợi/ cm, keo oxit kẽm không dùng dung môi, lực dính 1,8-5,5N/cm.Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - 2016, Free sales. Kích cỡ 2,5cm x 5m. Hộp 12 cuộn	ISO 13485-2016 EN ISO 13485-2016	356/170 000077/PCBPL-BYT	Zhejiang Kang Li Di Medical Articles CO.,LTD	Trung Quốc	Cuộn	56.190	6.804	382.316.760	15.000	240					1.000		400	5.700	2.800	11.000		1.250	10.000	6.200	1.400	1.200				
6	6.G5.2.019	N05.02.030	Chi lanh thường cuộn 500m	1 cuộn/ túi	500m			Bình Minh	LD Việt Pháp	Cuộn	235	34.125	8.019.375				10						6	140		15						20	44		
7	7.G5.2.019	N05.02.030	Chi Peclon	126m/ cuộn	126m	ISO 9001:2008			Việt Nam	Cuộn	364	7.875	2.866.500	20									10	100	24	20				140	20		30		

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số
8	8.G5.2019	N04.02.060	Dây hút nhót các số	Kiện/ 400 cái	Được sản xuất từ nhựa PVC, dây mềm, có chiều dài 500 mm, có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây cách đầu bo một khoảng 10 mm tạo hiệu quả cao khi sử dụng. Một đầu dây được gắn phễu, đầu còn lại được bo tròn không gây tổn thương cho người sử dụng. Được tiệt trùng bằng khí E.O. Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP-FDA, ISO 13485, ISO 9001	GMP-FDA,2014; EN ISO 13485:2016; ISO 9001:2015	64/2015 /BYT-TB-CT	Hoàng Sơn	Việt Nam	Cái	37.500	2.604	97.650.000	30.000									1.000	1.000	400		500	2.000	200	1.000	600	200	600	
9	9.G5.2019		Khẩu trang giấy VT	50 cái/ hộp	Khẩu trang y tế bằng giấy 3 lớp.Chất liệu vải không dệt Kích thước: rộng 17,5 cm x 9,5 cm ± 5% Kích thước thanh nẹp mũi: 10,5 cm ± 5% Kích thước dây đeo: 16,5 cm ± 5% Trọng lượng 2,94 g ± 5% Số lớp vải không dệt: 3 lớp Tiệt trùng bằng khí EO	GMP-FDA,2014; EN ISO 13485:2016; ISO 9001:2015		Xiantao Yinhong Protective Products CO.,LTD	Trung Quốc	Cái	225.000	410	92.250.000	68.000	4.500	41.500	2.000						6.000	10.000	11.000		5.500	2.000	40.000	10.000	9.000	14.000	1.500	

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quan Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
10	10.G5.2.019		Mũ giấy đã tiệt trùng	50 cái/hộp	Mũ giấy đã tiệt trùng	ISO 1345-2004, ISO 13485-2003	515/170 000001/PCBPL-BYT	Xiantao Yinzhong Protective Products CO.,LTD	Trung Quốc	Cái	253.200	651	164.833.200	45.000	5.500	21.500	100.000		600					4.000	10.000	7.000	16.000	5.500			27.000	3.500	6.000	1.600		
11	11.G5.2.019	N03.07.060	Túi nước tiểu	10 cái	Túi 2000 ml,túi đựng làm bằng nhựa HD.Dây dẫn van và nút nhựa làm bằng nhựa PVC.Kích thước túi dài 28 cm,rộng 20 cm.Tiệt trùng bằng Etylen Oxid,theo ĐBVN II,tập 3	GMP-FDA,2014; EN ISO 13485:2016; ISO 9001:2015	689/170 000077/PCBPL-BYT	Huaian Angel Medical Instruments CO.,LTD	Trung Quốc	Cái	9.700	4.557	44.202.900	4.000	200								3.000				1.000			500		800	200			
12	12.G5.2.019	N07.01.500	Phim XQ khô 8"x10"	100 tờ/hộp	Phim khô 20 x25 cm	ISO 13485:2003, EC, CO, CQ		AGFA	Bi	Hộp	100	1.399.650	139.965.000										100													
13	13.G5.2.019	N07.01.500	Phim XQ 24 x 30 cm	101 tờ/hộp				AGFA	Bi	Hộp	23	787.500	18.112.500					23																		
14	14.G5.2.019	N07.01.500	Phim XQ 30 x 40 cm	100 tờ/hộp				AGFA	Bi	Hộp	70	1.252.650	87.685.500					40												30						
15	15.G5.2.019	N05.01.010	Kim khâu da	10 cái/gói		TCCE		BSV	Trung Quốc	Cái	32.010	1.764	56.465.640	6.000	350	20							1.000	12.000	1.900		500	1.000	2.200	4.600	1.050	200	1.190			
16	16.G5.2.019	N03.02.030	Kim trích máu	200 cái/hộp		ISO 9001:2008	1028/17 0000077 / PCBPL-BYT	Huaian Angel Medical Instruments CO.,LTD	Trung Quốc	Cái	94.500	168	15.876.000	4.000	4.000	1.800					3.200				3.500				10.000	58.000	4.000			2.000	4.000	
17	17.G5.2.019		Ống máu lắng	50 ống/hộp		TCCE	932.2-ADJVI NA/ 17000008/ PCBPL-BYT	Improve Medical Instruments Co., Ltd - Trung Quốc	Trung Quốc	Ống	3.000	5.901	17.703.000	3.000																						
18	18.G5.2.019		Ống nghiệm thủy tinh	100 Cái/hộp	Được làm bằng nhựa y tế PP mới 100%,	ISO 13485:2003		Son Hà	Việt Nam	Cái	189.110	336	63.540.960	50.000	1.800	1.000	4.000	4.500			310		20.000	50.000		35.000				4.500	6.000		12.000			

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
19	19.G5.2.019	N04.01.090	Sonde cho ăn có nắp các cỡ	50 cái/ hộp	Chất liệu bằng nhựa trắng, dẻo, có nắp, đã tiệt trùng, sử dụng 1 lần, từ số 6 - 18. Dây trơn láng, không sản sùi, không có ba vĩa.	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; GMP	64/2015 /BYT-TB-CT	Hoàng Sơn	Việt Nam	Cái	5.700	4.935	28.129.500			90		40												2.100	600	970	400	1.500	
20	20.G5.2.019	N04.02.060	Sonde hút nhớt các số có van	50 cái/ túi	Chất liệu nhựa đặc biệt, trong suốt, mềm, nhẵn, đàn hồi cao không gây dập hoặc bị bẹp khi sử dụng máy hút. Có khóa hãm.	ISO 9001:2008	64/2015 /BYT-TB-CT	Hoàng Sơn	Việt Nam	Cái	9.240	2.646	24.449.040			40	100									500	900	2.000	3.000				200	2.500	
21	21.G5.2.019	N04.02.060	Dây hút nhớt các số	50 cái/ túi	Chất liệu nhựa đặc biệt, trong suốt, mềm, nhẵn, đàn hồi cao không gây dập hoặc bị bẹp khi sử dụng máy hút. ISO 9001:2008	ISO 9001:2008	64/2015 /BYT-TB-CT	Hoàng Sơn	Việt Nam	Cái	7.550	2.604	19.660.200			350								1.200	400	1.500	900	500		1.500	1.000		200		
22	22.G5.2.019	N05.03.080	Lưỡi dao mổ vô trùng các số	100 cái/ hộp		ISO 13485 + AC : 2012; ISO 9001 : 2008		Kiato	Ấn Độ	Cái	44.800	861	38.572.800	18.000	200	400		200					1.000	5.000	2.400	3.500	1.300		5.200	2.500	3.500	1.000		600	
23	23.G5.2.019		Giũa ống tủy màu vàng	01 Cái/ túi		ISO 13485: 2003			Trung Quốc	Cái	270	9.700	2.619.000	200											20					50					
24	24.G5.2.019	N08.00.330	Mũi khoan xương răng	Cái				Mani	Nhật Bản	Cái	20	118.125	2.362.500	20																					
25	25.G5.2.019		Que bond	Hộp				I-Dental LITHUANIA	EU	Hộp	20	59.115	1.182.300	10																10					
26	26.G5.2.019	N08.00.190	Đầu côn xanh	1000 cái/ túi		ISO 13485: 2003;	743PL-TTDV/ 1700000 27/ PCBPL-BYT	Huangyu ZMC	Trung Quốc	Cái	324.500	70	22.715.000	34.000	6.000	4.000	11.000	4.000	80.000		14.000	10.000	10.000	50.000	20.000	10.000	3.000	4.000	10.000	10.000	2.500	2.000	40.000		

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quán Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số	
27	27.G5.2 019		Tấm trải nylon 1x1,3m	1 cái/ gói		ISO 1345-2004, ISO 13485-2003	1800002 99/PCB A-HN	Phúc Hà	Việt Nam	Cái	15.920	4.788	76.224.960	15.000			90		30								800								
28	28.G5.2 019		Tạp dề nylon	1 cái/ gói		ISO 1345-2004, ISO 13485-2003	1800007 39/PCB A-HN	Phúc Hà	Việt Nam	Cái	520	6.405	3.330.600					20						500											
29	29.G5.2 019		Filter lọc khuẩn đo chức năng hô hấp	01 Cái/ túi			1700857 63-001	Suzhou Yudu	Trung Quốc	Cái	1.000	20.500	20.500.000	1.000																					
30	30.G5.2 019		Que lấy bệnh phẩm	100 que/ túi		TCVN		Lạc Việt	Việt Nam	Que	30.000	777	23.310.000	30.000																					
Tổng cộng:		30 mặt hàng											2.245.656.285																						

DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 962 /QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty TNHH y tế Bình Minh

GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
1	N03.01.040	Bơm tiêm 50 ml sử dụng cho bơm tiêm điện	25cái/ hộp	EN ISO 13485:2012; EC Directive 93/42/EEC ; FSC	Rays Spa	Italy	Cái	4.800	8.000	38.400.000
2	N03.01.040	Bơm luer lock 20ml dùng cho máy bơm tiêm điện	Hộp 50 cái	EN ISO 13485:2012; EC Directive 93/42/EEC ; FSC	Rays Spa	Italy	Cái	2.000	3.500	7.000.000
3	N02.02.020	Băng dính lụa 2,5 cm x 5m	Hộp12 cuộn	EN ISO 13485: 2016; FDA; EC Directive 93/42/EEC	Zhejiang Bangli	Trung Quốc	Cuộn	1.740	8.500	14.790.000
4	N02.02.020	Băng dính lụa 5cm x 5m	Hộp12 cuộn	EN ISO 13485: 2016; FDA; EC Directive 93/42/EEC	Zhejiang Bangli	Trung Quốc	Cuộn	3.550	16.500	58.575.000
5	N02.02.020	Băng dính lụa 5cm x 5m	01 cuộn/hộp	EN ISO 13485: 2016; FDA; EC Directive 93/42/EEC	Zhejiang Bangli	Trung Quốc	Cuộn	16.050	16.500	264.825.000
6	N02.01.010	Băng bó bột thạch cao BM BANGDA cỡ 10 cm x 2.7m	120 cuộn/ thùng	ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC; FDA	JiangSu Senolo	Trung Quốc	Cuộn	8.100	7.500	60.750.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
7	N02.01.010	Băng bó bột thạch cao BM BANGDA cỡ 15 cm x 2.7m	120 cuộn/ thùng	ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC; FDA	JiangSu Senolo	Trung Quốc	Cuộn	23.300	12.000	279.600.000
8	N02.01.010	Băng bó bột thạch cao BM BANGDA cỡ 10 cm x 4.6 m	72 cuộn/ thùng	ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC; FDA	JiangSu Senolo	Trung Quốc	Cuộn	5.320	13.000	69.160.000
9	N02.01.010	Băng bó bột thạch cao BM BANGDA cỡ 15 cm x 4.6 m	72 cuộn/ thùng	ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC; FDA	JiangSu Senolo	Trung Quốc	Cuộn	5.680	17.500	99.400.000
10	N08.00.260	Kẹp mạch máu Hemoclock	01 cái/ túi	ISO 13485:2003 EN ISO 13485:2013; EC Directive 93/42/EEC; FSC	Locamed	Anh	Cái	40	65.000	2.600.000
11	N05.02.030	Chỉ Nylon số 1	12 sợi/Hộp	EN ISO 13485:2012; EC Directive 93/42/EEC	Huaian Top	Trung Quốc	Sợi	640	6.000	3.840.000
12	N05.02.030	Chỉ Nylon số 2/0	12 sợi/Hộp	EN ISO 13485:2012; EC Directive 93/42/EEC	Huaian Top	Trung Quốc	Sợi	880	6.000	5.280.000
13	N05.02.030	Chỉ Nylon số 3/0	12 sợi/Hộp	EN ISO 13485:2012; EC Directive 93/42/EEC	Huaian Top	Trung Quốc	Sợi	1.940	6.000	11.640.000
14	N05.02.030	Chỉ Nylon số 4/0	12 sợi/Hộp	EN ISO 13485:2012; EC Directive 93/42/EEC	Huaian Top	Trung Quốc	Sợi	400	6.000	2.400.000
15	N05.02.030	Chỉ Nylon số 5/0	12 sợi/Hộp	EN ISO 13485:2012; EC Directive 93/42/EEC	Huaian Top	Trung Quốc	Sợi	400	6.000	2.400.000
16	N05.02.030	Chỉ EGYPROPYLENE số 4/0. Mã LD6428CC	12 sợi/Hộp	EN ISO 13485:2012 + AC:2012; EC Directive 93/42/EEC; FSC	Taisier Med	Ai Cập	Sợi	200	62.000	12.400.000
17	N05.02.040	Chỉ Catgut Chrom số 1	12sợi/hộp	EN ISO 13485:2012; EC Directive 93/42/EEC	Huaian Top	Trung Quốc	sợi	2.028	9.000	18.252.000
18	N05.02.040	Chỉ Catgut Chrom số 2/0	12sợi/hộp	EN ISO 13485:2012; EC Directive 93/42/EEC	Huaian Top	Trung Quốc	sợi	2.588	7.500	19.410.000
19	N05.02.040	Chỉ Catgut Chrom số 3/0	12sợi/hộp	EN ISO 13485:2012; EC Directive 93/42/EEC	Huaian Top	Trung Quốc	Sợi	3.588	7.500	26.910.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
20	N05.02.040	Chỉ Catgut Chrom số 4/0	12sợi/hộp	EN ISO 13485:2012; EC Directive 93/42/EEC	Huaian Top	Trung Quốc	Sợi	2.328	7.500	17.460.000
21	N04.03.030	Dây thở oxy 2 nhánh	Túi 1 bộ x 100 túi / kiện	EN ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC	Hitec	Trung Quốc	Bộ	6.740	3.800	25.612.000
22	N03.07.060	Túi đựng nước tiểu	200 cái /hộp	EN ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC	Hitec	Trung Quốc	Túi	200	4.500	900.000
23	N03.03.010	Kim chọc dò gây tê tùy sống các số 18, 20, 22, 25G,27G	50 cây/hộp	ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC; FSC	Sterylab	Italy	Chiếc	16.250	17.500	284.375.000
24	N03.03.010	Kim chọc dò tùy sống	Hộp 100 cái	ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC; FSC	Sterylab	Italy	Cái	4.500	17.500	78.750.000
25	N03.03.010	Kim chọc dò tùy sống các cỡ	25 cái/ hộp	ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC; FSC	Sterylab	Italy	Cái	4.000	17.500	70.000.000
26		Ống nội khí quản lò xo các cỡ	Hộp 10 cái	EN ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC	Hitec	Trung Quốc	Cái	50	42.000	2.100.000
27		Bộ hút đờm kín các cỡ		EN ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC	Hitec	Trung Quốc	Bộ	100	160.000	16.000.000
28	N07.05.020	Sonde Foley 2 nhánh các số	Hộp 10 cái	EN ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC	Hitec	Trung Quốc	Cái	18.130	9.900	179.487.000
29		Ống Nội khí quản có bóng chèn	10 cái/ hộp.	EN ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC	Hitec	Trung Quốc	Cái	1.800	11.000	19.800.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
30	N07.05.020	Sonde JJ	01 cái/túi	ISO 13485:2003 EN ISO 13485:2012; EC Directive 93/42/EEC; FSC	Stapler Medical GmbH& Co. KG	Đức	Cái	460	250.000	115.000.000
31	N03.05.060	Khóa ngã 3 có dây 25cm	Hộp/50	EN ISO 1348:2016; EC Directive 93/42/EEC	Hubei Fuxin	Trung Quốc	Cái	300	4.900	1.470.000
32	N03.05.060	Khóa ngã 3 không dây	Hộp/50	EN ISO 1348:2016; EC Directive 93/42/EEC	Hubei Fuxin	Trung Quốc	Cái	16.600	4.200	69.720.000
33	N03.05.060	Khóa ba ngã	1 cái/bao	EN ISO 1348:2016; EC Directive 93/42/EEC	Hubei Fuxin	Trung Quốc	Cái	3.250	4.200	13.650.000
Tổng cộng:		33 mặt hàng								1.891.956.000

PHẠM VI CUNG ỨNG HÓA VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

(Kèm theo Quyết định số 962/QĐ-SYT ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Công ty TNHH y tế Bình Minh

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Quán Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chai	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
1	01.G5.2.019	N03.01.040	Bơm tiêm 50 ml sử dụng cho bơm tiêm điện	25cái/hộp	Dung tích 50ml, tiết trùng bằng chùm điện từ (EB), sử dụng được cho máy bơm tiêm điện các hãng	EN ISO 13485:2012; EC Directive 93/42/EEC; FSC	180000032/PCB A-NA	Rays Spa	Italy	Cái	4.800	8.000	38.400.000			400							400	2.000								1.000			1.000	
2	02.G5.2.019	N03.01.040	Bơm luer lock 20ml dùng cho máy bơm tiêm điện	Hộp 50 cái	Bơm tiêm nhựa 20ml lock(chiều dài bơm 120.5mm chu vi thân bơm 21.5mm). Sử dụng phù hợp với máy bơm tiêm điện các hãng máy bơm tiêm điện Terumo, Top, Bbraun.Không kim, đầu luer lock.Sử dụng chất liệu nhựa dùng trong y tế, pittong khít, êm nhẹ khi sử dụng.Lưu lượng ổn định ngay từ khi bắt đầu sử dụng, ngay cả ở mức thấp. Không phù đầu silicone, giảm thiểu sự hình thành hạt trong thuốc. Có vạch chia rõ nét, chịu được áp lực cao	EN ISO 13485:2012; EC Directive 93/42/EEC; FSC	180000032/PCB A-NA	Rays Spa	Italy	Cái	2.000	3.500	7.000.000																	2.000						

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
5	05.G5.2.019	N02.02.020	Băng dính lụa 5cm x 5m	01 cuộn/hộp	Thành phần cấu tạo: - Phần nền: Băng vải lụa đan dệt taffeta, màu trắng, số sợi 44x18/cm². Bờ răng cưa hai bên giúp xé dễ dàng, không cần dùng kéo. - Keo: Oxyd kẽm không dùng dung môi. - Lõi: Lõi nhựa liền với cảnh báo vệ được làm từ nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn. - Kích thước đúng: 5cm x 5m và các cỡ khác theo yêu cầu.	EN ISO 13485: 2016; FDA; EC Directive 93/42/EEC	1800000019/PCB A-NA	Zhejiang Bangli	Trung Quốc	Cuộn	16.050	16.500	264.825.000		550		300						2.000					2.000	7.000	4.000	200					
6	06.G5.2.019	N02.01.010	Băng bó bột thạch cao BM BANGDA cỡ 10 cm x 2.7m	120 cuộn/thùng	Băng được cuộn, chiều rộng 10cm, chiều dài 2,7m. Làm bằng chất liệu cotton dễ thấm hút nước mềm màu trắng. Thời gian bão hòa: 60s50, Thời gian đóng rắn: 7min31s	ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC; FDA	1800000021/PCB A-NA	JiangSu Senolo	Trung Quốc	Cuộn	8.100	7.500	60.750.000									600	500		700	1.200		2.300	2.400				400			
7	07.G5.2.019	N02.01.010	Băng bó bột thạch cao BM BANGDA cỡ 15 cm x 2.7m	120 cuộn/thùng	Băng được cuộn, chiều rộng 15cm, chiều dài 2,7m. Làm bằng chất liệu cotton dễ thấm hút nước mềm màu trắng. Thời gian bão hòa: 60s50, Thời gian đóng rắn: 7min31s	ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC; FDA	1800000021/PCB A-NA	JiangSu Senolo	Trung Quốc	Cuộn	23.300	12.000	279.600.000	12.000									600	500	3.600	700	500		2.300	2.400		300	400			

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y được có truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quan Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số	
8	08.G5.2.019	N02.01.010	Băng bó bột thạch cao BM BANGDA cỡ 10 cm x 4.6 m	72 cuộn/ thùng	Băng được cuộn, chiều rộng 10cm, chiều dài 4.6 m. Làm bằng chất liệu cotton để thấm hút nước mềm màu trắng. Thời gian bảo hòa: 60s50, Thời gian đóng rắn: 7min31s	ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC; FDA	180000021/PCB A-NA	JiangSu Senolo	Trung Quốc	Cuộn	5.320	13.000	69.160.000											500		700		400		2.300		720	300	400	
9	09.G5.2.019	N02.01.010	Băng bó bột thạch cao BM BANGDA cỡ 15 cm x 4.6 m	72 cuộn/ thùng	Băng được cuộn, chiều rộng 15 cm, chiều dài 4.6 m. Làm bằng chất liệu cotton để thấm hút nước mềm màu trắng. Thời gian bảo hòa: 60s50, Thời gian đóng rắn: 7min31s	ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC; FDA	180000021/PCB A-NA	JiangSu Senolo	Trung Quốc	Cuộn	5.680	17.500	99.400.000											500		700		400		2.300		1.080	300	400	
10	010.G5.2019	N08.00.260	Kẹp mạch máu Hemoclock	01 cái/ túi		ISO 13485:2003 EN ISO 13485:2013; EC Directive 93/42/EEC; FSC		Locamed	Anh	Cái	40	65.000	2.600.000										20	20											
11	011.G5.2019	N05.02.030	Chỉ Nylon số 1	12 sợi/Hộp	Chỉ không tan đơn sợi polyamid 6.0 hoặc 6.6 số 1 kim tam giác 30mm, kim phủ silicone, tiệt trùng EO hoặc tia gamma. Tiêu chuẩn: EN ISO 13485 :2016	EN ISO 13485:2012; EC Directive 93/42/EEC		Huaian Top	Trung Quốc	Sợi	640	6.000	3.840.000																	160			480		

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Da Khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa Khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quận Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa Khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số			
12	012.G5.2019	N05.02.030	Chỉ Nylon số 2/0	12 sợi/Hộp P	Chỉ không tan đơn sợi polyamid 6.0 hoặc 6.6 số 2/0 kim tam giác 24mm, kim phủ silicone, tiết trùng EO hoặc tia gamma. Tiêu chuẩn: EN ISO 13485 :2016	EN ISO 13485:2012; EC Directive 93/42/EEC		Huaian Top	Trung Quốc	Sợi	880	6.000	5.280.000																								
13	013.G5.2019	N05.02.030	Chỉ Nylon số 3/0	12 sợi/Hộp P	Chỉ không tan đơn sợi polyamid 6.0 hoặc 6.6 số 3/0 kim tam giác 24mm, kim phủ silicone, tiết trùng EO hoặc tia gamma. Tiêu chuẩn: EN ISO 13485 :2016	EN ISO 13485:2012; EC Directive 93/42/EEC		Huaian Top	Trung Quốc	Sợi	1.940	6.000	11.640.000	1.700						240																	
14	014.G5.2019	N05.02.030	Chỉ Nylon số 4/0	12 sợi/Hộp P	Chỉ không tan đơn sợi polyamid 6.0 hoặc 6.6 số 4/0 kim tam giác 19mm, kim phủ silicone, tiết trùng EO hoặc tia gamma. Tiêu chuẩn: EN ISO 13485 :2016	EN ISO 13485:2012; EC Directive 93/42/EEC		Huaian Top	Trung Quốc	Sợi	400	6.000	2.400.000	400																							
15	015.G5.2019	N05.02.030	Chỉ Nylon số 5/0	12 sợi/Hộp P	Chỉ không tan đơn sợi polyamid 6.0 hoặc 6.6 số 5/0 kim tam giác 16mm, kim phủ silicone, tiết trùng EO hoặc tia gamma. Tiêu chuẩn: EN ISO 13485 :2016	EN ISO 13485:2012; EC Directive 93/42/EEC		Huaian Top	Trung Quốc	Sợi	400	6.000	2.400.000	400																							

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quan Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
16	016.G5.2019	N05.02.030	Chỉ EGYPROPYLENE số 4/0. Mã LD6428CC	12 sợi/Hộp	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene, dùng cho phẫu thuật mạch máu bị Calci hoá, dài 90cm, kim tròn đầu tam giác, vòng kim 25mm, 2 kim, độ cong của kim 1/2 vòng tròn, kim phủ silicone, tiết trùng EO hoặc tia gamma	EN ISO 13485:2012 + AC:2012; EC Directive 93/42/EEC; FSC	11781N K/BYT-TB-CT	Taisier Med	Ai Cập	Sợi	200	62.000	12.400.000	200																					
17	17.G5.2019	N05.02.040	Chỉ Catgut Chrom số 1	12sợi/hộp	Số 1 kim tròn 1/2C, kim 40mm dài 75cm. Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen tinh chế được lấy từ màng thanh dịch của bò. Chỉ sẽ mất sức căng khoảng 50% sau 14 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày	EN ISO 13485:2012; EC Directive 93/42/EEC		Huaian Top	Trung Quốc	sợi	2.028	9.000	18.252.000												1.128									900	
18	18.G5.2019	N05.02.040	Chỉ Catgut Chrom số 2/0	12sợi/hộp	Số 2/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, sợi chỉ dài 75cm. Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen tinh chế được lấy từ màng thanh dịch của bò. Chỉ sẽ mất sức căng không 50% sau 14 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày	EN ISO 13485:2012; EC Directive 93/42/EEC		Huaian Top	Trung Quốc	sợi	2.588	7.500	19.410.000										960			1.128								500	

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y được cử truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quận Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKY Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
19	19.G5.2.019	N05.02.040	Chỉ Catgut Chrom số 3/0	12sợi/hộp	Số 3/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, sợi chỉ dài 75cm. Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen tinh chế được lấy từ màng thanh dịch của bò. Chỉ sẽ mất sức căng không 50% sau 14 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày	EN ISO 13485:2012; EC Directive 93/42/EEC		Huaian Top	Trung Quốc	Sợi	3.588	7.500	26.910.000										960	1.000		1.128								500	
20	20.G5.2.019	N05.02.040	Chỉ Catgut Chrom số 4/0	12sợi/hộp	Số 4/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, sợi chỉ dài 75cm. Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen tinh chế được lấy từ màng thanh dịch của bò. Chỉ sẽ mất sức căng không 50% sau 14 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày	EN ISO 13485:2012; EC Directive 93/42/EEC		Huaian Top	Trung Quốc	Sợi	2.328	7.500	17.460.000											1.000	200	1.128									
21	21.G5.2.019	N04.03.030	Dây thờ oxy 2 nhánh	Túi 1 bộ x 100 túi / kiện	Các cỡ XS, S, M, L. Dây dẫn có chiều dài 2 m được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh	EN ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC	180000024/PCB A-NA	Hitec	Trung Quốc	Bộ	6.740	3.800	25.612.000	2.000	20	170							200	200		700	150	1.000	1.500		600	200			

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Da khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quân Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
22	22.G5.2 019	N03.07 .060	Túi đựng nước tiểu	200 cái /hộp	Dung tích 2000ml có khóa vặn ¼ vòng, dây dẫn dài 0.75 m, đường kính ngoài 6.8mm, đường kính van tháo dịch 9.2 mm; tính năng chống trào ngược có lỗ treo	EN ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC	180000014/PCB A-NA	Hitec	Trung Quốc	Túi	200	4.500	900.000																				200		
23	23.G5.2 019	N03.03 .010	Kim chọc dò gây tê tủy sống các số 18, 20, 22, 25G,27G	50 cây/hộp	- Mũi dũa góc xiên và có độ ổn định cao - Không độc tố, không chất gây sốt - Tiết trùng bằng khí EO - Chất bôi trơn Silicone ở thân kim - Size / Ext. Dia. x Length mm: 18G x 3 1/2 1,3 x 88 20G x 3 1/2 0,9 x 88 22G x 3 1/2 0,7 x 88 22G x 1 1/2 0,7 x 40 25G x 3 1/2 0,5 x 88 27G x 3 1/2 0,4 x 88 - Tiêu chuẩn: EN ISO 13485: 2012 + AC 2012, EC.	ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC, FSC		Sterylab	Italy	Chiếc	16.250	17.500	284.375.000			50	100						600	4.000	1.800	1.800	500	4.000	500	700	600	200	1.400		

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đông Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
24	24.G5.2.019	N03.03.010	Kim chọc dò tủy sống	Hộp 100 cái	Kim chọc dò tủy sống đầu Quinck có 3 mặt vát sắc dài 88mm, đường kính 0.7 mm Chuôi kim trong suốt giúp phát hiện dịch não tủy chảy ra. Que thông nòng có màu theo quy ước ISO & DIN.	ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC; FSC		Sterylab	Italy	Cái	4.500	17.500	78.750.000	1.000													2.000	1.000		500						
25	25.G5.2.019	N03.03.010	Kim chọc dò tủy sống các cỡ	25 cái/hộp		ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC; FSC		Sterylab	Italy	Cái	4.000	17.500	70.000.000	4.000																						
26	26.G5.2.019		Ông nội khí quản lỗ xo các cỡ	Hộp 10 cái		EN ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC		Hitec	Trung Quốc	Cái	50	42.000	2.100.000	50																						
27	27.G5.2.019		Bộ hút đờm kín các cỡ			EN ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC	1800000024/PCB A-NA	Hitec	Trung Quốc	Bộ	100	160.000	16.000.000	100																						
28	28.G5.2.019	N07.05.020	Sonde Foley 2 nhánh các số	Hộp 10 cái	Chất liệu cao su thiên nhiên tráng silicon trơn mềm, có sợi Chrom tăng cứng. Bóng Silicon dai không vỡ, dung tích bóng từ 3ml -30ml, van nhựa, không có DEHP, không dị ứng, sản xuất theo công nghệ Châu Âu. Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói 2 lớp túi nilon/chiếc.	EN ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC		Hitec	Trung Quốc	Cái	18.130	9.900	179.487.000	7.600	200	40	40					800		450	700	1.200				2.200	2.300	200	2.400			

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y được cơ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quán Bả	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ thực dân số	
29	29.G5.2.019	N04.01.030	Ống Nội khí quản có bóng chèn	10 cái/hộp.	Chất liệu ống PVC mềm dẻo. Bóng Hi-Lo có thể tích lớn, áp lực nhỏ. Độ dày bóng 0.051mm, đường kính bóng 31.5mm đảm bảo áp lực thấp, thể tích bóng 21.4mm đảm bảo thể tích lớn. Áp lực trong bóng 19.4cm H2O làm giảm tổn thương thành khí quản. Cuff Resting Diameter: 3.0(8mm), 4.0(11mm), 5.0(16mm), 5.5(16mm), 6.0(22mm), 6,5(22mm), 7.0(25mm), 7.5(25mm), 8.0(27mm).	EN ISO 13485:2016; EC Directive 93/42/EEC		Hitec	Trung Quốc	Cái	1.800	11.000	19.800.000											600		500				300				400	
30	30.G5.2.019	N07.05.020	Sonde JJ	01 cái/túi		ISO 13485:2003 EN ISO 13485:2012; EC Directive 93/42/EEC; FSC		Stapler Medical GmbH& Co. KG	Đức	Cái	460	250.000	115.000.000	60										20	200				180						
31	31.G5.2.019	N03.05.060	Khóa ngã 3 có dây 25cm	Hộp/50	- Dây có Luer Lock tạo kết nối chắc chắn . Khóa chịu áp lực lên đến 7 bar. Ống kết nối: I,D,: 3,0mm O,D,: 4,1mm. Dài 25 cm.	EN ISO 1348:2016; EC Directive 93/42/EEC	1800000028/PCB A-NA	Hubei Fuxin	Trung Quốc	Cái	300	4.900	1.470.000												300										

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phụ nữ chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đảng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quân Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
32	32.G5.2.019	N03.05.060	Khóa ngã 3 không dây	Hộp/50	Khóa 3 chắc chống nứt gãy, rò rỉ khi truyền. Chịu được áp lực cao. Không có chất DEHP. * Có Luer Lock tạo kết nối chắc chắn Hạn sử dụng: 5 năm. Khóa chịu áp lực lên đến 7 bar. Ống kết nối: I.D.: 3.0mm O.D.: 4.1mm.	EN ISO 1348:2016; EC Directive 93/42/EEC	1800000028/PCB A-NA	Hubei Fuxin	Trung Quốc	Cái	16.600	4.200	69.720.000	14.000									100			2.000				400		100				
33	33.G5.2.019	N03.05.060	Khóa ba ngã	1 cái/bao	- Chất liệu bằng polycarbonate - Các đầu khóa trong suốt - Cho áp suất lên tới 5 bars - Xoay 360 độ - Mũi tên trên tay cầm giúp xác định hướng dòng chảy - Các đầu nối vát 6% bảo đảm không rò rỉ - Tiết trùng bằng EO gas - Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016/NS-EN ISO 13485:2016, ISO 13485: 2003/ISO 9001: 2008,EC	EN ISO 1348:2016; EC Directive 93/42/EEC	1800000028/PCB A-NA	Hubei Fuxin	Trung Quốc	Cái	3.250	4.200	13.650.000	2.000		550										700										
Tổng cộng:		33 mặt hàng										1.891.956.000																								

DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 962 /QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Liên danh công ty CPDP Minh Châu và Công ty TNHH TBYT Hoàng Anh

GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
1	N03.01.060	Bơm tiêm Insulin 0.3ml (Nipro Syringe U-100 Insulin with needle 0.3ml)	100pcs/hộp	Đạt tiêu chuẩn DIN EN ISO/ EN ISO 13485:2016 Số: 44221127636 ngày 8/3/2019 Đạt tiêu chuẩn EC 93/42/EEC Số: 44232127636 ngày 8/3/2019	NIPRO Indonesia	NIPRO Indonesia	Cái	214.350	4.200	900.270.000
2	N03.01.060	Bơm tiêm Insulin 0.5ml (Nipro Syringe U-100 Insulin with needle 0.5ml)	100pcs/hộp	Đạt tiêu chuẩn DIN EN ISO/ EN ISO 13485:2016 Số: 44221127636 ngày 8/3/2019 Đạt tiêu chuẩn EC 93/42/EEC Số: 44232127636 ngày 8/3/2019	NIPRO Indonesia	NIPRO Indonesia	Cái	824.350	4.200	3.462.270.000
3	N02.04.050	Vật liệu cầm máu tự tan gelatin	20 miếng/ hộp	CE, ISO 13485:2016, EN ISO 13485:2016, CFS	Altaylar Medikal Tibbi Malz ins. Teks. Gidaith. Ibr. San ve Tic.ltd/ Thổ Nhĩ Kỳ	Thổ Nhĩ Kỳ	miếng	280	73.500	20.580.000
4	N08.00.260	Clip mạch máu bằng Titan	6 cái/ vi; 14 vi/ hộp	CE, ISO 13485:2016, EN ISO 13485:2016,CFS	Symmetry Surgical Vesocclude LLC/ Mỹ	Mỹ	Cái	200	42.000	8.400.000
5		Chi tiêu tổng hợp Polyglycolic acid số 1 (Chi Megasorb số 1)	12 sợi/ hộp	ISO 13485:2016, EN ISO 13485:2016, CE, FDA, CFS	Meril Endo Surgery/ Ấn Độ	Ấn Độ	Sợi	2.600	47.600	123.760.000
6	N07.01.500	Phim X-Quang số hóa DVE 20x25 cm	Hộp 125 tờ	ISO 13485:2016 FDA	Carestream	Mỹ	Hộp	1.590	2.499.000	3.973.410.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
7	N07.01.500	Phim X-Quang số hóa DVE 25x30 cm	Hộp 125 tờ	ISO 13485:2016 FDA	Carestream	Mỹ	Hộp	340	3.496.500	1.188.810.000
8	N07.01.500	Phim X-Quang số hóa DVE 35x43 cm	Hộp 125 tờ	ISO 13485:2016 FDA	Carestream	Mỹ	Hộp	160	6.258.000	1.001.280.000
9	N03.02.070	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa bơm thuốc, các cỡ 14G, 16G, 18G, 20G, 22G, 24G	1 gói/cái	CE, ISO 13485:2016, EN ISO 13485:2016, CFS	Hindustan Syringes & Medical Devices Ltd/ Ấn Độ	Ấn Độ	Cái	15.000	5.040	75.600.000
10	N03.02.070	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa bơm thuốc, các cỡ 14G, 16G, 18G, 20G, 22G, 24G	1 gói/cái	CE, ISO 13485:2016, EN ISO 13485:2016, CFS	Hindustan Syringes & Medical Devices Ltd/ Ấn Độ	Ấn Độ	Cái	76.000	5.040	383.040.000
11	N03.02.070	Kim luồn tĩnh mạch trẻ em, sơ sinh	50 cái / hộp	CE 01487, ISO 13485:2003, EN ISO 13485:2012, UNE- EN ISO 13485: 2013	Becton Dickinson	Singapore	cái	13.000	22.428	291.564.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
12	N08.00.190	Đầu côn trắng (Đầu côn Gilson 10µl)	1000cái/túi	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2003 Đạt tiêu chuẩn CE	Nantong Renon Laboratory Equipment Co.,Ltd Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	84.000	95	7.980.000
13		Pipet nhựa vô khuẩn dùng 1 lần các cỡ	500 cái/túi	Đạt tiêu chuẩn EN ISO/ DIN EN ISO 13485: 2016 Đạt tiêu chuẩn CE	Henso Medical Hangzhou Co.,Ltd Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	7.010	1.150	8.061.500
14		Dây dẫn hướng (Git)	Túi 01 cái	Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE số: 2013-MDD/QS-031 Giấy chứng nhận EN ISO 9001:2015 số: QMS.91.008.09.16 Giấy chứng nhận EN ISO 13485:2016 số: MD.QMS.91.009.09.16	Marflow AG Thụy Sĩ	Thụy Sĩ	Cái	30	462.000	13.860.000
15	N03.07.030	Túi tyvek tiệt trùng nhiệt độ thấp Plasma cỡ 100mm x 100m	6 cuộn/ thùng	ISO 9001:2015, EN ISO 13485:2012 + AC:2012, DIN EN ISO 13485:2012, CE 2007/47/EC	Anqing Kangmingna Packaging, Trung Quốc	Trung Quốc	Cuộn	2	763	1.526

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
16	N03.07.030	Túi tyvek tiệt trùng nhiệt độ thấp Plasma cỡ 400mm x 100m	2 cuộn/ thùng	ISO 9001:2015, EN ISO 13485:2012 + AC:2012, DIN EN ISO 13485:2012, CE 2007/47/EC	Anqing Kangmingna Packaging, Trung Quốc	Trung Quốc	Cuộn	10	2.940.000	29.400.000
17		Chổi rửa dụng cụ cỡ 11mm	1 cái/ túi	ISO 9001:2015 Chứng nhận EC: 93/42/EEC	Karl Storz Đức	Đức	Chiếc	20	310.000	6.200.000
18		Chổi rửa dụng cụ cỡ 16mm	1 cái/ túi	ISO 9001:2015 Chứng nhận EC: 93/42/EEC	Karl Storz Đức	Đức	Chiếc	40	310.000	12.400.000
19		Chổi rửa dụng cụ cỡ 2,5mm	1 cái/ túi	ISO 9001:2015 Chứng nhận EC: 93/42/EEC	Karl Storz Đức	Đức	Chiếc	50	310.000	15.500.000
20		Chổi rửa dụng cụ cỡ 7mm	1 cái/ túi	ISO 9001:2015 Chứng nhận EC: 93/42/EEC	Karl Storz Đức	Đức	Chiếc	20	310.000	6.200.000
21		Mảnh ghép thoát vị bẹn, vải thành bụng 6 x 11cm	hộp 3 miếng	EN ISO 13485:2016 ; TCCE 93/42/EEC	Grena Ltd Anh	Anh	Miếng	60	560.000	33.600.000
22		Mảnh ghép thoát vị bẹn, vải thành bụng 5 x 15cm	hộp 1 miếng	EN ISO 13485:2016 ; TCCE 93/42/EEC	Grena Ltd Anh	Anh	Miếng	80	1.250.000	100.000.000

STT	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa trúng thầu	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền
23	N03.07.030	Túi tyvek tiết trùng nhiệt độ thấp Plasma cỡ 75mm x 100m	8 cuộn/ thùng	ISO 9001:2015, EN ISO 13485:2012 + AC:2012, DIN EN ISO 13485:2012, CE 2007/47/EC	Anqing Kangmingna Packaging, Trung Quốc	Trung Quốc	Cuộn	20	615.000	12.300.000
24	N03.07.030	Túi tyvek tiết trùng nhiệt độ thấp Plasma cỡ 200mm x 100m	Gói/Cuộn, 2 cuộn/thùng	ISO 9001:2015, EN ISO 13485:2012 + AC:2012, DIN EN ISO 13485:2012, CE 2007/47/EC	Anqing Kangmingna Packaging, Trung Quốc	Trung Quốc	Cuộn	12	1.620.000	19.440.000

PHẠM VI CUNG ỨNG HÓA VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO GÓI THẦU SỐ 05: GÓI THẦU VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

(Kèm theo Quyết định số 962/QĐ-SYT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Sở Y tế Hà Giang)

Tên nhà thầu: Liên danh công ty CPDP Minh Châu và Công ty TNHH TBYT Hoàng Anh

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bao vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quan Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
1	01.G5.2.019	N03.01.060	Bơm tiêm Insulin 0.3ml (Nipro Syringe U-100 Insulin with needle 0.3ml)	100pcs/hộp	100IU/1ml. Cờ kim 29G 1/2" Kim 13mm thành kim siêu mỏng 0.087mm (1/2"). Cờ 30G 1/2" Kim 13mm (1/2") thành kim siêu mỏng 0.0825mm. Cờ 30G 5/16" Kim ngắn 8mm (5/16") thành kim siêu mỏng 0.087mm có thể tiêm thẳng góc 90 độ. Đầu kim 3 mặt vát, phủ silicone, , tiêm không đau, mau lành, không khoảng chết (≤0.0035ml) và dịch tồn dư , ống tiêm trong suốt, mực black pigment sắc nét, đạt tiêu chuẩn ISO, EC	Đạt tiêu chuẩn DIN EN ISO/EN ISO 13485:2016 Số: 4422112 7636 ngày 8/3/2019 Đạt tiêu chuẩn EC 93/42/EEC Số: 4423212 7636 ngày 8/3/2019	Chứng chỉ lưu hành tự do TU.02.0 2/4/646 6/2017 Số: FK.01.0 1/VI/42 2/2017	NIPRO Indonesia	NIPRO Indonesia	Cái	214.350	4.200	900.270.000	200.000													350	10.000	2.000				2.000		
2	02.G5.2.019	N03.01.060	Bơm tiêm Insulin 0.5ml (Nipro Syringe U-100 Insulin with needle 0.5ml)	100pcs/hộp	100IU/1ml. Cờ kim 29G 1/2" Kim 13mm thành kim siêu mỏng 0.087mm (1/2"). Cờ 30G 1/2" Kim 13mm (1/2") thành kim siêu mỏng 0.0825mm. Cờ 30G 5/16" Kim ngắn 8mm (5/16") thành kim siêu mỏng 0.087mm có thể tiêm thẳng góc 90 độ. Đầu kim 3 mặt vát, phủ silicone, , tiêm không đau, mau lành, không khoảng chết (≤0.0035ml) và dịch tồn dư , ống tiêm trong suốt, mực black pigment sắc nét, đạt tiêu chuẩn ISO, EC	Đạt tiêu chuẩn DIN EN ISO/EN ISO 13485:2016 Số: 4422112 7636 ngày 8/3/2019 Đạt tiêu chuẩn EC 93/42/EEC Số: 4423212 7636 ngày 8/3/2019	Chứng chỉ lưu hành tự do TU.02.0 2/4/646 6/2017 Số: FK.01.0 1/VI/42 2/2017	NIPRO Indonesia	NIPRO Indonesia	Cái	824.350	4.200	3.462.270.000	770.000													350	10.000	2.000	40.000			2.000		

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Meo Vac	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quân Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
5	05.G5.2.019	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp Polyglycolic acid số 1 (Chỉ Megasorb số 1)	12 sợi/hộp	Chỉ Polyglycolic acid tự tiêu số 1 ; Sợi bền, màu tím, dài 90cm, kim tròn, chiều dài kim 40mm, vòng kim 1/2. Được phủ polycaprolactone và calcium stearate. Sức căng còn 50% sau 14 ngày, còn 20% sau 21 ngày, tiêu hoàn toàn trong 90 ngày.kim chỉ nối bằng công nghệ dập đa điểm MST. Tiêu chuẩn: EN ISO 13485, CE, FDA.	ISO 13485:2016, EN ISO 13485:2016, CE, FDA, CFS	GPNK Số: 5911NK /BYT-TB-CT ngày 21/1/2018 CV duy trì GPNK Số: 15/BYT-TB-CT ngày 02/01/2019 Chứng nhận tự do thương mại CFS	Meril Endo Surgery/ Ấn Độ	Ấn Độ	Sợi	2.600	47.600	123.760.000	2.600																					

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
6	6.G5.2019	N07.01.500	Drystar DT2B DMF 8"x10" (phim khô)	Hộp 100 tờ	Phim Drystar DT2B DMF là phim nhạy với nhiệt, thay phim dưới ánh sáng ban ngày. Bao gồm một lớp nền PET dày 168µm, phủ muối bạc và phủ một lớp bảo vệ bên trên. Đóng gói 100 tờ/ hộp	Cùng chỉ tiêu chuẩn CE hệ thống kiểm soát chất lượng theo hướng dẫn Directive 93/42/EEC on Medical Devices, Annex II (3) số: 41314463 Chứng nhận CE hệ thống đảm bảo chất lượng toàn diện chỉ thị 93/42/EEC của	Hàng hóa tự do thương mại	Agfa HealthCare N.V Bỉ	Bỉ	Hộp	1.461	1.627.500	2.377.248.563	520			240	91				20			550			40							
7	7.G5.2019	N07.01.500	Phim X-Quang số hóa DVE 20x25 cm	Hộp 125 tờ	Là loại phim khô Laser kích thước 20x25 cm, có thể nạp phim theo Cartridges dưới ánh sáng thường. Phim sắc nét, độ phân giải cao và độ nhiễu thấp. Phim được phủ nền 7 triệu Polieste Có thể lưu trữ phim được trên 100 năm	ISO 13485:2016 FDA	Hàng hóa tự do thương mại	Carestream	Mỹ	Hộp	1.590	2.499.000	3.973.410.000	420									140		180	350	500								

[illegible]

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quan Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
11	11.G5.2 019	N03.02 .070	Kim lều tĩnh mạch có cánh, có cửa bơm thuốc, các cỡ 14G,16G, 18G, 20G, 22G, 24G	1 gói/cái	Chất liệu FEP –Teflon chống vận xoắn có bề mặt trong và ngoài cực nhẵn giúp giảm thiểu đau và cho dòng chảy ổn định. Đầu catheter thon nhọn 2 lần giúp dễ dàng đi qua da và thành mạch giảm thiểu đau khi đặt kim. Cấu tạo : chần kim và cánh kim làm từ PP, ống thông làm từ FEP, có 4 đường cân quang ngấm, kim làm bằng thép 304, không gỉ, đầu kim 3 cạnh vát, phủ silicon giúp thâm nhập êm nhẹ. Kim có cánh và có cửa bơm thuốc. Các cỡ với các màu khác nhau: 24G (I.D: 0.70 x 19 mm, 22ml/min): màu vàng; 22G (I.D: 0.8 x 25 mm, 38ml/min): màu xanh nước biển; 20G (I.D: 1,0 x 32 mm, 64ml/min): màu hồng; 18G (I.D: 1,2 x 45 mm, 100ml/min): màu xanh lá cây; 16G (I.D: 1,7 x 45 mm, 200ml/min): màu xám; 14G x 1-¾" (I.D: 2,2 x 45 mm, 310ml/min): Màu cam; Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, EN ISO 13485:2016, EC	CE, ISO 13485:2016, EN ISO 13485:2016, CFS	Chứng nhận tự do thương mại CFS	Hindustan Syringes & Medical Devices Ltd/ Ấn Độ	Ấn Độ	Cái	76.000	5.040	383.040.000					3.500						6.500	25.000	5.400	5.500	4.300	5.000	6.500	4.800	7.000	2.500		

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
12	12.G5.2.019	N03.02.070	Kim luồn tĩnh mạch trẻ em, sơ sinh	50 cái /hộp	Kim luồn tĩnh mạch có cánh không công các trẻ em số 24G ((24GA 0.7x 19mm, 25ml/min)) - Chất liệu Vialon thành mỏng đàn hồi ,có 6 đường cân quang ngấm . Thời gian lưu kim 72-96h, làm giảm các biến chứng.Chất liệu vialon giảm biến chứng viêm tĩnh mạch 30% so với chất liệu teflon, giảm biến chứng thoát dịch 18% so với chất liệu teflon. - Đầu kim 3 mặt vát, sắc bén, dễ xuyên qua da và thành mạch.	CE 01487,ISO 13485:2003, EN ISO 13485:2012,UNE-EN ISO 13485:2013	Chứng nhận tự do thương mại CFS	Becton Dickinson	Singapore	cái	13.000	22.428	291.564.000															10.000	2.000					1.000		
13	13.G5.2.019	N08.00.190	Đầu côn trắng (Đầu côn Gilson 10µl)	1000cái /túi	Chất liệu: Polypropylene Là loại đầu tip sử dụng một lần cho Micropipet nhỏ <=10µl. Được sử dụng để thao tác với lượng dung dịch từ 0,1-10µl.	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2003 Đạt tiêu chuẩn CE	Chứng nhận tự do thương mại CFS	Nantong Renon Laboratory Equipment Co.,Ltd Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	84.000	95	7.980.000					4.000	80.000																	
14	14.G5.2.019		Pipet nhựa vô khuẩn dùng 1 lần các cỡ	500 cái/túi	Chất liệu: Polypropylene Thể tích và kích thước: Có nhiều cỡ khác nhau, được đóng trong túi vô trùng. Dùng trong khoa xét nghiệm.	Đạt tiêu chuẩn EN ISO/ DIN EN ISO 13485: 2016 Đạt tiêu chuẩn CE	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2003 Đạt tiêu chuẩn CE	Henso Medical Hangzhou Co.,Ltd Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	7.010	1.150	8.061.500		3.000		1.800		110												2.000			100		

Page 8

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Da khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y được có truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa	Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa Khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa Khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
15	15.G5.2 019		Dây dẫn hướng (Git)	Túi 01 cái	Dây được phủ PTPE. Dây dẫn đường bằng thép không gỉ SS304. Một đầu cứng, một đầu linh hoạt. Màu xanh đậm, có dạng đầu thẳng và đầu cong. Kích thước: 0,032"/ 0,035"/ 0,038", chiều dài 150cm	Chạy chứng nhận tiêu chuẩn CE số: 2013-MDD/Q S-031 Giấy chứng nhận EN ISO 9001:2015 số:QMS. 91.008.0 9.16 Giấy chứng nhận EN ISO 13485:2016 số: MD.QM S.91.009.09.16	Hàng hóa tự do thương mại	Marflow AG Thụy Sĩ	Thụy Sĩ	Cái	30	462.000	13.860.000	30																						

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quán Bả	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV	Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
16	16.G5.2019	N03.07.030	Túi tyvek tiệt trùng nhiệt độ thấp Plasma cỡ 100mm x 100m	6 cuộn/ thùng	Túi ép Tyvek tiệt trùng nhiệt độ thấp Plasma có dạng cuộn, dùng để đóng gói tiệt trùng các mặt hàng y tế. Chất liệu một mặt Tyvek (100% sợi polyethylene dày), là loại giấy có độ dai và độ dính cao, có khả năng chống nhiễm khuẩn, các loại nấm mốc, bào tử, virus HIV, viêm gan B và các loại virus xâm nhập. Lớp còn lại là lớp film trong suốt được ép dính với lớp giấy y tế bằng mép hàn dọc biên. Khi mở túi chất liệu film cao cấp dễ dàng tách ra khỏi lớp giấy và giữ cho túi mở rộng mà không bị rách, ngăn không	ISO 9001:2015, EN ISO 13485:2012 + AC:2012, DIN EN ISO 13485:2012, CE 2007/47/EC		Anqing Kangming na Packaging, Trung Quốc	Trung Quốc	Cuộn	2	763	1.526														2									

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số		
17	17.G5.2.019	N03.07.030	Túi tyvek tiệt trùng nhiệt độ thấp Plasma cỡ 400mm x 100m	2 cuộn/ thùng	Túi ép Tyvek tiệt trùng nhiệt độ thấp Plasma có dạng cuộn, dùng để đóng gói tiệt trùng các mặt hàng y tế. Chất liệu một mặt Tyvek (100% sợi polyethylene dây), là loại giấy có độ dai và độ dính cao, có khả năng chống nhiễm khuẩn, các loại nấm mốc, bào tử, virus HIV, viêm gan B và các loại virus xâm nhập. Lớp còn lại là lớp film trong suốt được ép dính với lớp giấy y tế bằng mép hàn dọc biên. Khi mở túi chất liệu film cao cấp dễ dàng tách ra khỏi lớp giấy và giữ cho túi mở rộng mà không bị rách, nứt, không	ISO 9001:2015, EN ISO 13485:2012 + AC:2012, DIN EN ISO 13485:2012, CE 2007/47/EC	Chứng nhận tự do thương mại CFS	Anqing Kangming na Packaging, Trung Quốc	Trung Quốc	Cuộn	10	2.940.000	29.400.000											10												
18	18.G5.2.019		Chổi rửa dụng cụ cỡ 11mm	1 cái/ túi	Đường kính ngoài 11mm, chiều dài 35cm, đường kính kênh dụng cụ 3-9mm.	ISO 9001:2015 Chứng nhận EC: 93/42/EEC	Hàng hóa tự do thương mại	Karl Storz Đức	Đức	Chiếc	20	310.000	6.200.000	20																						
19	19.G5.2.019		Chổi rửa dụng cụ cỡ 16mm	1 cái/ túi	Đường kính ngoài 16mm, chiều dài 55cm, đường kính kênh dụng cụ 4-14mm.	ISO 9001:2015 Chứng nhận EC: 93/42/EEC	Hàng hóa tự do thương mại	Karl Storz Đức	Đức	Chiếc	40	310.000	12.400.000	40																						
20	20.G5.2.019		Chổi rửa dụng cụ cỡ 2,5mm	1 cái/ túi	Đường kính ngoài 2,5mm, chiều dài 50cm, đường kính kênh dụng cụ 2-2,4mm.	ISO 9001:2015 Chứng nhận EC: 93/42/EEC	Hàng hóa tự do thương mại	Karl Storz Đức	Đức	Chiếc	50	310.000	15.500.000	50																						

Page 11

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quân Ba	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ cục dân số	
21	21.G5.2.019		Chổi rửa dụng cụ cỡ 7mm	1 cái/túi	Đường kính ngoài 7mm, chiều dài 50cm, đường kính kênh dụng cụ 2,5-5mm.	ISO 9001:2015 Chứng nhận EC: 93/42/EEC	Hàng hóa tự do thương mại	Karl Storz Đức	Đức	Chiếc	20	310.000	6.200.000	20																					
22	22.G5.2.019		Mảnh ghép thoát vị bẹn, vá thành bụng 6 x 11cm	hộp 3 miếng	Nguyên liệu: Polypropylene Đường kính sợi: 0,15mm; Trọng lượng: 60g/ m2; Độ dày miếng vá: 0,55mm. Kích thước lỗ từ 0,1-11mm. Độ bền Walewise: 230N, Độ bền Coursewise: 230N Độ dẫn Walewise: 70%, Độ giãn Coursewise: 90% Mullent burst: 400N	EN ISO 13485:2016 ; TCCE 93/42/EEC	GPNK Số: 6629NK /BYT-TB-CT ngày 13/9/2018 CV duy trì GPNK Số: 15/BYT-TB-CT ngày 02/01/2019 Chứng nhận tự do thương mại CFS	Grena Ltd Anh	Anh	Miếng	60	560.000	33.600.000	60																					

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
23	23.G5.2.019		Mảnh ghép thoát vị bẹn, vá thành bụng 5 x 15cm	hộp 1 miếng	Nguyên liệu: Polypropylene Đường kính sợi: 0,15mm; Trọng lượng: 60g/ m2; Độ dày miếng vá: 0,55mm. Kích thước lỗ từ 0,1-11mm. Độ bền Walewise: 230N, Độ bền Coursewise: 230N Độ dẫn Walewise: 70%, Độ giãn Coursewise: 90% Mullent burst: 400N	EN ISO 13485:2016; TCCE 93/42/EEC	GPBK Số: 6629NK /BYT-TB-CT ngày 13/9/2018 CV duy trì GPBK Số: 15/BYT-TB-CT ngày 02/01/2019 Chứng nhận tự do thương mại CFS	Grena Ltd Anh	Anh	Miếng	80	1.250.000	100.000.000	80																						

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
24	24.G5.2019	N03.07.030	Túi tyvek tiết trùng nhiệt độ thấp Plasma cỡ 75mm x 100m	8 cuộn/ thùng	Túi ép Tyvek tiết trùng nhiệt độ thấp Plasma có dạng cuộn, dùng để đóng gói tiết trùng các mặt hàng y tế. Chất liệu một mặt Tyvek (100% sợi polyethylene dày), là loại giấy có độ dai và độ dính cao, có khả năng chống nhiễm khuẩn, các loại nấm mốc, bào tử, virus HIV, viêm gan B và các loại virus xâm nhập. Lớp còn lại là lớp film trong suốt được ép dính với lớp giấy y tế bằng mép hàn dọc biên. Khi mở túi chất liệu film cao cấp dễ dàng tách ra khỏi lớp giấy và giữ cho túi mở rộng mà không bị rách, ngăn không	ISO 9001:2015, EN ISO 13485:2012 + AC:2012, DIN EN ISO 13485:2012, CE 2007/47/EC	Chứng nhận tự do thương mại CFS	Anqing Kangming na Packaging, Trung Quốc	Trung Quốc	Cuộn	20	615.000	12.300.000	20																					

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	HÀNG VIẾT NAM																									
														Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mat	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa	Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chỉ thực dân số				
25	25.G5.2019	N03.07.030	Túi tyvek tiệt trùng nhiệt độ thấp Plasma cỡ 200mm x 100m	Gói/Cuộn, 2 cuộn/thùng	Túi ép Tyvek tiệt trùng nhiệt độ thấp Plasma có dạng cuộn, dùng để đóng gói tiệt trùng các mặt hàng y tế. Chất liệu một mặt Tyvek (100% sợi polyethylene dày), là loại giấy có độ dai và độ dính cao, có khả năng chống nhiễm khuẩn, các loại nấm mốc, bào tử, virus HIV, viêm gan B và các loại virus xâm nhập. Lớp còn lại là lớp film trong suốt được ép dính với lớp giấy y tế bằng mép hàn dọc biên. Khi mở túi chất liệu film cao cấp dễ dàng tách ra khỏi lớp giấy và giữ cho túi mở rộng mà không bị rách, nứt, không	ISO 9001:2015, EN ISO 13485:2012 + AC:2012, DIN EN ISO 13485:2012, CE 2007/47/EC	Chứng nhận tự do thương mại CFS	Anqing Kangming na Packaging, Trung Quốc	Trung Quốc	Cuộn	12	1.620.000	19.440.000	12																									

STT	Mã hàng hóa	Mã theo TT 04	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn sản xuất	Số GPLH sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trúng thầu (VAT)	Thành tiền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Lao & Bệnh phổi	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Y tế thành phố	Trung tâm Giám định Y khoa	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Bệnh viện đa khoa Đồng Văn	Bệnh viện đa khoa Mèo Vạc	Bệnh viện đa khoa Khu vực Yên Minh	Bệnh viện đa khoa Quản Bạ	Bệnh viện đa khoa Bắc Mê	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	Bệnh viện đa khoa Khu vực Bắc Quang	Bệnh viện ĐKKV Hoàng Su Phì	Bệnh viện đa khoa Xin Mần	Bệnh viện đa khoa Nà Chi	Bệnh viện đa khoa Quang Bình	Chi cục dân số	
26	26.G5.2.019	N03.07.030	Túi tyvek tiệt trùng nhiệt độ thấp Plasma cỡ 350mm x 100m	Gói/Cuộn, 2 cuộn/thùng	Túi ép Tyvek tiệt trùng nhiệt độ thấp Plasma có dạng cuộn, dùng để đóng gói tiệt trùng các mặt hàng y tế. Chất liệu một mặt Tyvek (100% sợi polyethylene dây), là loại giấy có độ dai và độ dính cao, có khả năng chống nhiễm khuẩn, các loại nấm mốc, bảo tử, virus HIV, viêm gan B và các loại virus xâm nhập. Lớp còn lại là lớp film trong suốt được ép dính với lớp giấy y tế bằng mép hàn dọc biên. Khi mở túi chất liệu film cao cấp dễ dàng tách ra khỏi lớp giấy và giữ cho túi mở rộng mà không bị rách, ngăn không	ISO 9001:2015, EN ISO 13485:2012 + AC:2012, DIN EN ISO 13485:2012, CE 2007/47/EC	Chứng nhận tự do thương mại CFS	Anqing Kangming na Packaging, Trung Quốc	Trung Quốc	Cuộn	8	2.850.000	22.800.000	8																					
27	27.G5.2.019		Lưỡi dao cắt tiêu bản	50 cái/hộp	Độ nghiêng lưỡi dao: 34 độ Độ dày: 0,254mm Kích thước 80 x 8mm	ISO/ NS-EN ISO 13485:2016 Chứng nhận EC: 93/42/EEC	Chứng nhận tự do thương mại CFS	Thermo Nhật Bản	Nhật Bản	Hộp	20	5.880.000	117.600.000	20																					
Tổng cộng:			27 mặt hàng										14.211.575.589																						